SAO Y; Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh; Thời gian ký: 2025-08-19T17:06:52+07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 07 /NQ-HĐND	*Tây Ninh, ngày 07 tháng 8 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT
Về điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 - Nguồn ngân sách địa phương

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về việc quy định phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Thực hiện Quyết định số 864/QĐ-TTg ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 của các địa phương tại quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022, số 147/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ;

Thực hiện Quyết định số 1148/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia (đợt 2);

Xét Tờ trình số 394/TTr-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025 và năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 129/BC-HĐND ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 của tỉnh sau khi đã được sắp xếp như sau:

1. Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của tỉnh là 67.842,258 tỷ đồng và kế hoạch đầu tư công năm 2025 của tỉnh là 17.060,971 tỷ đồng.

2. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của cấp huyện 13.638,316 tỷ đồng và kế hoạch đầu tư công năm 2025 của cấp huyện 2.977,817 tỷ đồng vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách tỉnh.

(Chi tiết đính kèm tại Phụ lục 1, 2)

3. Danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án: chi tiết đính kèm tại các Phụ lục 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13.

Điều 2. Thống nhất nguồn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương năm 2025 (đợt 2) như sau:

Mức vốn ngân sách Trung ương bổ sung cho địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại Quyết định số 1148/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia (đợt 2) cho tỉnh Tây Ninh là 820 triệu đồng (*bao gồm tỉnh Long An trước khi sắp xếp 540 triệu đồng và tỉnh Tây Ninh trước khi sắp xếp 280 triệu đồng*), phân bổ cụ thể: Tỉnh hỗ trợ mục tiêu: Vốn chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 820 triệu đồng phân bổ cho xã Khánh Hưng để xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh Khoá X, Kỳ họp thứ 2 thông qua và có hiệu lực từ ngày 07 tháng 8 năm 2025./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Báo và phát thanh truyền hình Tây Ninh;
- Lưu: VT, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Hùng

Phụ lục 1

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 CỦA TỈNH TÂY NINH SAU SẮP XẾP

Đính kèm Nghị quyết số: 07/NQ-HĐND ngày 07/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau sắp xếp	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
	TỔNG SỐ (A+B)	**67.842.258**	
A	**TỈNH LONG AN**	**40.318.743**	
I	**NGÂN SÁCH CẤP TỈNH QUẢN LÝ**	**31.191.687**	
1	Vốn XDCB tập trung trong nước	4.314.158	
2	Vốn Tiền sử dụng đất	4.853.400	
3	Vốn Xổ số kiến thiết	8.656.625	
4	Bội chi ngân sách địa phương (địa phương vay lại vốn ODA)	803.523	
+	Vay lại ODA	303.523	
+	Phát hành Trái phiếu Chính quyền địa phương	500.000	không có phát hành
5	Vốn hỗ trợ có mục tiêu ngân sách trung ương	7.885.680	
+	Dự án quan trọng quốc gia	2.555.954	
+	Dự án khác	4.788.726	
6	Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội	541.000	
7	Vốn nước ngoài (ODA)	525.105	
8	Nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia	894.797	
-	Xây dựng nông thôn mới	870.790	
-	Giảm nghèo bền vững	24.007	
9	Tăng thu tiết kiệm chi	1.000.000	
10	Vượt thu tiền sử dụng đất năm 2023	287.030	
11	Vượt thu xổ số kiến thiết năm 2023	507.893	
12	Vượt thu xổ số kiến thiết năm 2024	60.000	
13	Vượt thu tiền sử dụng đất năm 2024	847.713	
14	Vốn doanh nghiệp đóng góp	14.763	
II	**NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN QUẢN LÝ**	**9.127.056**	khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp sẽ điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh quản lý

STT	Tên nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau sắp xếp	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*
1	Vốn XDCB tập trung trong nước	1.438.056	
2	Vốn Tiền sử dụng đất	7.689.000	
B	**TỈNH TÂY NINH TRƯỚC SẮP XẾP**	**27.523.515**	
I	**NGÂN SÁCH CẤP TỈNH QUẢN LÝ**	**23.011.955**	
1	Cân đối ngân sách địa phương (Xây dựng cơ bản tập trung trong nước)	4.335.992	
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất, thuê đất	1.167.300	
3	Xổ số kiến thiết	9.109.560	
4	Nguồn tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2020 sang năm 2021	10.998	
5	Bội chi ngân sách địa phương (địa phương vay lại vốn ODA)	155.497	
6	Nguồn tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2022	35.641	
7	Nguồn kinh phí ngân sách cấp tỉnh còn lại	7.297	
8	Nguồn tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2024	517.055	
9	Nguồn sản xuất kinh doanh của Tỉnh ủy	1.800.000	
10	Vốn hỗ trợ có mục tiêu ngân sách trung ương	3.390.219	
11	Vốn nước ngoài (ODA)	497.943	
12	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	480.453	
13	Tăng thu NSTW năm 2022	1.504.000	
II	**NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN QUẢN LÝ**	**4.511.560**	khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp sẽ điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh quản lý
1	Cân đối ngân sách địa phương (Xây dựng cơ bản tập trung trong nước)	2.485.820	
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất, thuê đất	2.025.740	

Phụ lục 2:

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 CỦA TỈNH TÂY NINH SAU SẮP XẾP

Đính kèm Nghị quyết số: 07/NQ-HĐND ngày 07/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
1	2	3	4
	TỔNG CỘNG	**17.060.971**	
A	**TỈNH LONG AN**	**10.667.716**	
I	**CẤP TỈNH QUẢN LÝ**	**8.548.999**	
1	Vốn XDCB tập trung	992.153	
2	Vốn Sử dụng đất	2.812.000	
-	Đầu tư công	2.557.400	
-	chi đầu tư phát triển khác	254.600	
3	Vốn Xổ số kiến thiết	2.170.000	
4	Vượt thu xổ số kiến thiết năm 2023	160.000	
5	Vượt thu xổ số kiến thiết năm 2024	60.000	
6	Vượt thu tiền sử dụng đất năm 2024	460.000	
7	Vốn trong nước	1.327.989	
	Dự án quan trong quốc gia, liên kết vùng	*831.697*	
8	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	227.458	
	- Giảm nghèo bền vững	*2.918*	
	- Nông thôn mới	*224.540*	
9	Vốn kéo dài năm 2024 sang năm 2025 tiếp tục sử dụng và giải ngân	339.399	
II	**CẤP HUYỆN QUẢN LÝ**	**2.118.717**	khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp sẽ điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh quản lý
1	Vốn cân đối theo nguyên tắc, tiêu chí (XDCB tập trung)	330.717	
2	Vốn Tiền sử dụng đất	1.788.000	
B	**TỈNH TÂY NINH TRƯỚC SẮP XẾP**	**6.393.255**	
I	**CẤP TỈNH QUẢN LÝ**	**5.534.155**	
1	Vốn XDCB tập trung	402.860	
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất, thuê đất	590.000	
3	Vốn Xổ số kiến thiết	2.190.000	
4	Nguồn tăng thu tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2024	270.000	
5	Nguồn sản xuất kinh doanh của Tỉnh ủy	100.000	
6	Bội chi NSĐP	21.400	
7	Vốn trong nước	324.592	
8	Vốn nước ngoài	6.165	
9	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	125.138	
	- xây dựng nông thôn mới	116.640	

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
1	2	3	4
	- Vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	8.498	
10	Tăng thu NSTW năm 2022	1.504.000	
II	**CẤP HUYỆN QUẢN LÝ**	**859.100**	khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp sẽ điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh quản lý
1	Vốn XDCB tập trung	189.100	
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất, thuê đất	670.000	

Phụ lục 3

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 (NỘI DUNG CHI KHÔNG PHẢI DỰ ÁN MÀ UBND CẤP HUYỆN TRƯỚC ĐÂY ĐÃ PHÂN BỔ NGUỒN VỐN: XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG VÀ THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN ĐIỀU CHUYỂN VỀ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

Đính kèm Nghị quyết số: 07/NQ-HĐND ngày 07/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh

ĐVT: triệu đồng

STT	Địa phương	Xây dựng cơ bản tập trung				Thu tiền sử dụng đất						
		Tổng số	Ủy thác ngân hàng chính sách	Hỗ trợ nông dân	Chi công tác đo đạc, kiểm kê đất đai	tổng sô	Ủy thác ngân hàng chính sách	Chi công tác đo đạc, kiểm kê đất đai	hội nông dân	Hỗ trợ kinh phí cho ban QLDA	Lập quy hoạch KH sử dụng đất	Lập quy hoạch xây dựng vùng huyện
	TỔNG CỘNG	**46.300**	**45.200**	**600**	**500**	**90.200**	**81.000**	**3.700**	**2.500**	**1.200**	**1.300**	**500**
1	Tân An	**0**				**10.500**	10.000		500			
2	Thạnh Hóa	**0**				**5.500**	2.500			1.200	1.300	500
3	Thủ Thừa	**0**				**4.500**	4.000		500			
4	Châu Thành	**0**				**9.000**	6.500	2.500				
5	Kiến Tường	**0**				**6.000**	6.000					
6	Tân Hưng	**0**				**4.000**	4.000					
7	Vĩnh Hưng	**0**				**3.200**	2.000	1.200				
8	Mộc Hóa	**0**				**1.000**	1.000					
9	Tân Thạnh	**0**				**0**						
10	Bến Lức	**0**				**22.500**	22.000		500			
11	Tân Trụ	**0**				**3.500**	3.500					
12	Đức Hòa	**0**				**10.500**	10.000		500			
13	Đức Huệ	**0**				**3.500**	3.000		500			
14	Cần Đước	**9.100**	8.600		500	**1.000**	1.000					
15	Cần Giuộc	**0**				**5.500**	5.500					
16	Tây Ninh	**12.000**	12.000			**0**						

STT	Địa phương	Xây dựng cơ bản tập trung				Thu tiền sử dụng đất						
		Tổng số	Ủy thác ngân hàng chính sách	Hỗ trợ nông dân	Chi công tác đo đạc, kiểm kê đất đai	tổng sô	Ủy thác ngân hàng chính sách	Chi công tác đo đạc, kiểm kê đất đai	hội nông dân	Hỗ trợ kinh phí cho ban QLDA	Lập quy hoạch KH sử dụng đất	Lập quy hoạch xây dựng vùng huyện
17	Hòa Thành	**3.500**	3.500			**0**						
18	Trảng Bàng	**3.000**	3.000			**0**						
19	Gò Dầu	**2.100**	2.100			**0**						
20	Dương Minh Châu	**4.600**	4.000	600		**0**						
21	Tân Châu	**3.500**	3.500			**0**						
22	Tân Biên	**3.000**	3.000			**0**						
23	Châu Thành	**3.500**	3.500			**0**						
24	Bến Cầu	**2.000**	2.000			**0**						

Phụ lục 4

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

NGUỒN VỐN XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG VÀ THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN ĐIỀU CHUYỂN VỀ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

Đính kèm Nghị quyết số: 07/NQ-HĐND ngày 07/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
	Tổng cộng				**28.652.978**	**28.156.227**		**6.622.398**	**1.864.721,450**		
I	**Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN**				**2.421.327**	**2.337.084**		**780.678**	**464.278,965**		
1	**Nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung**				**399.711**	**378.297**		**77.926**	**65.206,174**		
1.1	**Tân An**				**193.161**	**193.161**		**0**	**16.976**		
1	Trường mẫu giáo Phường 6 (giai đoạn 3)	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	4157/QĐ-UBND, ngày 18/12/2023	3.476	3.476	2024	0,00	1.140	2025	
2	Nhà đa năng trường Tiểu học Hưởng Thọ Phú	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	4740/QĐ-UBND, ngày 29/12/2023	3.986	3.986	2025	0,00	800	2025	
3	Trường THCS Lợi Bình Nhơn (giai đoạn 3)	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	4026/QĐ-UBND, ngày 06/12/2023	11.000	11.000	2024	0,00	4.000	2025	
4	Trường tiểu học Nhơn Thạnh Trung (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	5008/QĐ-UBND, ngày 26/12/2022	14.857	14.857	2023	0,00	680	2025	
5	Chỉnh trang Khu dân cư cặp bờ kè chống sạt lở bờ sông Vàm Cỏ Tây (đoạn từ Chợ cá Phường 2 đến cầu mới Tân An)	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	8812/QĐ-UBND, ngày 29/08/2024	159.842	159.842	2023	0,00	10.356	2025	
1.2	**Huyện Thủ Thừa**				**14.400**	**14.400**		**5.133**	**9.681**		
1	Nâng cấp mở rộng đường từ kênh Bo Bo đến cầu qua kênh Thủ Thừa (bến đò Cây Da, nối xã Nhị Thành - Tân Thành)	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	7199/QĐ-UBND, 30/11/2023	4.400	4.400	2024	1.004,00	3.938,931	2025	
2	Trụ sở Ban CHQS xã Tân Thành	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	8183/QĐ-UBND, 22/12/2023	5.000	5.000	2024	2.064,32	2.821,440	2025	CT đã quyết toán
3	Trụ sở Ban CHQS xã Long Thuận	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	8184/QĐ-UBND, 22/12/2023	5.000	5.000	2024	2.064,32	2.920,629	2025	CT đã quyết toán dư vốn: 256,378 trđ
1.3	**Huyện Châu Thành**				**67.472**	**66.322**		**3.060**	**17.653**		
1	Mở rộng đường 30/4 (nhánh phải)	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	1098/QĐ-UBND, ngày 11/04/2025	19.100	20.400,00	2025	0,00	7.708,340	2025-2026.	Đang thi công

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
2	Mở rộng đường 30/4 (nhánh trái)	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	1060/QĐ-UBND, ngày 09/04/2025	20.400	20.400,00	2025	0,00	3.431	2025-2026	Đang thi công
3	Trường TH Trần Văn Ngan	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	4347/QĐ-UBND, ngày 30/11/2023	3.860	1.409,55	2025	0,00	483	03/05/2024 - 21/03/2025	QT xong - Tất toán xong
4	Giải phóng mặt bằng mở rộng trường TH thị trấn Tầm Vu.	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	929/QĐ-UBND, ngày 28/03/2025	6.762	6.762,00	2025	0,00	562,081	2.025	QT xong - Tất toán xong
5	Xây dựng, sửa chữa Đài truyền thanh huyện, xã- thị trấn	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3442/QĐ-UBND 26/11/2024	3.000	3.000	2024	30,00	2.954	2.025	
6	Đầu tư xây dựng mô hình nông thôn thông minh tại xã Bình Quới	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3088/QĐ-UBND 23/10/2024	1.000	1.000	2024	30,00	938	2.025	
7	Xây dựng mô hình nông thôn thông minh năm 2025	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3513/QĐ-UBND 02/12/2024	5.000	5.000	2024	30,00	449	2.025	
8	Xây dựng mới trụ sở làm việc BCHQS xã Hiệp Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	4850/QĐ-UBND, ngày 26/12/2023	3.500	3.500,00	2024	2.900,00	26,261	14/06/2024 - 30/12/2024	QT xong - Tất toán xong
9	Xây dựng mới trụ sở làm việc BCHQS xã Thuận Mỹ.	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3758/QĐ-UBND, ngày 20/12/2024	3.500	3.500,00	2024	30,00	75,922	2.025	QT xong - Tất toán xong
10	Xây mới phòng xét xử Tòa án Nhân dân huyện.	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3431/QĐ-UBND, ngày 26/11/2024	550	550,00	2024	20,00	493,880	12/12/2024 - 21/03/2025	QT xong - Tất toán xong
11	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc của Ban Chỉ huy Quân sự và Trung tâm học tập cộng đồng thị trấn Tầm Vu.	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3761/QĐ-UBND, ngày 20/12/2024	600	600,00	2024	20,00	520	16/01/2025 - 03/04/2025	QT xong - Tất toán xong
12	Cải tạo, sửa chữa nhà xe Trung tâm Chính trị	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3656/QĐ-UBND, ngày 16/12/2024	200	200,00	2025	0,00	11,516	31/12/2024 - 07/03/2025	QT xong - Tất toán xong
1.4	**Huyện Thạnh Hóa**				**124.679**	**104.415**		**69.733**	**20.896,174**		
15	Trường THCS Tân Tây	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	7513/QĐ-UBND, ngày 16/12/2021	7.899	4.453,53	2022	6.180,00	653,526	16/3/2023	Tất toán
16	Trường Tiểu học Thuận Bình	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	7196/QĐ-UBND, ngày 24/12/2020	7.640	7.525,00	2021	5.760,00	1.569,493	24/4/2022	Tất toán

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
17	Xây mới phòng chức năng và cải tạo, sửa chữa trường mầm non thị trấn	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	2870/QĐ-UBND, ngày 24/09/2019	2.083	1.729,25	2020	1.201,00	528,246	27/9/2023	Tất toán
18	Trường THCS Tân Đông	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	5883/QĐ-UBND, ngày 10/11/2022	14.945	11.305,00	2023	4.140,00	322,928	45.394	Tất toán
19	Trường TH&THCS Thạnh An	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	6589/QĐ-UBND, ngày 9/11/2021	14.969	4.679,00	2022	11.790,00	547,304	45.289	Tất toán
21	Cổng, hàng rào trụ sở UBND xã Thuận Nghĩa Hòa	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	7488/QĐ-UBND, ngày 16/12/2021	2.085	1.872,87	2022	1.550,00	322,873	45.166	Tất toán
22	Cảo tạo, sửa chữa Trụ sở Huyện ủy	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	8143/QĐ-UBND, ngày 28/12/2021	9.000	8.892,28	2022	6.955,86	1.936,421	45.178	Tất toán
23	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Văn phòng HĐND - UBND huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	7508/QĐ-UBND, ngày 16/12/2021	12.267	12.267,00	2022	4.817,57	2.958,445	27/12/2024	Tất toán
24	Trụ sở công an xã Tân Hiệp (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	45/QĐ-UBND, ngày 5/8/2024	4.200	4.200,00	2025	750,00	1.085,211	14/03/2025	Tất toán
25	Trụ sở công an xã Thuận Bình (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	46/QĐ-UBND, ngày 5/8/2024	3.850	3.850,00	2025	750,00	1.251,444	14/03/2025	Tất toán
26	Nâng cấp, xây dựng phòng họp phòng GD&ĐT huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	5879/QĐ-UBND, ngày 26/10/2020	3.423	3.423,00	2020	2.467,21	745,005	29/4/2022	Tất toán
27	Cổng hàng rào, cải tạo trụ sở UBND xã Thạnh Phú	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	6859/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	2.414	2.414,49	2023	800,00	641,595	45.590	Tất toán
28	Mở rộng Trụ sở văn phòng HĐND-UBND huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	2009/QĐ-UBND ngày 26/4/2025	1.566	1.565,72	2024	2.024,00	584,257	10/03/2025	Tất toán
29	Đường Nguyễn Văn Tiếp (đường song song với đường Nguyễn Bỉnh từ QL N2-TL 836) giai đoạn 1	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	5923/QĐ-UBND 27/10/2020	10.139	10.139,00	2021	1.800,00	2.764,419	30/5/2023	Tất toán
30	Đường đấu nối QL N2 vào khu biệt thự vườn	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3466/QĐ-UBND, ngày 19/10/2018	3.217	3.217,00	2019	2.514,14	694,781	30/11/2022	Tất toán
33	Đường Võ Văn Thành (Hùng Vương - Quốc lộ N2)	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3467/QĐ-UBND, ngày 19/10/2018	8.966	8.965,60		5.300,00	3.081,273	29/5/2022	Tất toán

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
31	Cải tạo, nâng cấp sân bóng đá huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	644/QĐ-UBND, ngày 01/2/2024	3.200	1.100,00	2024	2.000,00	345,000	24/03/2025	Tất toán
32	Nâng cấp cải tạo ao khu văn hoá (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	6331/QĐ-UBND, ngày 24/10/2017	12.816	12.816,40	2018	8.933,62	863,953	19/12/2023	Tất toán
2	**Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất**				**2.021.616**	**1.958.786**		**702.752**	**399.072,791**		
2.1	**Tân An**				**1.065.127**	**1.065.127**		**325.647**	**217.740**		
1	Đường GTNT ấp Ngãi Lợi A (điểm đầu đường Võ Duy Tạo, điểm cuối đường Công vụ)- Đề án thí điểm hỗ trợ bê tông đầu tư các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn thành phố giai đoạn 2023-2025	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	1869/QĐ-UBND, 20/6/2025	1.847	1.847	2025	0,00	1.495	2025	
2	Đường GTNT ấp Ngãi Lợi B (điểm đầu đường Nguyễn Đại Thời, điểm cuối Ngọn Rạch Giồng) - Đề án thí điểm hỗ trợ bê tông đầu tư các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn thành phố giai đoạn 2023-2025	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	1870/QĐ-UBND, 20/6/2025	1.400	1.400	2025	0,00	1.350	2025	
3	Đường GTNT ấp Ngãi Lợi B (điểm đầu đường Vành đai, điểm cuối nhà bà Hồ Thị Điểu) - Đề án thí điểm hỗ trợ bê tông đầu tư các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn thành phố giai đoạn 2023-2025	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	1854/QĐ-UBND, 20/6/2025	799	799	2025	0,00	750	2025	
4	Đường GTNT ấp Bình An B (điểm đầu đường Công vụ điểm cuối đường Nguyễn Văn Quá - quán tạp hóa Loan) - Đề án thí điểm hỗ trợ bê tông đầu tư các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn thành phố giai đoạn 2023-2025	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	1871/QĐ-UBND, 20/6/2025	1.724,85	1.724,85	2025	0,00	1.159	2025	
5	Trường mẫu giáo Phường 6 (giai đoạn 3)	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	4157/QĐ-UBND, ngày 18/12/2023	3.476,17	3.476,17	2024	1.947,00	227	2025	
6	Nhà đa năng trường Tiểu học Hưởng Thọ Phú	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	4740/QĐ-UBND, ngày 29/12/2023	4.000,00	4.000,00	2024	1.400,00	1.772	2025	
7	Trường THCS Lợi Bình Nhơn (giai đoạn 3)	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	4026/QĐ-UBND, ngày 06/12/2023	11.000,00	11.000,00	2024	3.000,00	3.682	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
8	Kè bảo vệ sông Vàm Cỏ Tây (từ cầu mới Tân An đến tiếp giáp kè Vịnh Đà Hán); Hạng mục: GPMB và cây xanh	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	5543/QĐ-UBND, ngày 30/12/2022	14.201,65	14.201,65	2023	9.568,37	250		
9	Quốc lộ 62 (Đoạn từ Quốc lộ 1 - tuyến tránh Quốc lộ 1) - Cải tạo vỉa hè nội thị	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3940/QĐ-UBND, ngày 31/12/2024	6.059,78	6.059,78	2025	0,00	6.000	2026	
10	Đường Nguyễn Văn Siêu	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	4744/QĐ-UBND, ngày 01/12/2022	7.125,25	7.125,25	2023	5.607,79	550	Đã phê duyệt quyết toán 2025	
11	Đường Vũ Tiến Trung	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	5075/QĐ-UBND, ngày 29/10/2020	3.605,00	3.605,00	2021	2.943,72	410		
12	Đường Quách Văn Tuấn	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	5073/QĐ-UBND, ngày 29/10/2020	13.846,38	13.846,38	2021	8.273,37	355,796	Đã phê duyệt quyết toán 2025	
13	Đường Nguyễn Văn Cương	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	2175/QĐ-UBND, ngày 16/8/2023	20.153,97	20.153,97	2023	3.010,00	11.403,99	9/30/2025	Gia hạn thời gian thi công
14	Mở rộng đường Lê Hữu Nghĩa - Mở rộng tuyến các tuyến đường trên địa bàn (do bị hẹp tại đầu tuyến)	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3507/QĐ-UBND, ngày 30/9/2022	4.945,00	4.945,00	2023	500,00	3.000		Đang tạm ngưng thi công. Đang chờ GPMB để triển khai thi công tiếp,
15	Mở rộng giao lộ Hoàng Hoa Thám Phan Đình Phùng - Mở rộng tuyến các tuyến đường trên địa bàn (do bị hẹp tại đầu tuyến)	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3506/QĐ-UBND, ngày 30/9/2022	8.405,04	8.405,04	2023	4.440,79	400	Đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư	
16	Giao lộ hẻm 143 Quốc lộ 1A - Mở rộng tuyến các tuyến đường trên địa bàn (do bị hẹp tại đầu tuyến)	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	4733/QĐ-UBND, ngày 29/12/2023	3.675,54	3.675,54	2024	500,00	3.000	QĐ PD Quyết toán số 1892/QĐ-UBND ngày 24/6/2025	
17	Giao lộ hẻm 45 Trần Phong Sắc - Mở rộng tuyến các tuyến đường trên địa bàn (do bị hẹp tại đầu tuyến)	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	4734/QĐ-UBND, ngày 29/12/2023	4.342,13	4.342,13	2025	0,00	4.343	dự kiến hoàn thành 06/2026 (vướng công tác GPMB)	1851/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 điều chỉnh BCKTKT
18	Trung tu đường Nguyễn Văn Bé	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	4842/QĐ-UBND, ngày 29/12/2023	1.184,81	1.184,81	2024	800,00	218,389	Đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư	
19	Đường Nguyễn Thị Hạnh (từ đường Huỳnh Văn Gấm đến khu hành chính tỉnh)	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	4786/QĐ-UBND, ngày 8/12/2022	5.993,87	5.993,87	2018	2.447,48	800	Đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
20	Chỉnh trang Khu dân cư cặp bờ kè chống sạt lở bờ sông Vàm Cỏ Tây (đoạn từ Chợ cá Phường 2 đến cầu mới Tân An)	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	8812/QĐ-UBND, ngày 29/08/2024	159.841,82	159.841,82	2023	0,00	8.000		
21	Đường kênh Cống Vàng - Đề án thí điểm hỗ trợ bê tông đầu tư các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn thành phố năm 2024	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	1769/QĐ-UBND, ngày 26/06/2024	498,96	498,96	2024	100,00	496,920	Đã phê duyệt quyết toán theo QĐ 1678/QĐ-UBND ngày 29/5/2025	
22	Đường Sáu Bai - Đề án thí điểm hỗ trợ bê tông đầu tư các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn thành phố năm 2024	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	1758/QĐ-UBND, ngày 26/06/2024	169,82	169,82	2024	149,87	7,888	Đã phê duyệt quyết toán theo QĐ 1687/QĐ-UBND ngày 29/5/2025	
23	Đường ngang (Đoạn ấp 1) - Đề án thí điểm hỗ trợ bê tông đầu tư các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn thành phố năm 2024	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3664/QĐ-UBND, ngày 16/12/2024	308,52	308,52	2025	0,00	308,523	2025	
24	Đường GTNT ấp Bình An B (điểm đầu đường Công vụ điểm cuối đường Nguyễn Văn Quá - quán ông hai Cung) - Đề án thí điểm hỗ trợ bê tông đầu tư các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn thành phố năm 2024	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3418/QĐ-UBND, ngày 22/11/2024	873,04	873,04	2025	0,00	873,780	Đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư	
25	Đường GTNT ấp Ngãi Lợi B (điểm đầu đường GTNT ấp Ngãi Lợi B nhà ông Nguyệt, điểm cuối đường Công vụ nhà ông Minh) - Đề án thí điểm hỗ trợ bê tông đầu tư các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn thành phố năm 2024	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3417/QĐ-UBND, ngày 22/11/2024	945,75	945,75	2025	0,00	945,772	Đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư	
26	Đường Kênh Mười Xi - Đề án thí điểm hỗ trợ bê tông đầu tư các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn thành phố năm 2024	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3663/QĐ-UBND, ngày 16/12/2024	1.197,27	1.197,27	2025	0,00	704,519	Đã phê duyệt quyết toán theo QĐ 2094/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
27	Đường GTNT ấp Ngãi Lợi B (đường Nguyễn Đại Thời) - Đề án thí điểm hỗ trợ bê tông đầu tư các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn thành phố giai đoạn 2023-2025	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3307/QĐ-UBND, ngày 12/11/2024	614,20	614,20	2025	0,00	614,660	Đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư	
28	Đường kênh Ba Đầm (đường Vành Đai - kênh Phạm Văn Điển) - Đề án thí điểm hỗ trợ bê tông đầu tư các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn thành phố giai đoạn 2023-2025	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3662/QĐ-UBND, ngày 16/12/2024	321,73	321,73	2025	0,00	663,380	Đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư	
29	Đường kênh 9 Cang - Đề án thí điểm hỗ trợ bê tông đầu tư các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn thành phố giai đoạn 2023-2025	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3304/QĐ-UBND, ngày 12/11/2024	869,42	869,42	2025	0,00	870,120	Đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư	
30	Đường khu vực ông Ba Dõng, ấp Nhơn Trị 2 - Đề án thí điểm hỗ trợ bê tông đầu tư các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn thành phố giai đoạn 2023-2025	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3661/QĐ-UBND, ngày 16/12/2024	451,56	451,56	2025	0,00	451,561	Đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư	
31	Đường kênh Cống vàng (giai đoạn 2) - Đề án thí điểm hỗ trợ bê tông đầu tư các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn thành phố giai đoạn 2023-2025	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3308/QĐ-UBND, ngày 12/11/2024	349,71	349,71	2025	0,00	349,940	QĐ PD QT số 2099/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	
32	Đường GTNT ấp Bình An B (điểm đầu cống sau Tam Tông Miếu, điểm cuối đường công vụ) - Đề án thí điểm hỗ trợ bê tông đầu tư các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn thành phố giai đoạn 2023-2025	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3345/QĐ-UBND, ngày 15/11/2024	196,72	196,72	2025	0,00	186,870	Đã phê duyệt quyết toán	
33	Đường GTNT ấp Bình An A (điểm đầu đường Vành đai, điểm cuối cầu Đình Bình Yên) - Đề án thí điểm hỗ trợ bê tông đầu tư các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn thành phố giai đoạn 2023-2025	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3344/QĐ-UBND, ngày 15/11/2024	658,44	658,44	2025	0,00	573,300	Đã phê duyệt quyết toán	
34	Hẻm 182 đường Huỳnh Việt Thanh - Đề án hỗ trợ bê tông mở rộng, nâng cấp các hẻm nội thành trên địa bàn thành phố giai đoạn 2024-2025	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3616/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	382,40	382,40	2025	0,00	338,030	Đã quyết toán	
35	Nâng cấp hẻm nội bộ đường Vành đai công viên - Đề án hỗ trợ bê tông mở rộng, nâng cấp các hẻm nội thành trên địa bàn thành phố giai đoạn 2024-2025	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3613/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	630,53	630,53	2025	0,00	631,060	Đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
36	Bê tông - cống thoát nước nhánh hẻm 154 Huỳnh Hữu Thống - Đề án hỗ trợ bê tông mở rộng, nâng cấp các hẻm nội thành trên địa bàn thành phố giai đoạn 2024-2025	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3617/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	209,72	209,72	2025	0,00	209,720	Đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư	
37	Hẻm 756 Quốc lộ 1 - Đề án hỗ trợ bê tông mở rộng, nâng cấp các hẻm nội thành trên địa bàn thành phố giai đoạn 2024-2025	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3613/QĐ-UBND, ngày 11/12/2024	416,54	416,54	2025	0,00	266,520	Đã phê duyệt quyết toán theo QĐ 2044/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	
38	Đường kênh 2 Tường - Đề án hỗ trợ bê tông mở rộng, nâng cấp các hẻm nội thành trên địa bàn thành phố giai đoạn 2024-2025	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3610/QĐ-UBND, ngày 11/12/2024	849,15	849,15	2025	0,00	849,860	Đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư	
39	Hẻm 23 Nguyễn Văn Tiếp - Đề án hỗ trợ bê tông mở rộng, nâng cấp các hẻm nội thành trên địa bàn thành phố giai đoạn 2024-2025	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3611/QĐ-UBND, ngày 11/12/2024	367,14	367,14	2025	0,00	347,340	Đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư	
40	Hẻm 203/6 Quốc lộ 62 - Đề án hỗ trợ bê tông mở rộng, nâng cấp các hẻm nội thành trên địa bàn thành phố giai đoạn 2024-2025	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3615/QĐ-UBND, ngày 11/12/2024	429,73	429,73	2025	0,00	338,220	Đã phê duyệt quyết toán theo QĐ 2051/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	
41	Kênh 41 (từ đài tưởng niệm 42 liệt sĩ đến hẻm 209 Châu Thị Kim) - Đề án hỗ trợ bê tông mở rộng, nâng cấp các hẻm nội thành trên địa bàn thành phố giai đoạn 2024-2025	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3625/QĐ-UBND, ngày 12/12/2024	244,65	244,65	2025	0,00	245,200	QĐ PD QT số 2096/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	
42	Kênh Nhơn Hậu (đoạn từ đường Hoàng Anh đến đường Vành đai TPTA) - Đề án hỗ trợ bê tông mở rộng, nâng cấp các hẻm nội thành trên địa bàn thành phố giai đoạn 2024-2025	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3612/QĐ-UBND, ngày 11/12/2024	881,00	881,00	2025	0,00	817,440	Đã phê duyệt quyết toán	
43	Đường Năm An	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	4052/QĐ-UBND, ngày 08/12/2023	5.550,00	5.550,00	2024	2.220,00	1.935	Đã phê duyệt quyết toán theo QĐ 1275/QĐ-UBND ngày 22/4/2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
44	Nâng cấp hẻm 20 đường Nguyễn Văn Tiếp	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	4843/QĐ-UBND, ngày 29/12/2023	1.500,00	1.500,00	2024	600,00	759	Đã phê duyệt quyết toán theo QĐ 1288/QĐ-UBND ngày 23/4/2025	
45	Nâng cấp hẻm 130 Quốc lộ 1	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3482/QĐ-UBND, ngày 16/11/2023	926,01	926,01	2024	500,00	366	Đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư	
46	Đường Nguyễn Văn Quá (từ đường Vành đai đến cổng 3 xã)	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	4862/QĐ-UBND, ngày 29/12/2023	61.358,00	61.358,00	2025	0,00	988,204	2024-2026	
47	Đường Nguyễn Thông - Cải tạo vỉa hè nội thị	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3399/QĐ-UBND, ngày 23/9/2022	3.936,29	3.936,29	2024	2.500,00	1.000	Đã phê duyệt quyết toán	
48	Đường Nguyễn Thái Bình - Cải tạo vỉa hè nội thị	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3411/QĐ-UBND, ngày 23/9/2022	3.851,95	3.851,95	2024	1.350,00	2.200	Đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư	
49	Đường Trương Văn Bang - Cải tạo vỉa hè nội thị	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3647/QĐ-UBND, ngày 04/10/2022	849,31	849,31	2024	600,00	173	Đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư	
50	Đường Phan Bội Châu - Cải tạo vỉa hè nội thị	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	2941/QĐ-UBND, ngày 13/10/2023	1.138,48	1.138,48	2024	700,00	289	Đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư	
51	Đường Huỳnh Văn Gấm - Cải tạo vỉa hè nội thị	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	5416/QĐ-UBND, ngày 29/12/2022	2.975,43	2.975,43	2024	2.000,00	742	Đã phê duyệt quyết toán	
52	Đường Bạch Đằng - Cải tạo vỉa hè nội thị	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	4795/QĐ-UBND, ngày 29/12/2023	3.752,80	3.752,80	2024	3.210,00	245	Đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư	
53	Cống thoát nước đường Châu Thị Kim (từ kênh 6 Nguyên đến trụ sở UBND phường 7)	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	4716/QĐ-UBND, ngày 30/11/2022	8.831,73	8.831,73	2023	8.200,00	15	Đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư	
54	Cống thoát nước, vỉa hè đường Nguyễn Huỳnh Đức	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	4130/QĐ-UBND, ngày 26/10/2022	23.801,88	23.801,88	2023	21.307,71	729	Đã phê duyệt quyết toán	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
55	Đường Phạm Văn Chiêu	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3863/QĐ-UBND, ngày 30/12/2024	2.668,22	2.668,22	2025	0,00	2.669	Tháng 12/2025	
56	Chỉnh trang khu Ao Quan	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3268/QĐ-UBND, ngày 27/10/2023	233.034,59	233.034,59	2023	83.253,31	9.561,520		
57	Chỉnh trang khu dân cư cặp nút giao Hùng Vương - Quốc lộ 62	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	5411/QĐ-UBND, ngày 29/12/2022	85.770,59	85.770,59	2025	0,00	31.932,020		Niên độ công trình 2023-2025
58	Khu tập thể Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Long An	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	5497/QĐ-UBND, ngày 31/12/2021	3.561,00	3.561,00	2022	2.438,70	500	2026	
59	Khu tái định cư xã An Vĩnh Ngãi	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3105/QĐ-UBND, ngày 15/7/2019	164.784,00	164.784,00	2019	128.827,84	26.550		
60	Sửa chữa, cải tạo các hạng mục phụ trụ sở UBND thành phố	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3849/QĐ-UBND, ngày 30/12/2024	560,65	560,65	2025	0,00	561	Đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư	
61	Sân đường, cột cờ Ban Chỉ huy Quân sự thành phố Tân An	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3850/QĐ-UBND, ngày 30/12/2024	850,00	850,00	2025	0,00	833	Đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư	
62	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Công an phường 3	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3851/QĐ-UBND, ngày 30/12/2024	1.000,00	1.000,00	2025	0,00	993	Đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư	
63	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Công an phường 4	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3930/QĐ-UBND, ngày 31/12/2024	961,00	961,00	2025	0,00	961	Đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư	
64	Sửa chữa Hội trường Trung tâm Văn hóa Thể thao và Truyền thanh thành phố Tân An	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3854/QĐ-UBND, ngày 30/12/2024	1.129,12	1.129,12	2025	0,00	1.150		
65	Ban Chỉ huy Quân sự phường 6	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3303/QĐ-UBND, ngày 6/10/2021	6.270,98	6.270,98	2025	0,00	4.000	Ngừng triển khai	
66	Trụ sở Công an xã Hướng Thọ Phú	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	5080/QĐ-UBND, ngày 29/10/2020	2.021,00	2.021,00	2021	4.027,24	140	Đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
67	Cải tạo, mở rộng trụ sở UBND phường 3	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	4716/QĐ-UBND, ngày 29/12/2023	10.233,31	10.233,31	2024	3.000,00	7.000	Đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư	
68	Nhà truyền thống Ban Chỉ huy Quân sự thành phố Tân An	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	5153/QĐ-UBND, ngày 28/12/2022	3.969,85	3.969,85	2023	2.628,25	625	Đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư	
69	Trung tâm Chính trị thành phố Tân An (Sửa chữa và cơ sở vật chất)	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	5160/QĐ-UBND, ngày 28/12/2022	1.792,92	1.792,92	2023	1.600,00	9,000	Đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư	
70	Mở rộng trụ sở UBND phường 6	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	4845/QĐ-UBND, ngày 29/12/2023	36.996,14	36.996,14	2024	10.246,05	3.000	GĐI: Đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư GĐII: Ngừng triển khai.	
71	Cải tạo, mở rộng trụ sở UBND phường 7	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	4553/QĐ-UBND, ngày 16/12/2022	5.832,58	5.832,58	2024	0,00	3.285	Đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư	
72	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy Quân sự xã An Vĩnh Ngãi	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	4028/QĐ-UBND, ngày 06/12/2023	2.024,00	2.024,00	2024	1.750,00	4.870	Đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư	
73	Đường Hẻm 57 - Huỳnh Văn Gấm - Cải tạo vỉa hè nội thị	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3473/QĐ-UBND ngày 28/09/2022	770,34	770,34	2025	0,00	698	Đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư	
74	Đường Nguyễn An Ninh - Cải tạo vỉa hè nội thị	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	4375/QĐ-UBND ngày 09/11/2022	6.299,13	6.299,13	2025	0,00	6.057	2026	
75	Đường Nguyễn Văn Tạo - Cải tạo vỉa hè nội thị	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3852/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	5.500,33	5.500,33	2025	0,00	5.501	1/1/2026	
76	Đường Nguyễn Văn Rành - Cải tạo vỉa hè nội thị	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	2586/QĐ-UBND ngày 22/09/2023	4.042,90	4.042,90	2025	0,00	3.806	12/1/2025	
77	Đường Huỳnh Văn Đảnh - Cải tạo vỉa hè nội thị	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	4798/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	3.541,50	3.541,50	2025	0,00	3.542	Tháng 11/2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8.000*	*9*	10
78	Đường Võ Phước Cương - Cải tạo vỉa hè nội thị	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3865/QĐ-UBND, ngày 30/12/2024	1.721,06	1.721,06	2025	0,00	1.722	2024-2026	Đã phê duyệt BCKTKT và trình phê duyệt KHLCNT
79	Đường Huỳnh Hữu Thống - Cải tạo vỉa hè nội thị	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	4858/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	5.213,78	5.213,78	2025	0,00	5.214	12/1/2025	
80	Đường Nguyễn Công Trung - Cải tạo vỉa hè nội thị	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3865/QĐ-UBND, ngày 30/12/2024	3.787,00	3.787,00	2025	0,00	3.787	2024-2026	Đã phê duyệt BCKTKT và trình phê duyệt KHLCNT
81	Đường Huỳnh Việt Thanh - Cải tạo vỉa hè nội thị	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	5420/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	3.440,73	3.440,73	2025	0,00	3.136	1/2/2026	
82	Đường Trà Quý Bình và Đường số 1- Cải tạo vỉa hè nội thị	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	4737/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	2.656,00	2.656,00	2025	0,00	2.656	Đang thi công; hoàn thành tháng 11/2025	
83	Đường Trịnh Quang Nghị - Cải tạo vỉa hè nội thị	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	4860/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	4.253,30	4.253,30	2025	0,00	4.254	12/1/2025	
84	Đường Nguyễn Thị Nhỏ - Cải tạo vỉa hè nội thị	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3870/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	1.127,59	1.127,59	2025	0,00	1.128	10/1/2025	
85	Chiếu sáng công cộng đường Huỳnh Thị Đức	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	2856/QĐ-UBND ngày 07/09/2024	928,58	928,58	2025	0,00	880	Đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư	
86	Chiếu sáng công cộng đường Huỳnh Ngọc Hay	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	2849/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	681,27	681,27	2025	0,00	663	8/1/2025	Đã thi công xong
87	Chiếu sáng công cộng đường Nguyễn Văn Siêu	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	2850/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	997,97	997,97	2025	0,00	914	8/1/2025	Đã thi công xong
88	Chiếu sáng công cộng đường Quách Văn Tuấn	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	2857/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	1.113,06	1.113,06	2025	0,00	1.056	Đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư	
89	Nâng cấp hẻm kênh Rạch Giồng - Đề án hỗ trợ bê tông mở rộng, nâng cấp các hẻm nội thành trên địa bàn thành phố giai đoạn 2024-2025	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3873/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	370,33	370,33	2025	0,00	1.000	2025	Đã phê duyệt KHLCNT, chờ UBND phường bàn giá mặt bằng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
90	Hẻm 424 Châu Thị Kim (hẻm xuống Ban Chỉ huy Quân sự phường 7) - Đề án hỗ trợ bê tông mở rộng, nâng cấp các hẻm nội thành trên địa bàn thành phố giai đoạn 2024-2025	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	4034/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	1.009,87	1.009,87	2025	0,00	861	Đang thi công; hoàn thành tháng 08/2025	Đang chờ phân bổ vốn để giao lựa chọn nhà thầu thi công
91	Đường kênh N3 - Đề án hỗ trợ bê tông mở rộng, nâng cấp các hẻm nội thành trên địa bàn thành phố giai đoạn 2024-2025	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	1416/QĐ-UBND ngày 12/05/2025	1.926,33	1.926,33	2025	0,00	1.927	2025	Trình phê duyệt KHLCNT
92	Trụ sở UBND phường Khánh Hậu	Ban QLDA ĐTXD TP TÂN AN	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	549/QĐ-UBND, ngày 20/02/2025	44.320,84	44.320,84	2025	0,00	600	Ngừng triển khai theo CV 2329	Dự án ảnh hưởng sáp nhập, chờ xác định lại vị trí đầu tư
2.2	**huyện Châu Thành**				**227.823,28**	**186.963,28**		**28.541,33**	**56.000,000**		
1	Nâng cấp mở rộng đường T1.	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3392/QĐ-UBND, ngày 21/11/2024	55.375	55.374,65	2024	3.700,00	17.074,977	2023 - 2025	Đang thi công
2	Cầu Rạch Heo	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	4936/QĐ-UBND, ngày 28/12/2023	10.408	10.408,33	2024	5.750,13	1.687,563	17/06/2024 - 28/03/2025	QT xong - Tất toán xong
3	Nâng cấp, mở rộng đường vành đai thị trấn Tầm Vu	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	2952/QĐ-UBND, ngày 09/10/2024	38.000	11.000,00	2023	2.014,13	294,388	2023-2025	
4	Mở rộng đường 30/4 (nhánh trái)	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	1060/QĐ-UBND, ngày 09/04/2025	20.400	20.400,00	2025	0,00	1.181,621	2025-2026	Đang thi công
5	Trường THCS Long Trì.	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	1846/QĐ-UBND, ngày 20/06/2024	7.567	4.556,96	2024	837,07	2.653,000	24/09/2024 - 19/06/2025	QT xong - Tất toán xong
6	Trường MN Thị trấn Tầm Vu	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	4348/QĐ-UBND, ngày 30/11/2023	7.325	2.845,02	2025	0,00	2.254,028	03/05/2024 - 15/05/2025	QT xong - Tất toán xong
7	Trường TH Trần Văn Ngan	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	4347/QĐ-UBND, ngày 30/11/2023	3.860	1.409,55	2025	0,00	432,069	03/05/2024 - 21/03/2025	QT xong - Tất toán xong
8	Trường THCS Thanh Phú Long.	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	1845/QĐ-UBND, ngày 20/06/2024	6.826	2.905,82	2024	880,00	1.052,377	16/09/2024 - 12/05/2025	QT xong - Tất toán xong
9	Xây dựng nhà đa năng Trường TH Dương Xuân Hội	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3401/QĐ-UBND ngày 21/11/2024	750	750,00	2024	20,00	688,582	11/12/2024 - 21/03/2025	QT xong - Tất toán xong
10	Xây dựng nhà đa năng trường TH Trần Văn Ngan	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3201/QĐ-UBND ngày 05/11/2024	750	750,00	2024	20,00	692,403	29/11/2024 - 12/03/2025	QT xong - Tất toán xong

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
11	Giải phóng mặt bằng mở rộng trường TH thị trấn Tầm Vu.	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	929/QĐ-UBND, ngày 28/03/2025	6.762	6.762,00	2025	0,00	5.354,505	2.025	QT xong - Tất toán xong
12	Giải phóng mặt bằng mở rộng trường Mẫu giáo Phú Ngãi Trị	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	205/QĐ-UBND ngày 20/01/2025	1.000	1.000,00	2025	0,00	892,122	2.025	QT xong - Tất toán xong
13	Giải phóng mặt bằng mở rộng trường Mẫu giáo Thanh Phú Long	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	198/QĐ-UBND ngày 17/01/2025	1.200	1.200,00	2025	0,00	1.037,414	2.025	QT xong - Tất toán xong
14	Cải tạo, nâng cấp sân bóng đá huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	4349/QĐ-UBND, ngày 30/11/2023	2.771	2.770,96	2024	100,00	76,000	06/05/2024 - 07/03/2025	QT xong - Tất toán xong
15	Sửa chữa Nhà thiếu nhi, TTVHTT&TT huyện, hàng rào.	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	31/QĐ-UBND ngày 08/01/2025	4.000,00	4.000,00	2025	0,00	3.682,172	17/02/2025 - 15/05/2025	QT xong - Tất toán xong
16	Xây dựng trụ sở công an xã Phú Ngãi Trị	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	5067/QĐ-UBND, ngày 31/12/2023	6.600	6.600,00	2024	2.900,00	3.328,000	13/06/2024 - 17/06/2025	QT xong - Tất toán xong
17	Xây dựng mới trụ sở làm việc BCHQS xã Long Trì	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	5062/QĐ-UBND, ngày 30/12/2023	3.500	3.500,00	2024	2.900,00	487,337	19/06/2024 - 03/04/2025	QT xong - Tất toán xong
18	Xây dựng trụ sở công an xã Vĩnh Công	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	150/QĐ-UBND, ngày 16/01/2024	5.800	5.800,00	2024	2.900,00	1.952,499	24/06/2024 - 28/04/2025	QT xong - Tất toán xong
19	Xây dựng mới trụ sở làm việc BCHQS xã Hiệp Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	4850/QĐ-UBND, ngày 26/12/2023	3.500	3.500,00	2024	2.900,00	250,000	14/06/2024 - 30/12/2024	QT xong - Tất toán xong
20	Mua sắm trang thiết bị, sửa chữa cơ quan huyện, xã năm 2024	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	1478/QĐ-UBND, ngày 21/05/2024	4.200	4.200,00	2024	3.000,00	1.000,000	28/06/2024 - 11/04/2025	QT xong - Tất toán xong
21	Xây mới nhà ăn, bếp ăn Ban Chỉ huy Quân sự huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	2549/QĐ-UBND, ngày 21/8/2024	980	980,00	2024	500,00	369,782	20/09/2024 - 31/12/2024	QT xong - Tất toán xong
22	Xây dựng mới trụ sở làm việc BCHQS xã An Lục Long.	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3757/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	3.500	3.500,00	2024	30,00	76,908	2.025	QT xong - Tất toán xong
23	Xây dựng mới trụ sở làm việc BCHQS xã Phước Tân Hưng.	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3762/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	3.500	3.500,00	2024	30,00	72,655	2.025	QT xong - Tất toán xong
24	Sửa chữa trụ sở UBND xã Vĩnh Công.	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3430/QĐ-UBND ngày 26/11/2024	650	650,00	2024	20,00	580,000	13/12/2024 - 21/03/2025	QT xong - Tất toán xong

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
25	Nâng cấp hệ thống xử lý nước thải thị trấn Tầm Vu	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3036/QĐ-UBND ngày 14/10/2024	3.000	3.000,00	2024	20,00	2.796,000	2024 -2025	Đang thi công
26	Cải tạo, sửa chữa, trang trí Quảng trường thị trấn Tầm Vu (Xây dựng công viên văn hóa thị trấn Tầm Vu)	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3317/QĐ-UBND ngày 11/11/2024	14.000	14.000,00	2024	20,00	5.980,000	2024 - 2025	Đang thi công
27	Xây dựng trụ sở Công an xã Hiệp Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3480/QĐ-UBND ngày 27/11/2024	5.800	5.800,00	2025	0,00	29,598	2.025	QT xong - Tất toán xong
28	Xây dựng trụ sở Công an xã Phước Tân Hưng	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	1048B/QĐ-BQLDA ngày 28/11/2024	5.800	5.800,00	2025	0,00	24,000	2.025	QT xong - Tất toán xong
2.3	**Huyện Thủ Thừa**				**512.553**	**512.553**		**251.575**	**91.000,000**		
1	Cầu qua kênh Thủ Thừa (bến đò Cây Da, nối xã Nhị Thành và Tân Thành)	Ban QLDA ĐTXD huyện Thủ Thừa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	8263/QĐ-UBND, ngày 11/11/2022	107.840	107.840	2022	74.319,45	26.695,758	2024	CT đã quyết toán
2	Nâng cấp mở rộng đường liên xã từ ĐT 817 đến rạch Cầu Kè	Ban QLDA ĐTXD huyện Thủ Thừa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	6995/QĐ-UBND, ngày 26/9/2022	5.000	5.000	2023	3.484,69	1.186,526	2024	CT đã quyết toán
3	Cầu kênh T1 (trên tuyến đường trục giữa)	Ban QLDA ĐTXD huyện Thủ Thừa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3801/QĐ-UBND, ngày 02/6/2022	14.300	14.300	2023	7.206,00	5.397,466	2023	CT đã quyết toán
4	Cầu kênh T3 (trên tuyến đường trục giữa)	Ban QLDA ĐTXD huyện Thủ Thừa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3802/QĐ-UBND, ngày 02/6/2022	14.300	14.300	2023	9.131,00	2.400	2023	CT đã quyết toán
5	Trường TH Bình An	Ban QLDA ĐTXD huyện Thủ Thừa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	9132/QĐ-UBND, ngày 13/12/2022	14.300	14.300	2023	7.920,00	5.000	2024	CT đã quyết toán
6	Trường MG Long Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Thủ Thừa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	9134/QĐ-UBND, ngày 13/12/2022	14.500	14.500	2023	9.930,00	3.200	2024	CT đã quyết toán
7	Trường MG Tân Thành	Ban QLDA ĐTXD huyện Thủ Thừa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	9135/QĐ-UBND, ngày 13/12/2022	9.519	9.519	2023	6.960,00	1.442,344	2024	CT đã quyết toán
8	Trường TH Tân Long	Ban QLDA ĐTXD huyện Thủ Thừa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	7629/QĐ-UBND, ngày 13/12/2023	4.000	4.000	2024	2.585,00	1.123,509	2025	CT đã quyết toán
9	Trường TH Mỹ Phú	Ban QLDA ĐTXD huyện Thủ Thừa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	7627/QĐ-UBND, ngày 13/12/2023	6.000	6.000	2024	4.775,00	355,736	2025	CT đã quyết toán
10	Trường TH Long Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Thủ Thừa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	7626/QĐ-UBND, ngày 13/12/2023	28.000	28.000	2024	6.085,00	5.253,000	2025	CT đã quyết toán

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
11	Trường THCS Mỹ Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Thủ Thừa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	7628/QĐ-UBND, ngày 13/12/2023	10.242	10.242	2024	4.280,00	2.100,868	2024	CT đã quyết toán dư vốn: 105,765 trđ
12	Trường TH Mỹ An	Ban QLDA ĐTXD huyện Thủ Thừa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	6512/QĐ-UBND, ngày 19/11/2024	10.242	10.242	2025	50,00	500	2025	Vốn tỉnh: 0,490 tỷ
13	Xây dựng mới Trụ sở Công an xã Long Thuận	Ban QLDA ĐTXD huyện Thủ Thừa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	44/QĐ-UBND, ngày 19/11/2024	8.240	8.240	2024	2.100,00	1.753	2025	
14	Xây dựng mới Trụ sở Công an xã Mỹ An	Ban QLDA ĐTXD huyện Thủ Thừa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	43/QĐ-UBND, ngày 19/11/2024	5.000	5.000	2024	1.100,00	1.500	2025	
15	Xây dựng mới Trụ sở Công an xã Tân Thành	Ban QLDA ĐTXD huyện Thủ Thừa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	45/QĐ-UBND, ngày 19/11/2024	5.926	5.926	2024	1.100,00	1.000	2025	
16	Xây dựng kè chống sạt lở bờ rạch Cây Gáo (bờ đông)	Ban QLDA ĐTXD huyện Thủ Thừa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	8042/QĐ-UBND, 29/12/2021	32.000	32.000	2022	14.552,61	13.000	2025	
17	Đường giao thông kết nối từ trường THPT Thủ Thừa đến Nhà thiếu nhi huyện kết hợp GPMB tạo quỹ đất sạch 02 bên tuyến	Ban QLDA ĐTXD huyện Thủ Thừa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	4709/QĐ-UBND, 08/8/2023	219.144	219.144	2024	93.416,00	18.203,419	2025	
18	Cổng chào Trung tâm hành chính huyện Thủ Thừa	Ban QLDA ĐTXD huyện Thủ Thừa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	6575/QĐ-UBND, ngày 22/11/2024	4.000	4.000	2024	2.580,00	888,374	2025	CT đã quyết toán
2.4	**Huyện Thạnh Hóa**				**216.113**	**194.143**		**96.988**	**34.333,249**		
1	Đường liên xã kênh 3	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	6570/QĐ-UBND, ngày 20/12/2022	6.483	6.353,12	2024	1.000,00	1.000,000	30/12/2024	Tất toán
2	Đường vào khu nông nghiệp công nghệ cao Giai đoạn 2	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	7183/QĐ-UBND, ngày 25/12/2023	14.950	14.950,00	2024	5.390,00	1.156,647	15/5/2025	Tất toán
3	Sửa chữa, nâng cấp đường Lê Duẩn (giai đoạn 1)	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	573/QĐ-UBND, ngày 29/12/2023	14.900	14.900,00	2024	2.000,00	6.317,513	29/12/2025	Đang thi công
4	Cải tạo, xây dựng phòng họp trụ sở khối vận huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	7486/QĐ-UBND, ngày 16/12/2021	1.700	1.700,00	2022	1.544,00	145,928	30/5/2023	Tất toán
5	Cải tạo, sửa chữa phòng Tài chính - Kế hoạch huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	6862/QĐ-UBND, ngày 30/12/2022	1.850	1.850,00	2023	1.031,46	623,000	45.412	Tất toán
6	Cổng hàng rào, cải tạo trụ sở UBND xã Thủy Tây	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	6694/QĐ-UBND, ngày 27/12/2022	1.727	1.727,07	2023	958,00	208,000	27/12/2024	Tất toán

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
7	Cổng hàng rào, cải tạo trụ sở UBND xã Thạnh Phước	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	6693/QĐ-UBND, ngày 27/12/2022	1.850	1.850,00	2023	1.105,00	345,989	45.386	Tất toán
8	Cổng hàng rào, cải tạo trụ sở UBND xã Tân Đông	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	6509/QĐ-UBND, ngày 16/12/2022	4.295	4.294,97	2023	1.600,00	714,820	29/11/2024	Tất toán
9	Cổng hàng rào, cải tạo trụ sở UBND xã Thạnh Phú	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	6859/QĐ-UBND, ngày 30/12/2022	2.414	2.414,49	2023	800,00	500,000	45.590	Tất toán
10	Mua sắm thiết bị hội trường khối vận	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	6867/QĐ-UBND, ngày 30/12/2022	795	795,00	2023	*350,00*	336,368	30/5/2023	Tất toán
11	Mở rộng Trụ sở văn phòng HĐND-UBND huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	7575/QĐ-UBND, ngày 29/12/2023	11.000	11.000,00	2023	6.182,96	119,581	10/03/2025	Tất toán
12	Nâng cấp cải tạo ao khu văn hóa (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	6331/QĐ-UBND, ngày 24/10/2017	12.816	12.816,40	2018	8.933,62	1.000,000	19/12/2023	Tất toán
13	Cải tạo Ao khu văn hóa (giai đoạn 3)	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	7500/QĐ-UBND, ngày 16/12/2021	3.794	3.794,00	2022	1.730,00	500,000	19/12/2023	Tất toán
14	Khu dân cư La Khoa xã Tân Đông	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3401/QĐ-UBND, ngày 21/10/2019	5.900	5.900,00	2021	4.383,98	223,294	29/9/2022	Tất toán
15	Hạ tầng kỹ thuật cụm dân cư xã Tân Hiệp	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	5929/QĐ-UBND, ngày 27/10/2020	7.254	7.254,00	2021	5.986,07	450,363	29/6/2022	Tất toán
16	Hạ tầng kỹ thuật khu biệt thự vườn thị trấn Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	6343/QĐ-UBND, ngày 24/10/2017	11.500	11.500,00	2019	9.301,00	982,525	30/12/2022	Tất toán
17	Đường dây điện hạ thế khu biệt thự vườn thị trấn Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	3441/QĐ-UBND, ngày 19/10/2018	2.398	2.397,64	2019	2.150,00	12,108	30/12/2022	Tất toán
18	Hạ tầng kỹ thuật mở rộng khu dân cư xã Thạnh Phước	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	7516/QĐ-UBND, ngày 16/12/2021	14.615	14.615,00	2022	4.789,18	2.888,960	15/11/2023	Tất toán
19	Hạ tầng kỹ thuật mở rộng khu dân cư xã Thạnh Phú	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	7514/QĐ-UBND, ngày 16/12/2021	13.200	13.200,00	2022	4.744,95	2.000,000	28/7/2023	Tất toán
20	Khu tái định cư thị trấn (Trung tâm GDTX cũ)	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	7515/QĐ-UBND, ngày 16/12/2021	5.273	5.273,00	2022	2.595,51	2.000,000		Tất toán

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
21	Hạ tầng kỹ thuật mở rộng khu dân cư xã Thạnh Phú (giai đoạn 02)	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	6863/QĐ-UBND, ngày 30/12/2022	6.497	6.496,64	2023	1.950,00	1.500,000	29/5/2024	Tất toán
22	Khu dân cư tuyến N2 khu C (giai đoạn 02)	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	6466/QĐ-UBND, ngày 14/12/2022	8.142	8.142,00	2022	1.223,58	2.910,054	30/12/2024	Tất toán
23	Khu dân cư Nội ô (Kênh 2 Dần)	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	7041/QĐ-UBND, ngày 15/12/2023	4.100	4.100,00	2024	1.420,00	2.500,000	25/10/202	Đang thi công
24	Trường TH & THCS Thạnh An	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	6589/QĐ-UBND, ngày 9/11/2021	14.969	4.679,00	2022	11.790,00	1.441,099	45.289	Tất toán
25	Trường THCS Thủy Tây	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	5881/QĐ-UBND, ngày 10/11/2022	7.800	5.910,00	2023	3.869,20	700,000	3/5/2024	Tất toán
26	Trường THCS Tân Đông	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	5883/QĐ-UBND, ngày 10/11/2022	14.945	11.305,00	2023	4.140,00	2.000,000	12/4/2024	Tất toán
27	Trường THCS Thạnh Phước	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	6684/QĐ-UBND, ngày 30/11/2023	6.169	3.649,00	2024	3.500,00	300,000	14/03/2025	Tất toán
28	Trường THCS Thủy Đông	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	6660/QĐ-UBND, ngày 29/11/2023	4.277	777,00	2024	2.520,00	300,000	07/3/2025	Tất toán
29	Nhựa hóa các trục đường cụm DCVL xã Thạnh An	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạnh Hóa	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	5962/QĐ-UBND ngày 16/11/2022	10.500,00	10.500,00	2025		1.157,000	15/5/2025	Tất toán
II	**Ban QL DA ĐTXD KV KIẾN TƯỜNG**				**17.565.664**	**17.406.033**	**0**	**772.981**	**207.216,598**		
1	**Nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung**				**15.677.245**	**15.579.390**		**236.126**	**85.453,796**		
1.1	**Kiến Tường**				**56.397**	**56.397**	**14.173**	**1.000**	**9.325**		
1	Chống xuống cấp trụ sở các cơ quan năm 2024	Ban QLDA ĐTXD thị xã Kiến Tường	Ban QL DA ĐTXD KV KIẾN TƯỜNG	3551/QĐ-UBND; 06/12/2023	2.673	2.673	2024		194,455		
2	Mua sắm Trang thiết bị năm 2024 và thiết bị phục vụ cho công tác Chuyển đổi số	Ban QLDA ĐTXD thị xã Kiến Tường	Ban QL DA ĐTXD KV KIẾN TƯỜNG	3483:/QĐ-UBND 30/11/2023	3.943	3.943	2024		91,080		
3	Sửa chữa đèn tết năm 2025	Ban QLDA ĐTXD thị xã Kiến Tường	Ban QL DA ĐTXD KV KIẾN TƯỜNG	4150/QĐ-UBND; 15/11/2024	1.161	1.161	2025		990,000		

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
4	Trang trí mới đèn tết năm 2025	Ban QLDA ĐTXD thị xã Kiến Tường	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	4151/QĐ-UBND; 15/11/2024	3.512	3.512	2025		1.700,000		
5	Chống xuống cấp trụ sở các cơ quan năm 2025	Ban QLDA ĐTXD thị xã Kiến Tường	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	4152/QĐ-UBND; 15/11/2024	6.770	6.770	2025		820,011		
6	Sửa chữa, cải tạo Trung tâm Hành chính công Phường Kiến Tường mới	Ban QLDA ĐTXD thị xã Kiến Tường	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	2081/QĐ-UBND, 16/6/2025	1.800	1.800,00	2025		1.800,000		
7	Mua sắm Trang thiết bị phục vụ cho công tác Chuyển đổi số Phường Kiến Tường mới	Ban QLDA ĐTXD thị xã Kiến Tường	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	2081/QĐ-UBND, 16/6/2025	1.200	1.200,00	2025		1.200,000		
8	Đường N22, N23, N24, N25 và đường D11, D12 khu đô thị Sân Bay	Ban QLDA ĐTXD thị xã Kiến Tường	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	1734/QĐ-UBND; ngày 29/6/2023	35.338	35.338,00	2023	1.000,00	2.529,691	2025	
1.2	**Huyện Tân Hưng**				**177.190**	**99.615**		**98.438**	**20.385,559**		
1	Trường Mầm Non Hưng Hà - 5 tuổi,	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	1174/QĐ-UBND, ngày 09/8/2017	2.164	2.164,37	2016	10.592,64	0,824	12/7/2016-12/10/2016	Tất toán
2	Trường TH Hưng Điền	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	3605/QĐ-UBND, ngày 31/10/2023	3.224	664,04	2024	2.560,00	664,000	08/05/2024-03/03/2025	
3	Nhà xe, sân khấu, cột cờ và cải tạo hàng rào trường THCS Hưng Điền	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	2524/QĐ-UBND, ngày 02/8/2022	1.700	1.700,00	2022	1.559,85	79,449	29/8/2022-29/12/2022	PDQT
4	Sửa chữa trụ sở UBND xã Hưng Điền	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	4055/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	2.000	2.000,00	2024	1.439,56	496,562	08/05/2024-02/01/2025	PDQT
5	Sửa chữa trụ sở UBND xã Hưng Điền B	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	4056/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	1.800	1.800,00	2024	1.127,59	493,877	08/05/2024-02/01/2025	PDQT

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
6	Sửa chữa trụ sở UBND xã Hưng Hà	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	4061/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	1.800	1.800,00	2024	1.615,05	184,348	08/05/2024-02/01/2025	PDQT
7	Sửa chữa TTVHTT&HTCĐ xã Hưng Điền	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	3348/QĐ-UBND, ngày 31/10/2024	600	600,00	2025	0,00	240,000	13/3/2025-12/4/2025	Hoàn thành
8	Trường Mẫu Giáo Vĩnh Châu B - 5 tuổi (Điểm Cá Bô, điệm ấp 5)	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	1411/QĐ-UBND, ngày 26/9/2013	3.282	3.282,00	2014	1.964,99	2,566	29/7/2014-02/11/2016	Tất toán
9	Trường MN Vĩnh Châu B	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	916/QĐ-UBND, ngày 23/6/2017	3.180	3.180,46	2017	3.109,95	2,305	25/7/2017-25/9/2017	Tất toán
10	Trường tiểu học Vĩnh Châu B	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	1281/QĐ-UBND, ngày 25/9/2013	1.850	1.850,00	2014	1.776,31	44,383	22/07/2014-22/02/2015	Tất toán
11	Nhà công vụ giáo viên Hưng Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	7431/QĐ-UBND, ngày 15/12/2021	943	103,00	2022	840,00	89,285	07/03/2022-07/08/2022	Tất toán (Vốn Tỉnh 840 triệu năm 2022)
12	Nhà công vụ giáo viên xã Thạnh Hưng	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	7431/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	934	934,00	2022		14,220		
13	Trường TH Thạnh Hưng	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	4631/QĐ-UBND, ngày 21/11/2022	2.400	720,00	2023	1.680,00	686,315	31/03/2023-31/12/2023	Tỉnh hỗ trợ 1680 trđ năm 2023
14	Trường THCS Vĩnh Châu B	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	4634/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	10.200	2.150,00	2023		1.698,000		
15	Trường MN Hưng Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	3604/QĐ-UBND ngày 31/10/2023	1.092	1.092,00	2023		250,000		
16	Mỹ thuật trang trí khu di tích lịch sử Gò Gòn	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	228/QĐ-UBND ngày 20/01/2021	5.178	263,22	2023	4.915,00	4,810		

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
17	Đầu tư công nghệ thông tin truyền thanh xã Vĩnh Đại, Thạnh Hưng, Vĩnh Lợi, Hưng Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	2848/QĐ-UBND ngày 18/9/2024	1.600	1.600,00	2024	810,00	775,195	02/11/2024-04/02/2025	PĐQT
18	Sửa chữa TTVHTT&HTCĐ xã Hưng Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	3346/QĐ-UBND, ngày 31/10/2024	800	800,00	2025	0,00	49,162		
19	Cải tạo, mở rộng Trụ sở UBND xã Thạnh Hưng	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	3607/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	2.500	500,00	2024	2.000,00	379,394	08/05/2024-23/12/2024	
20	Trường TH Vĩnh Lợi	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	5079/QĐ-UBND, ngày 24/12/2020	8.500	2.270,00	2021	8.035,50	386,481	26/04/2021-20/02/2022	
21	Trường TH Vĩnh Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	4633/QĐ-UBND, ngày 21/11/2022	4.300	940,00	2023	3.360,00	313,798	23/03/2023-20/01/2024	
22	Trường THCS Thị trấn Tân Hưng	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	3603/QĐ-UBND, ngày 31/10/2023	8.065	2.414,84	2024	5.650,00	1.412,254	26/06/2024-26/01/2025	
23	Trường THPT Tân Hưng (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	3962/QĐ-UBND, ngày 31/10/2017	36.031	2.670,00	2018	33.361,00	39,271	26/10/2018-18/01/2020	
24	Trường TH Thị trấn Tân Hưng	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	3602/QĐ-UBND ngày 31/10/2023	9.542	2.632,00	2024		2.579,811		
25	Đường thoát hiểm và sửa chữa hệ thống thoát nước CDC khu C	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	1080/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	1.361,6	1.361,6			361,589		
26	Sửa chữa trụ sở Công an xã Vĩnh Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	1079/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	818,8	818,8			46,389		
27	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở phòng Tài chính - Kế hoạch (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	2591/QĐ-UBND ngày 13/8/2024	782,1	782,1	2024	747,00	35,112		

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
28	Sân đường Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	106/QĐ-UBND ngày 19/01/2018	409,8	409,8			1,997		
29	Hành lang đường Bạch Đằng và Công viên CDC khu C	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	2094/QĐ-UBND ngày 19/7/2023	1.296,2	1.296,2			18,869		
30	Nhà thiếu nhi huyện (sân đường)	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	4101/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	1.100,0	1.100,0		500,00	600,000		
31	Hạ tầng chuyển đổi số các xã	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	4178/QĐ-UBND ngày 27/12/2024	548,738	548,738			19,926		
32	Nghĩa trang nhân dân huyện Tân Hưng	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	1435/QĐ-UBND, ngày 26/4/2022	8.682	8.682,21	2022	2.893,88	25,638	19/5/2022-15/11/2022	PDQT
33	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND xã cũ thành công an xã Vĩnh Lợi	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	4417/QĐ-UBND ngày 21/12/2023	500,0	500,0	2024		57,830		
34	Công viên huyện ủy	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	2721/QĐ-UBND ngày 28/6/2024	997,5	978,5	2024	400,00	597,000		
35	Cải tạo sửa chữa nhà khách HĐND&UBND huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	4049/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	1.500,0	1.500,0	2024		340,492		
36	Mái che, thiết bị trụ sở huyện ủy Tân Hưng	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	4163/QĐ-UBND ngày 27/12/2024	1.198,043	1.198,043	2024		18,043		
37	Xử lý chống thấm và sơn lại trụ sở HĐND&UBND huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	178/QĐ-UBND ngày 12/01/2024	5.500,000	5.500,000	2024		1.060,062		
38	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	3345/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	1.250,000	1.250,000	2024		1.250,000		

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
39	Sửa chữa trụ sở UBND xã Vĩnh Lợi	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	3344/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	1.600,0	1.600,0	2024		87,243		
40	Kho đạn BCH QS huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	4050/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	2.380,3	2.380,3	2024		347,948		
41	Sửa chữa trụ sở BCH quân sự huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	2797/QĐ-UBND ngày 06/9/2024	1.500,0	1.500,0	2024		842,792		
42	Sửa chữa nhà vệ sinh, nhà tắm, đài nước Ban CHQS	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	1572/QĐ-UBND ngày 10/5/2022	250,0	250,0	2024		18,802		
43	Sửa chữa Trung tâm VH-TT&TT, nhà thiếu nhi huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	2805/QĐ-UBND ngày 10/9/2024	2.000,0	2.000,0	2024		922,018		
44	Trung tâm VHTT HTCĐ xã Vĩnh Lợi	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	1169/QĐ-UBND ngày 29/3/2022	5.500	5.500,00	2022	5.000,00	318,528	10/5/2022-22/6/2023	
45	Hệ thống âm thanh ánh sáng trung tâm VH-TT huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	1671/QĐ-UBND ngày 06/6/2023	550,0	550,0	2023		19,694		
46	Cải tạo, nâng cấp sân bóng đá huyện Tân Hưng	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	2985/QĐ-UBND ngày 04/10/2023	2.600	600,00	2024	2.500,00	83,086	25/10/2023-31/12/2023	Tỉnh hỗ trợ 2000trđ năm 2024
47	Sửa chữa TTVHTT&HTCĐ xã Vĩnh Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	3347/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	900,0	900,0	2024		850,000	2.025	
48	Xây dựng quảng trường tại sân vận động huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	3089/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	12.000,0	12.000,0	2023		865,908	2.025	
49	Trường TH Vĩnh Đại	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	4630/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	2.800	2.800,00	2024		27,720	2.025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
50	Cải tạo, sửa chữa của trường TH Vĩnh Đại điểm Kênh 79 thành công an xã Vĩnh Đại	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	4418/QĐ-UBND ngày 21/12/2023	800	800,00	2024		199,057	2.025	
51	Cải tạo, sửa chữa trường THCS Vĩnh Bửu điểm ấp 5 thành công an xã Vĩnh Bửu	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	4419/QĐ-UBND ngày 21/12/2023	979	978,55	2024		265,549	2.025	
52	Cải tạo, sửa chữa Trạm y tế cũ xã Vĩnh Bửu thành trụ sở BCH QS xã Vĩnh Bửu	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	4120/QĐ-UBND ngày 21/12/2023	600	600,00	2024		49,433	2.025	
53	Sửa chữa trụ sở UBND xã Vĩnh Bửu	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	3342/QĐ-UBND, ngày 31/10/2024	1.600	1.600,00	2025	0,00	84,085		Ngưng triển khai gói thầu xây lắp
54	Sửa chữa trụ sở UBND xã Vĩnh Đại	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	3343/QĐ-UBND, ngày 31/10/2024	1.500	1.500,00	2025	0,00	84,439		Ngưng triển khai gói thầu xây lắp
1.3	**Huyện Vĩnh Hưng**				**83.898,4**	**83.898,4**		**119.094,4**	**18.461,000**		
1	Di tích Quốc gia Đồn Long Khốt	Ban QLDA ĐTXD huyện	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	4866/QĐ-UBND/H; 21/10/2022	9.130	9.130	2023	7.443	1.097,000	2.025	
2	Công viên cầu Lò Gạch (đoạn từ đê bao thị trấn Vĩnh Hưng đến cầu Lò Gạch)	Ban QLDA ĐTXD huyện	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	2573/QĐ-UBND/H; 01/11/2023	7.066	7.066	2024	7.443	962,000	2.025	
3	Xây dựng Trụ sở Phòng Tài chính - Kế hoạch	Ban QLDA ĐTXD huyện	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	887/QĐ-UBND/H; 09/3/2023	5.796	5.796	2024	7.443	1.466,000	2.025	
4	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở HĐND và UBND huyện (Nhà khách, sân đường, hàng rào)	Ban QLDA ĐTXD huyện	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	6056/QĐ-UBND/H; 31/12/2024	5.209	5.209	2024	7.443	1.056,000	2.025	
5	Trụ sở làm việc công an xã biên giới Thái Bình Trung	Ban QLDA ĐTXD huyện	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	95/QĐ-UBND/H; 28/12/2023	2.574	2.574	2024	7.443	349,000	2.025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
6	Trụ sở làm việc công an xã biên giới (Hưng Điền A, Tuyên Bình, Khánh Hưng)	Ban QLDA ĐTXD huyện	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	81/QĐ-UBND/H; 10/11/2023	5.032	5.032	2024	7.443	352,000	2.025	
7	Sân đường Trụ sở Công an - Xã đội Vĩnh Bình	Ban QLDA ĐTXD huyện	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	1943/QĐ-UBND/H; 12/5/2023	509	509	2024	7.443	83,000	2.025	
8	Hệ thống chiếu sáng đường vào cầu qua sông Vàm Cỏ Tây	Ban QLDA ĐT-XD huyện	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	4742/QĐ UBND/H; 08/11/2023	489	489	2024	7.443	265,000	2.025	
9	Tu sửa xử lý khẩn cấp sạt lở bờ sông Vàm Cỏ Tây (đoạn qua CDC Cà Rưng xã Tuyên Bình Tây) huyện Vĩnh Hưng, Long An	Ban QLDA ĐT-XD huyện	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	5645/QĐ UBND/H; 31/10/2023	4.480	4.480	2024	7.443	1.380,000	2.025	
10	Khu dân cư Tháp Mười A, thị trấn Vĩnh Hưng, hạng mục: San nền, sân đường, thoát nước, kios	Ban QLDA ĐTXD huyện	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	2458/QĐ-UBND/H; 09/09/2013	16.540	16.540	2024	7.443	405,000	2.025	
11	Xây dựng Trụ sở Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Ban QLDA ĐTXD huyện	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	5439/QĐ-UBND/H; 03/12/2024	5.686	5.686	2024	7.443	350,000	2.025	
12	Mở rộng Ban QLDA ĐTXD huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	4062/QĐ-UBND/H; 09/9/2024	1.929	1.929	2024	7.443	1.364,000	2.025	
13	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Hành chính công huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	3251/QĐ-UBND/H; 16/7/2024	645	645	2024	7.443	278,000	2.025	
14	Xây dựng nhà ăn Ban CHQS huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	4493/QĐ-UBND/H; 9/10/2024	1.450	1.450	2024	7.443	695,000	2.025	
15	Di dời cây xanh đường bờ Nam sông Vàm Cỏ (đoạn từ cầu kênh Tên Lửa đến cầu Cà Rưng)	Ban QLDA ĐTXD huyện	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	5613/QĐ-UBND/H; 09/12/2024	709	709	2024	7.443	517,000	2.025	
16	Trung tâm VH-TT xã Thái Trị	Ban QLDA ĐTXD huyện	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	2013/QĐ-UBND/H 16/5/2023	5.681	5.681	2024	7.443	900,000	2.025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
17	Sửa chữa nhà công vụ Trường TH và THCS thị trấn Vĩnh Hưng	Ban QLDA ĐTXD huyện	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	1280/QĐ-UBND/H; 10/4/2025	991	991	2025		950,000	2.025	
18	Đường vào Khu dân cư sân vận động cũ, thị trấn Vĩnh Hưng	Ban QLDA ĐTXD huyện	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	221/QĐ-UBND/H; 16/01/2025	6.051	6.051	2025		5.742,000	2.025	
19	Láng nhựa đường bờ Tây kênh Măng Đa - Cà Môn, ấp Ông Lẹt xã Vĩnh Thuận	Ban QLDA ĐTXD huyện	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	3539/QĐ-UBND/H; 05/8/2024; 1375/QĐ-UBND/H ngày 16/4/2025	3.931	3.931	2025		250,000	2.025	
1.4	**Huyện Mộc Hóa**				**83.222**	**68.242**		**14.093**	**16.497,000**	**4.137**	**12.360,00**
1	Cầu Sậy Giăng thị trấn Bình Phong Thạnh	Ban QLDA ĐT XD huyện Mộc Hóa	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	674/QĐ-UBND; 23/5/2023	6.113	6.113	2023	4.500	1.047,000	2.025	
2	Thảm nhựa đường Đốc Binh Kiều	Ban QLDA ĐT XD huyện Mộc Hóa	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	750/QĐ-UBND; 05/6/2023	5.244	5.244	2023	4.500	98,000	2.025	
4	Trụ sở Công an xã Bình Hòa Tây	Ban QLDA ĐT XD huyện Mộc Hóa	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	2139/QĐ-UBND; 29/12/2023	3.023	3.023	2024	1.500	1.374,000	2.025	
5	Nâng cấp cơ sở vật chất Đại đội bộ binh	Ban QLDA ĐT XD huyện Mộc Hóa	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	1559/QĐ-UBND; 09/8/2024	1.000	1.000	2024	537	394,000	2.025	
6	Hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông	Ban QLDA ĐT XD huyện Mộc Hóa	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	2149/QĐ-UBND; 29/12/2023	3.800	3.800	2024	1.500	106,000	2.025	
7	Trường THCS Tân Lập	Ban QLDA ĐT XD huyện Mộc Hóa	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	2143/QĐ-UBND; 29/12/2023	7.200,0	3.840,0	2024	1.000,00	1.644,000	2.025	
8	Trường MG Bình Phong Thạnh	Ban QLDA ĐT XD huyện Mộc Hóa	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	1725/QĐ-UBND/H, 24/10/2022	13.146,0	5.026,0	2023	556,00	3.027,000	2.025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
9	Trung tâm VH - TT xã Bình Hòa Tây	Ban QLDA ĐT XD huyện Mộc Hóa	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	3222/QĐ-UBND; 22/11/2024	6.208	2.708	2025		280,000	2.025	
10	Đường cặp kênh trục II và Tuyến phố thương mại cặp đường kênh Trục II	Ban QLDA ĐT XD huyện Mộc Hóa	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	1280/QĐ-UBND; 30/7/2021	37.488	37.488	2022		8.527,000		
1.5	**Huyện Tân Thạnh**				**15.276,537**	**15.271.237**		**3.500**	**20.785,000**		
1	Trụ sở UBND xã Nhơn Ninh	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Thạnh	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	1923/QĐ-UBND ngày 10/7/2024	3.500	300,00	2025	3.000,00	300,000	17/10/2024 - 28/12/2025	
2	Đường số 3 và khai thác quỹ đất cặp đường số 3	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Thạnh	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	3633/QĐ-UBND ngày 02/11/2022	165.170,73	165.170,73	2022		4.000,000	2022-2026	
3	Quảng trường phía trước trụ sở Huyện ủy Tân Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Thạnh	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	3512/QĐ-UBND ngày 16/10/2023	30.000	30.000,00	2025		3.863	2025	
4	Hạ tầng khu dân cư kênh Hiệp Thành	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Thạnh	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	4400/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	58.573	58.573,00	2024		5.000	2025	
5	Hội trường UBND xã Tân Lập	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Thạnh	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	2906/QĐ-UBND 8/9/2022	5.000.000	5.000.000	2023		604,520	2.025	*Đã tất toán*
6	Trụ sở Phòng giáo dục và Đào tạo- Xây dựng mới	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Thạnh	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	3622/QĐ-UBND ngày 02/11/2022	3.500	3.500,00	2023		1.468,083	2.025	*Đã tất toán*
7	Trụ sở UBND xã Tân Bình- xây dựng mới	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Thạnh	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	2220/QĐ-UBND 8/7/2022	9.999.754	9.999.754	2023		1.049,504	2.025	*Đã tất toán*
8	Trung tâm VH-TT xã Kiến bình	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Thạnh	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	3510/QĐ-UBND ngày 16/10/2023	5.000	5.000	2024		621,917	2.025	*Đã tất toán*

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
9	Nhà tập luyện thể thao	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Thạnh	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	1282/QĐ-UBND ngày 17/5/2024	6.300	4.199,89	2025	500,00	3.699,893	27/5/2025-27/6/2025	
10	Trường TH Tân Hòa A	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Thạnh	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	1063/QĐ-UBND ngày 22/4/2024	4.740	4.740	2024		178,083	13/6/2024 - 26/12/2024	đã QT
2	**Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất**				**1.888.420**	**1.826.644**		**536.855**	**121.762,802**		
2.1	**thị xã Kiến Tường**				**824.882**	**791.406**		**244.657**	**45.409,000**		
1	Khu đô thị Sân Bay (Giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD thị xã Kiến Tường	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	1474/QĐ-UBND; ngày 02/6/2014	365.631	365.631,00	2013	127.182,93	2.330,633	2025	
2	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư xã Tuyên Thạnh	Ban QLDA ĐTXD thị xã Kiến Tường	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	1596/QĐ-UBND; ngày 20/5/2021	13.225	13.225,00	2020	7.595,22	805,299	2025	
3	Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Thành A	Ban QLDA ĐTXD thị xã Kiến Tường	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	2799/QĐ-UBND, 31/10/2019	14.999	14.999	2020		420,676	2025	
4	Nâng cấp mở rộng đường Tuyên Thạnh	Ban QLDA ĐTXD thị xã Kiến Tường	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	4258/QĐ-UBND; ngày 30/11/2020	35.736	35.736,00	2021	20.179,00	3.500,000	2025	
5	Nâng cấp mở rộng đường Thạnh Hưng	Ban QLDA ĐTXD thị xã Kiến Tường	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	4259/QĐ-UBND; ngày 30/11/2020	29.090	29.090,00	2021	17.569,00	2.000,000	2025	
6	Mở rộng CDC Khu phố 5 - Phường 2	Ban QLDA ĐTXD thị xã Kiến Tường	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	2596/QĐ-UBND; ngày 31/10/2017	34.487	34.487,00	2020	13.640,34	1.759,554	2025	
7	Hạ tầng kỹ thuật khu kinh tế cửa khẩu Long An giai đoạn 2	Ban QLDA ĐTXD thị xã Kiến Tường	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	2539/QĐ-UBND; ngày 16/7/2019	89.700	69.084,00	2019	6.100,00	56,420	2025	
8	Đường số 4 (đoạn từ đường Lê Duẩn đến ngã ba đường Ngô Quyền - Thiên Hộ Dương)	Ban QLDA ĐTXD thị xã Kiến Tường	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	3807/QĐ-UBND; ngày 30/11/2021	8.331	8.331,00	2022	4.300,00	1.833,959	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
9	Đường nhựa ấp 1 xã Thạnh Trị (Bờ tây)	Ban QLDA ĐTXD thị xã Kiến Tường	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	3817/QĐ-UBND; ngày 30/11/2021	4.589	4.589,00	2022	2.973,00	500,000	2025	
10	Đường Tầm Đuông xã Bình Hiệp	Ban QLDA ĐTXD thị xã Kiến Tường	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	3820/QĐ-UBND; ngày 30/11/2021	7.413	7.413,00	2022	3.510,00	900,000	2025	
11	Đường bờ đông kênh Ba Xã, xã Bình Hiệp	Ban QLDA ĐTXD thị xã Kiến Tường	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	3819/QĐ-UBND; 30/11/2021	6.352	6.352			1.014,691	2025	
12	Trụ sở UBND Phường 1	Ban QLDA ĐTXD thị xã Kiến Tường	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	3855/QĐ-UBND; ngày 30/11/2021	14.960	8.960,00	2022	3.968,20	1.000,000	2025	
13	Đường bờ Nam lộ Cà Gừa	Ban QLDA ĐTXD thị xã Kiến Tường	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	2997/QĐ-UBND; ngày 11/10/2022	12.777	12.777,00	2022	10.850,00	953,373	2025	
14	Đường N21 (đoạn từ đường Nguyễn Văn Kính đến đường D13)	Ban QLDA ĐTXD thị xã Kiến Tường	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	3692/QĐ-UBND; ngày 30/11/2022	5.294	5.294,00	2023	1.254,00	1.700	2025	
15	Đường N22, N23, N24, N25 và đường D11, D12 khu đô thị Sân Bay	Ban QLDA ĐTXD thị xã Kiến Tường	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	1734/QĐ-UBND; ngày 29/6/2023	35.338	35.338,00	2023	1.000,00	5.001,633	2025	
16	Đường D13, Nguyễn Tri Phương nối dài và các tuyến nhánh	Ban QLDA ĐTXD thị xã Kiến Tường	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	1280/QĐ-UBND; ngày 18/5/2023	16.952	16.952,00	2023	1.000,00	2.000	2025	
17	Đường N16, N19, D9, D10	Ban QLDA ĐTXD thị xã Kiến Tường	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	1279/QĐ-UBND; ngày 18/5/2023	19.714	19.714,00	2023	1.000,00	1.500	2025	
18	Cấp điện trung thế, hạ thế, trạm biến áp và Chiếu sáng đường Lê Duẩn	Ban QLDA ĐTXD thị xã Kiến Tường	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	1067/QĐ-UBND; ngày 26/4/2023	18.906	18.906,00	2023	48,00	1.500	2025	
19	Hệ thống đường giao thông, cống thoát nước, cấp nước, điện hạ thế, chiếu sáng Cụm dân cư ấp Cái Sậy xã Tuyên Thạnh	Ban QLDA ĐTXD thị xã Kiến Tường	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	3699/QĐ-UBND; ngày 30/11/2022	14.130	14.130,00	2023	1.619,00	700	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
20	Láng nhựa đường cặp Sông Vàm Cỏ (đoạn từ Quốc Lộ 62 đến ranh xã Bình Tân)	Ban QLDA ĐTXD thị xã Kiến Tường	Ban QL DA ĐTXD KV KIẾN TƯỜNG	3700/QĐ-UBND; ngày 30/11/2022	9.975	9.975,00	2023	2.700,00	3.000	2025	
21	Cầu Bắc qua kênh 61 (ấp Ông Nhan Đông)	Ban QLDA ĐTXD thị xã Kiến Tường	Ban QL DA ĐTXD KV KIẾN TƯỜNG	3701/QĐ-UBND; ngày 30/11/2022	3.500	3.500,00	2023	1.800,00	1.010,220	2025	
22	Trồng tre cặp đường tuần tra Biên giới đoạn xã Bình Hiệp-Thạnh Trị	Ban QLDA ĐTXD thị xã Kiến Tường	Ban QL DA ĐTXD KV KIẾN TƯỜNG	3702/QĐ-UBND; ngày 30/11/2022	3.400	3.400,00	2023	1.275,00	196,695	2025	
23	Cầu Chồi Mồi (trên đường liên xã Bình Hiệp - Thạnh Trị)	Ban QLDA ĐTXD thị xã Kiến Tường	Ban QL DA ĐTXD KV KIẾN TƯỜNG	3704/QĐ-UBND; ngày 30/11/2022	6.604	6.604,00	2023	1.800,00	2.951,489	2025	
24	Cầu kênh Rọc lớn nối dài xã Thạnh Trị	Ban QLDA ĐTXD thị xã Kiến Tường	Ban QL DA ĐTXD KV KIẾN TƯỜNG	3705/QĐ-UBND; ngày 30/11/2022	2.753	2.753,00	2023	1.200,00	881,938	2025	
25	Trụ sở làm việc Công an xã biên giới thuộc Công An tỉnh Long An (Bình Hiệp, Thạnh Trị, Bình Tân - Thị xã Kiến Tường)	Ban QLDA ĐTXD thị xã Kiến Tường	Ban QL DA ĐTXD KV KIẾN TƯỜNG	3553/QĐ-UBND; ngày 16/12/2023	7.644	7.644,00	2024	4.500,00	1.000,000	2025	
26	Trường THCS Phường 1 (10 phòng học + 02 phòng chức năng)	Ban QLDA ĐTXD thị xã Kiến Tường	Ban QL DA ĐTXD KV KIẾN TƯỜNG	592/QĐ-UBND; ngày 11/3/2022	13.510	13.510,00	2022	1.000,00	999,999	2025	
27	Trường MG Hoa Mai	Ban QLDA ĐTXD thị xã Kiến Tường	Ban QL DA ĐTXD KV KIẾN TƯỜNG	633/QĐ-UBND; ngày 15/3/2022	12.723	5.863,00	2022	1.019,09	546,748	2025	
28	Nhà đa năng Trường THCS Lê Quý Đôn	Ban QLDA ĐTXD thị xã Kiến Tường	Ban QL DA ĐTXD KV KIẾN TƯỜNG	742/QĐ-UBND; ngày 15/3/2024	3.500	3.500,00	2024	500,00	1.387,000	2025	
29	Nhà đa năng Trường TH và THCS Trần Văn Giàu	Ban QLDA ĐTXD thị xã Kiến Tường	Ban QL DA ĐTXD KV KIẾN TƯỜNG	743/QĐ-UBND; ngày 15/3/2024	3.468	3.468,00	2024	500,00	1.297,000	2025	
30	Cầu kênh 364 xã Thạnh Trị	Ban QLDA ĐTXD thị xã Kiến Tường	Ban QL DA ĐTXD KV KIẾN TƯỜNG	744/QĐ-UBND; ngày 15/3/2024	2.271	2.271,40	2024	500,00	1.140,258	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
31	Nhà công vụ giáo viên Trường THCS Tuyên Thạnh	Ban QLDA ĐTXD thị xã Kiến Tường	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	3347/QĐ-UBND; ngày 21/11/2023	2.110	2.110,00	2024	840,00	500,000	2025	
32	Đường kênh ranh khu phố 2-3 phường 2	Ban QLDA ĐTXD thị xã Kiến Tường	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	4225/QĐ-UBND; ngày 30/11/2020	4.971	4.970,53	2021	3.234,00	368,874	2025	
33	Kè chống sạt lở thị xã Kiến Tường	Ban QLDA ĐTXD thị xã Kiến Tường	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	4479/QĐ-UBND; ngày 6/12/2024	829	828,73	2024	0,00	652,541	2025	
2.2	**Huyện Tân Hưng**				**549.693**	**541.393**		**138.426**	**35.799,802**		
1	Mở rộng chốt dân quan thường trực xã Hưng Điền B	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	3957/QĐ-UBND ngày 07/12/2023	735,2	735,2	2025		735,249	2.025	
2	Di dời đường ống cấp nước, trụ điện chiếu sáng các cầu trên tuyến Tân Hưng - Tân Phước	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	3912/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	132,9	132,9	2023		22,908	2.025	
3	Tuyến dân cư cặp kênh Cái Bát Cú, xã Thạnh Hưng	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	4731/QĐ-UBND ngày 05/12//2022	4.800,0	4.800,0	2023		1.130,000	2.025	
4	Nâng cấp lò đốt rác huyện Tân Hưng; Gói thầu: Thiết bị	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	1891/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	5.768,3	5.768,3	2022		300,000	2.025	
5	Hạ tầng khu dân cư hai bên Đường tỉnh 831 nối dài (Từ đường Hai Bà Trưng - ĐT.831 tại km7)	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	1876/QĐ-UBND, ngày 25/10/2019	11.255	11.255,15	2020	9.836,92	10,074	13/7/2020-13/05/2021	
6	Hạ tầng khu dân cư Gò Thuyền A Giai đoạn II (khu vực II)	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	1875/QĐ-UBND, ngày 25/10/2019	8.611	8.611,42	2020	8.491,45	4,697	27/05/2020 - 27/09/2020	
7	Hạ tầng khu dân cư Gò Thuyền A giai đoạn II (khu vực I)	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	1707/QĐ-UBND, ngày 29/10/2018	12.859	12.859,03	2019	12.146,03	151,350	09/03/2020-09/01/2021	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
8	Hạ tầng khu C1, C2 thị trấn Tân Hưng	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	1242/QĐ-UBND, ngày 05/4/2022	24.230	24.230,27	2022	17.279,06	1.500,000	08/7/2022-08/5/2023	Nguồn SDĐ tỉnh hỗ trợ bố trí 1647,524tr
9	Hệ thống chiếu sáng giao lộ đường 30/4 kết nối đường tỉnh 819	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	4773/QĐ-UBND, ngày 03/12/2020	2.865	2.865,36	2021	2.609,43	41,462	26/01/2021-26/05/2021	
10	Đường cặp kênh 79 thị trấn Tân Hưng (ĐT 819 - Đ.Bạch Đằng)	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	1062/QĐ-UBND, ngày 29/3/2022	3.000	3.000,00	2021	2.800,96	52,519	14/05/2021-14/11/2021	
11	Nâng cấp ĐT.831E (đường cặp kênh Cà Sách) xã Vĩnh Lợi	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	1083/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	16.684	16.684,46	2021		350,100		
12	Mở rộng đường 30-4 kết nối đường kênh 79	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	1728/QĐ-UBND, ngày 29/10/2018	8.500	8.500,00	2019	7.633,37	303,574	07/10/2019-07/04/2020	
13	Đường giao thông vành đai thị trấn Tân Hưng (Kênh 79-ĐT831)	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	4216/QĐ-UBND, ngày 31/11/2022	370.000	370.000,00	2023	14.063,84	25.843,000	24/5/2023 - 19/9/2025	
14	Đường Cà Nga - Cà Na xã Vĩnh Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	2085/QĐ-UBND, ngày 13/10/2011	3.112	3.112,31	2013	619,00	531,627	06/7/2012-06/12/2012	
15	Hạ tầng khu dân cư Gò Thuyền A giai đoạn II (xây dựng mới đường dây trung hạ áp và trạm biến áp)	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	338/QĐ-UBND, ngày 27/01/2021	4.036	4.035,82	2021	3.304,55	155,405	05/05/2021 - 03/12/2021	
16	Xử lý chống thấm và sơn lại trụ sở HĐND&UBND huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	476/QĐ-UBND ngày 09/3/2023	5.500	3.500,00	2023	4.400,00	89,938	04/05/2023-04/04/2024	Nguồn SDĐ bố trí 89,938tr
17	Cải tạo, TB nhà ăn VPHĐND&UBND huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	4048/QĐ-UBND, ngày 28/10/2020	2.500	2.500,00	2021	1.932,05	567,953	19/05/2021 - 19/01/2022	
18	Làm mới các vỉa hè nội ô Khu B	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	4401/QĐ-UBND, ngày 18/11/2022	4.500	4.500,00	2022	4.408,81	86,033	10/12/2022-10/03/2023	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
19	Làm mới các vỉa hè nội ô Khu B (GĐII)	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	842/QĐ-UBND, ngày 28/3/2023	4.296	4.296,36	2023	4.269,52	88,223	27/04/2023-27/09/2023	
20	Tuyến dân cư cặp kênh 79 thị trấn	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	693/QĐ-UBND, ngày 13/9/2023	3.300	3.300,00	2023	3.169,68	10,393	16/10/2023 - 16/3/2024	
21	Nhà công vụ giáo viên huyện Tân Hưng	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	3937/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	13.696	13.695,68	2024	9.744,00	492,244	27/06/2024-21/02/2025	
22	Hạ tầng cụm dân cư xã Vĩnh Đại	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	1625/QĐ-UBND, ngày 25/10/2017	11.500	11.500,00	2018	10.709,51	151,391	05/12/2018-05/11/2019	
23	Tuyến dân cư K. 79 hướng đông (K.NN - Thị trấn)	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	2740/QĐ-UBND, ngày 28/6/2021	5.914	5.914,25	2021	5.659,85	5,481	07/09/2021-07/05/2022	
24	Nâng cấp TCN CDC xã Vĩnh Bửu	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	4675/QĐ-UBND, ngày 24/11/2022	10.500	4.200,00	2023	6.800,00	1.575,182	12/04/2023-12/04/2024	
25	Đền tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ trận đánh kênh 62, xã Vĩnh Đại	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	1574/QĐ-UBND, ngày20/10/2018	3.396	3.396,27	2019	3.295,27	100,999	04/06/2019-04/01/2020	
26	San nền, Hạ tầng Khu dân cư rạch Bàu Chứa (từ Cầu Huyện Đội đến Rạch bàu Chứa) tại Thị trấn Tân hưng	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	2079/QĐ-UBND, ngày 11/5/2021	8.000	8.000	2021	5.252,45	1.500,000	08/06/2021-31/7/2022	
2.3	**Huyện Vĩnh Hưng**				**133.790,5**	**133.790,5**		**31.077,3**	**8.554**		
1	Cụm dân cư Trung Trực (phần còn lại). Gói thầu số 1: San nền giai đoạn 1	BAn QLDA ĐTXD huyện Vĩnh Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	2463/QĐ-UBND, ngày 11/6/2021	38.289	38.289,50	2021	19.042	1.702	2021-2025	Chuyển tiếp
2	Sân đường, thoát nước khu Trường dạy nghề	BAn QLDA ĐTXD huyện Vĩnh Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	1789/QĐ-UBND, ngày 06/5/2022	13.000	13.000,00	2022	7.100	1.000	2022-2025	Chuyển tiếp

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
3	Cụm dân cư Tà Nu (phần còn lại)	BAn QLDA ĐTXD huyện Vĩnh Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	Số 3273/QĐ-UBND ngày 16/7/2024	27.721	27.721,00	2024	220	1.500	2024-2026	Chuyển tiếp
4	Cụm dân cư Trung tâm xã Vĩnh Thuận (phần còn lại)	BAn QLDA ĐTXD huyện Vĩnh Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	1978/QĐ-UBND, ngày 12/5/2023 (Chủ trương đầu tư)	36.900	36.900,00	2024	989	111	2024-2026	Chuyển tiếp
5	Trụ sở làm việc công an xã biên giới (Thái Trị, Thái Bình Trung)	BAn QLDA ĐTXD huyện Vĩnh Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	67/QĐ-UBND, ngày 08/10/2024	4.425	4.425,00	2024	500	800	2024-2025 (20/6/2025)	Đã quyết toán
6	Xây dựng trụ sở công an xã Vĩnh Trị	BAn QLDA ĐTXD huyện Vĩnh Hưng	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	88/QĐ-UBND, ngày 13/12/2024	5.139	5.139,00	2024	766	800	2024-2025 (24/6/2025)	Đã NTHT, chưa phê duyệt QTDAHT
7	Hệ thống cột cờ trang trí Nghĩa trang liệt sĩ huyện Vĩnh Hưng - Tân Hưng	Ban QLDA ĐTXD huyện	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	5738/QĐ-UBND/H; 25/12/2023	850	850	2024	440	295	2.025	
8	Sửa chữa, bảo trì nghĩa trang liệt sĩ huyện Vĩnh Hưng - Tân Hưng (Hạng mục: Nhà vệ sinh)	Ban QLDA ĐTXD huyện	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	5707/QĐ-UBND/H; 22/12/2023	1.046	1.046	2024	510	443	2.025	
9	Chỉnh trang cảnh quan đường cặp kênh Măng Đa - Cà Môn (Đoạn từ cầu Măng Đa - Cà Môn đến cầu N2)	Ban QLDA ĐTXD huyện	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	530/QĐ-UBND/H; 06/02/2024	721	721	2024	500	183	2.025	
10	Nâng cấp đường liên xã (đoạn từ đường tỉnh ĐT.831 đến kênh Chống Chiến Xa)	Ban QLDA ĐTXD huyện	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	3803/QĐ-UBND/H; 20/8/2024	1.687	1.687	2024	160	500	2.025	
11	San nền + công viên Trường THPT Khánh Hưng	Ban QLDA ĐTXD huyện	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	3983/QĐ-UBND/H; 04/9/2024	1.163	1.163	2024	500	600	2.025	
12	Đường nội bộ khu từ trần Nghĩa trang liệt sỹ Vĩnh Hưng - Tân Hưng	Ban QLDA ĐTXD huyện	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	3179/QĐ-UBND/H; 12/7/2024	600	600	2024	350	220	2.025	
13	Di dời điện, cây xanh, đường ống cấp nước đường vào khu di tích lịch sử Gò Ông Lẹt	Ban QLDA ĐTXD huyện	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	3839/QĐ-UBND/H; 23/8/2024	2.249	2.249	2024	0	400	2.025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
2.4	**Huyện Mộc Hóa**				**37.488**	**37.488**		**0**	**7.000,000**		
1	Đường cặp kênh trục II và Tuyến phố thương mại cặp đường kênh Trục II	Ban QLDA ĐTXD	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	1280/QĐ-UBND; 30/7/2021	37.488	37.488	2022		7.000,000	2.026	
2.5	**Huyện Tân Thạnh**				**342.566,7**	**322.566,7**		**122.695,0**	**25.000,000**		
1	Đường nối từ ĐT.837 đến ĐT.829	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Thạnh	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	4109/QĐ-UBND, ngày 06/12/2022	58.823	38.823,00	2025	20.000,00	12.000,000	*25/10/2024-20/8/2025*	
2	Đường số 3 và khai thác quỹ đất cặp đường số 3	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Thạnh	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	3633/QĐ-UBND ngày 02/11/2022	165.171	165.170,73	2025	73.749,00	3.408,000	30/5/2025-31/12/2025	
3	Quảng trường phía trước trụ sở Huyện ủy Tân Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Thạnh	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	3512/QĐ-UBND ngày 16/10/2023	30.000	30.000,00	2025	3.500,00	4.500,000	27/2/2024-22/12/2024	
4	Hạ tầng khu dân cư kênh Hiệp Thành	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Thạnh	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	4400/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	58.573	58.573,00	2025	446,00	4.092,000	16/6/2025-16/12/2025	
5	Thu hồi đất và san lấp mặt bằng Trụ sở Công an huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Thạnh	Ban QL DA ĐTXD KV KIÊN TƯỜNG	1607/QĐ-UBND 19/6/2024	30.000	30.000,00	2025	25.000,00	1.000,000	1/4/2024-1/5/2025	
III	**Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC**				**1.134.160**	**1.120.860**		**183.893**	**298.465,025**		
3.1	**Nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung**				**110.401**	**110.401**		**10.640**	**27.861,000**		
	Huyện Bến Lức Cũ				**93.151**	**93.151**		**10.640**	**24.426,000**		
1	Trường MN Họa Mi	Ban QLDA DXD huyện Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV TÂN AN	12016/QĐ-UBND, 26/13/2024	78.169	78.169,00	2024	600,00	21.222,539	2025-2027	
2	Trường MG Thạnh Lợi	Ban QLDA DXD huyện Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	14802/QĐ-UBND, 16/11/2023	14.982	14.982,00	2023	10.040,00	3.203,461	2024-2025	Đã tất toán
	Huyện Tân Trụ cũ				**17.250**	**17.250**			**3.435,000**		
1	Cải tạo, sửa chữa Trường THCS Nhựt Tân	Ban QLDA DXD huyện Tân Trụ	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	997/QĐ-UBND, 31/3/2025	2.800	2.800,00	2025		260,000	2.025	
2	Trường Mầm non Tân Phước Tây	Ban QLDA DXD huyện Tân Trụ	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	101/QĐ-UBND, 01/4/2025	13.200	13.200,00	2025		2.075,000	2025-2026	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
3	Cải tạo, sửa chữa nhà bia tưởng niệm liệt sĩ xã Tân Phước Tây và xã Nhựt Ninh; Bia truyền thống Khu di tích Đám lá tối trời	Ban QLDA DXD huyện Tân Trụ	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	182/QĐ-UBND, 20/01/2025	1.250	1.250,00	2025		1.100,000	2025	Đã tất toán
3.2	**Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất**				**1.023.759**	**1.010.459**		**173.253**	**270.604,025**		
1	**Huyện Bến Lức**				**825.885**	**825.885**		**173.233**	**191.604,025**		
1	Cải tạo khu hành chính huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	11970/QĐ-UBND; 25/12/2024	45.402	45.402	2024	350,00	47,000	2025-2027	Đã tất toán
2	Cải tạo, sửa chữa Phòng Giáo dục và Đào tạo	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	11974/QĐ-UBND; ngày 26/12/2024	3.082	3.082,00	2024	122,00	4,757	2.025	Đã tất toán
3	Trụ sở công an xã Nhựt Chánh	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	11/QĐ-UBND, ngày 14/06/2023	20.196	20.195,85	2023	0,00	363,000	2025-2026	Đã tất toán
4	Trụ sở công an xã Lương Hòa	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	12/QĐ-UBND, ngày 14/06/2023	9.889	9.889,00	2023	300,00	91,500	2025-2026	Đã tất toán
5	Trụ sở công an xã Tân Bửu	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	10/QĐ-UBND, ngày 14/06/2023	10.169	10.169,00	2023	250,00	147,0	2025-2026	Đã tất toán
6	Trụ sở công an xã Thanh Phú	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	27/QĐ-UBND; ngày 25/12/2024	14.472	14.472,00	2024	350,00	167,8	2025-2026	Đã tất toán
7	Trụ sở công an xã Thạnh Hòa	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	28/QĐ-UBND; ngày 25/12/2024	11.414	11.414,00	2024	350,00	39,3	2025-2026	Đã tất toán
8	Trụ sở công an xã Bình Đức	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	25/QĐ-UBND; ngày 25/12/2024	12.154	12.154,00	2024	300,00	158,1	2025-2026	Đã tất toán
9	Trụ sở công an xã Thạnh Đức	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	08/QĐ-UBND ngày 14/06/2023	10.124	10.124,00	2023	332,00	91,5	2025-2026	Đã tất toán
10	Trụ sở công an xã Thạnh Lợi	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	14/QĐ-UBND ngày 14/06/2023	9.752	9.752,00	2023	297,00	92,300	2025-2026	Đã tất toán
11	Cải tạo vỉa hè đường Nguyễn Hữu Thọ	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	11333/QĐ-UBND; ngày 16/12/2024	13.949	13.949,00	2025	200,00	11.200,000	2025-2026	Đang thi công
12	Cống Kênh Ranh xã Bình Đức	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	12013/QĐ-UBND; ngày 26/12/2024	3.972	3.972,00		190,00	1.000,000	2025-2026	Đang thi công

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
13	Nâng cấp, cải tạo vỉa hè ĐT835 (Từ QL.1A đến cầu Long Khê)	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	4273/QĐ-UBND; ngày 12/6/2025	25.219	25.219,00	2025		13.112	2025-2026	
14	Cống Mỹ Yên - Thanh Phú	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	4274/QĐ-UBND; ngày 12/6/2025	6.000	6.000,00	2025		5.000	2025-2026	
15	Nâng cấp, cải tạo vỉa hè và thoát nước đường Mỹ Yên - Tân Bửu (Từ QL.1A đến đường vành đai 3)	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	4272/QĐ-UBND; ngày 12/6/2025	26.649	26.649,00	2025		15.000	2025-2026	
16	Trường MG Lương Hòa	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	10882/QĐ-UBND; ngày 03/12/2024	4.065	4.064,55	2025	130,00	3.000	2.025	Đang thi công
17	Trường MG Thanh Phú	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	11107/QĐ-UBND; ngày 09/12/2024	14.888	14.888,00	2025	*450,00*	5.000	2025-2026	Đang thi công
18	Trường TH&THCS Thanh Phú	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	11105/QĐ-UBND; ngày 09/12/2024	10.543	10.543,00	2024	***300,00***	1.000	2025-2026	Đang thi công
19	San nền Khu di tích Xóm Nghề	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	10881/QĐ-UBND; ngày 03/12/2024	6.873	6.873,00	2024		1.000	2025-2026	
21	Trung tâm VH-TT xã Tân Bửu	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	11592/QĐ-UBND; ngày 20/12/2024	14.903	14.903,00	2024	399,00	246,000	2025-2026	Đã tất toán
22	Đê kênh B6	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	9725/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	3.000	3.000,00	2024	170,00	2.200,000	2025-2026	Ctrình đang triển khai
23	Đê kênh B7	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	9724/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	2.755	2.755,00	2024	160,00	2.200	2025-2026	Ctrình đang triển khai
24	Cải tạo, sửa chữa trụ sở công an xã Phước Lợi	Ban QLDA ĐTXD Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	23/QĐ-UBND, ngày 26/12/2023	7.659	7.659,00	2023	2.900,00	3.300	2024-2025	Đã ntđvsd chưa quyết toán
25	Trụ sở công an xã Mỹ Yên	Ban QLDA ĐTXD Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	21/QĐ-UBND, ngày 26/12/2023	8.769	8.769,00	2023	4.036,68	3.677,439	2024-2025	Đã tất toán
26	Trụ sở công an xã Long Hiệp	Ban QLDA ĐTXD Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	24/QĐ-UBND, ngày 26/12/2023	7.672	7.672,00	2023	4.200,00	2.395,147	2024-2025	Đã QT nhưng chưa thanh toán hết
27	Trụ sở công an xã An Thạnh	Ban QLDA ĐTXD Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	25/QĐ-UBND, ngày 26/12/2023	9.822	9.822,00	2023	5.800,00	2.320,858	2024-2025	Đã tất toán

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
28	Trụ sở công an xã thị trấn Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	22/QĐ-UBND, ngày 26/12/2023	9.613	9.613,00	2023	***3.000,00***	5.200,000	2024-2025	Đã ntđvsd nhưng chưa quyết toán
29	Trường TH Nguyễn Trung Trực	Ban QLDA ĐTXD Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	12190/QĐ-UBND, ngày 26/12/2022	43.478	43.477,50	2022	26.872,45	8.800	2023-2025	Đã ntđvsd chưa QT
30	Trường TH và THCS Võ Công Tồn	Ban QLDA ĐTXD Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	12189/QĐ-UBND, ngày 26/12/2022	52.647	52.647,40	2022	38.391,01	9.610	2023-2025	Đã ntđvsd chưa QT
31	Trường TH&THCS Bình Đức	Ban QLDA ĐTXD Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	12187/QĐ-UBND, ngày 26/12/2022	35.704	35.704,00	2022	24.077,90	5.550	2023-2025	Đã ntđvsd chưa QT
32	Trường THCS Nhựt Chánh	Ban QLDA ĐTXD Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	12619/QĐ-UBND, ngày 27/10/2023	14.899	14.899,00	2023	4.000,00	3.200	2024-2025	Đã ntđvsd chưa QT
33	Trường MG Tân Bửu	Ban QLDA ĐTXD Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	13030/QĐ-UBND, ngày 31/10/2023	13.638	13.638,00	2023	*6.500,00*	5.000	2024-2025	Đã ntđvsd (phần XD); TB chưa nghiệm thu
34	Trường THCS Tân Bửu	Ban QLDA ĐTXD Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	15352/QĐ-UBND, ngày 29/11/2023	12.439	12.439,00	2023	9.020,00	1.116,067	2024-2025	Đã tất toán
35	Trường THCS Lương Bình	Ban QLDA ĐTXD Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	15350/QĐ-UBND, ngày 29/11/2023	25.097	25.097,00	2023	12.179,23	9.000	2024-2025	Đã ntđvsd (phần XD); TB chưa nghiệm thu
36	Trường THCS Thạnh Hòa	Ban QLDA ĐTXD Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	15346/QĐ-UBND, ngày 29/11/2023	20.482	20.482,00	2023	3.294,75	7.810	2024-2025	Đang thi công
37	Trường THCS Gò Đen	Ban QLDA ĐTXD Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	15347/QĐ-UBND, ngày 29/11/2023	48.639	48.639,00	2023	3.700,00	17.842,337	2024-2026	Đang thi công
38	Nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ huyện Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	15344/QĐ-UBND, ngày 29/11/2023	20.713	20.713,00	2023	9.910,08	3.000,000	2024-2025	Đã ntđvsd chưa QT
39	Trung tâm VH-TT xã Lương Bình	Ban QLDA ĐTXD Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	12621/QĐ-UBND, ngày 27/10/2023	12.499	12.499,00	2023	7.800,00	3.921,292	2024-2025	Đã tất toán
40	Nạo vét kênh Kháng Chiến	Ban QLDA ĐTXD Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	16529/QĐ-UBND, ngày 25/12/2023	5.513	5.513,00	2023	*2.900,77*	1.800	2024-2025	
41	Trường TH&THCS Thanh Phú (khối tiểu học)	Ban QLDA ĐTXD Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	4271/QĐ-UBND; ngày 12/6/2025	70.585	70.585	2025	***0,00***	30.000	2025-2027	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
42	Trường THCS An Thạnh	Ban QLDA ĐTXD Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	12620/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	7.166	7.166	2024		512,152	2025	
43	Trường MG Long Hiệp	Ban QLDA ĐTXD Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	12618/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	4.004	4.004	2024		**201,431**	2025	
44	Trường MG Nhựt Chánh	Ban QLDA ĐTXD Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	13871/QĐ-UBND ngày 06/11/2023	7.346	7.346	2024		696,347	2025	
45	Cải tạo, sửa chữa trụ sở công an xã Lương Bình	Ban QLDA ĐTXD Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	20/QĐ-UBND ngày 26/12/2023	2.617	2.617	2024		482,803	2025	
46	Đường vào Trường TH và Trường THCS thị trấn Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	16601/QĐ-UBND ngày 26/12/2023	998	998	2024		36,629	2025	
47	Cống rạch Bà Cua	Ban QLDA ĐTXD Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	16530/QĐ-UBND ngày 26/12/2022	11.250	11.250	2024		367,266	2025	
48	Đê kênh A7	Ban QLDA ĐTXD Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	1669/QĐ-UBND ngày 27/12/2023	2.967	2.967	2024		700	2025	
49	Nạo vét kênh Cây Da	Ban QLDA ĐTXD Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	16527/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	3.455	3.455	2024		1.000	2025	
50	Nạo vét kênh Gia Vẫn	Ban QLDA ĐTXD Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	16528/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	5.146	5.146	2024		1.600	2025	
51	Tiểu dự án Bồi thường giải phóng mặt bằng Kè chống sạt lở, xâm nhập mặn sông Vàm Cỏ Đông, huyện Bến Lức.	Ban QLDA ĐTXD Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	16756/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	40.000	40.000	2024		800	2025	
52	Bồi thường, giải phóng mặt bằng Khu di tích Xóm Nghề	Ban QLDA ĐTXD Bến Lức	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	906/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	41.600	41.600	2024		504	2025	
2	**Huyện Tân Trụ**				**197.874**	**184.574**		**20**	**79.000**		
1	Trường THCS Nguyễn Thành Nam	Ban QLDA DXD huyện Tân Trụ	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	4862/QĐ-UBND, 14/11/2023	12.083	5.503,00	2023		375,000	2024-2025	Đã tất toán
2	Trường TH Lạc Tấn	Ban QLDA DXD huyện Tân Trụ	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	4847/QĐ-UBND, 13/11/2023	8.363	6.403,00	2023		650,000	2024-2025	Đã tất toán
3	Cải tạo, sửa chữa và xây mới Trường TH Nguyễn Văn Thuần	Ban QLDA DXD huyện Tân Trụ	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	1051/QĐ-UBND, 04/4/2024	10.878	10.878,00	2024		1.300,000	2024-2025	Đã tất toán

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
4	Trường TH Quế Mỹ Thạnh	Ban QLDA DXD huyện Tân Trụ	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	4941/QĐ-UBND, 15/11/2023	10.048	10.048,00	2023		1.510,000	2024-2025	Đã tất toán
5	Trường THCS Nguyễn Văn Chiêu	Ban QLDA DXD huyện Tân Trụ	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	5664/QĐ-UBND, 02/10/2024	14.947	10.187,00	2025	20,00	4.000,000	2025-2026	
6	Cải tạo, sửa chữa Trường THCS Nguyễn Thành Nam, Trường Mẫu giáo Bình Trinh Đông	Ban QLDA DXD huyện Tân Trụ	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	6193/QĐ-UBND, 29/11/2024	750	750,00	2024		680,000	2.025	Đã tất toán
7	Nhà vòm, bê tông sân đường Trường Mẫu giáo Bình Tịnh	Ban QLDA DXD huyện Tân Trụ	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	6192/QĐ-UBND, 29/11/2024	1.576	1.576,00	2024		1.380,000	2.025	
8	Sữa chữa Trường Mẫu giáo An Nhựt Tân	Ban QLDA DXD huyện Tân Trụ	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	6194/QĐ-UBND, 29/11/2024	2.200	2.200,00	2024		1.900,000	2.025	
9	Mẫu giáo Lạc Tấn	Ban QLDA DXD huyện Tân Trụ	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	6159/QĐ-UBND, 28/11/2024	14.380	14.380,00	2024		6.000,000	2025-2026	
10	Nâng cấp, mở rộng đường Hà Văn Sáu	Ban QLDA DXD huyện Tân Trụ	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	2133/QĐ-UBND ngày 23/5/2025	42.477	42.477,00	2024		10.000	2024-2026	
11	Cải tạo, sửa chữa Trường Mầm non thị trấn Tân Trụ	Ban QLDA DXD huyện Tân Trụ	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	6195/QĐ-UBND, 29/11/2024	2.752	2.752,00	2024		2.420	2.025	
12	Trường Mầm non Tân Phước Tây	Ban QLDA DXD huyện Tân Trụ	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	101/QĐ-UBND, 01/4/2025	13.200	13.200,00	2025		4.625	2025-2026	
13	Trường Tiểu học Tân Phước Tây	Ban QLDA DXD huyện Tân Trụ	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	1012/QĐ-UBND, 01/4/2025	7.100	7.100,00	2025		4.000	2025 - 2026	
14	Trường Tiểu học Võ Văn Múi	Ban QLDA DXD huyện Tân Trụ	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	1013/QĐ-UBND, 01/4/2025	13.000	13.000,00	2025		6.300	2025 - 2026	
15	Cải tạo, sửa chữa Trường THCS Nhựt Tân	Ban QLDA DXD huyện Tân Trụ	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	997/QĐ-UBND, 31/3/2025	2.800	2.800,00	2025		2.240	2.025	
16	Cải tạo, sửa chữa Trường Mầm non Nhựt Ninh	Ban QLDA DXD huyện Tân Trụ	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	6196/QĐ-UBND, 29/11/2024	700	700,00	2024		670	2.025	Đã tất toán
17	Cải tạo, sửa chữa Trường TH Nhựt Ninh	Ban QLDA DXD huyện Tân Trụ	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	6198/QĐ-UBND, 29/11/2024	2.480	2.480,00	2024		2.180	2.025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
18	Xây dựng Cổng, hàng rào trường TH và THCS Nguyễn Văn Đậu, trường THCS Nguyễn Thành Nam, trường TH Huỳnh Văn Đành, trường TH Nhựt Tảo (điểm Châu Văn Mừng), trường TH Bình Trinh Đông, trường TH Quê Mỹ Thạnh	Ban QLDA DXD huyện Tân Trụ	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	1014/QĐ-UBND, 01/4/2025	4.700	4.700,00	2025		4.150	2.025	
19	Di dời đường dây trung, hạ áp nhánh rẽ Tân Phước Tây, nhánh rẽ Rạch Cá phục vụ thi công công trình Đường Bắn Cao	Ban QLDA DXD huyện Tân Trụ	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	6223/QĐ-UBND, 03/12/2024	1.240	1.240,00	2024		965	2.025	Đã tất toán
20	Di dời đường dây trung, hạ áp phục vụ thi công các công trình giao thông và dân dụng	Ban QLDA DXD huyện Tân Trụ	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	6224/QĐ-UBND, 03/12/2024	490	490,00	2024		385	2.025	Đã tất toán
21	Hệ thống chiếu sáng và đèn led trang trí đường Nguyễn Văn Mỹ (từ ĐT833 đến đường Cao Thị Mai)	Ban QLDA DXD huyện Tân Trụ	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	6226/QĐ-UBND, 03/12/2024	3.590	3.590,00	2024		3.200	2.025	
22	Hệ thống chiếu sáng đê bao sông Vàm Cỏ Tây đoạn Cống Bần đến đường Thanh Phong	Ban QLDA DXD huyện Tân Trụ	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	6227/QĐ-UBND, 03/12/2024	1.850	1.850,00	2024		1.600	2.025	
23	Lắp đặt Trụ đèn cao áp	Ban QLDA DXD huyện Tân Trụ	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	6228/QĐ-UBND, 03/12/2024	2.500	2.500,00	2024		2.200	2.025	
24	Sửa chữa mặt cầu Tân Trụ, xây mới hệ thống thoát nước đường Hương lộ 25	Ban QLDA DXD huyện Tân Trụ	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	1016/QĐ-UBND, 01/4/2025	3.450	3.450,00	2025		2.400	2025 - 2026	
25	Cầu Liên xã	Ban QLDA DXD huyện Tân Trụ	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	1018/QĐ-UBND, 01/4/2025	5.200	5.200,00	2025		3.600	2025 - 2026	
26	Cầu Bà Tổng	Ban QLDA DXD huyện Tân Trụ	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	1017/QĐ-UBND, 01/4/2025	3.550	3.550,00	2025		2.400	2025 - 2026	
27	Cầu Lớn	Ban QLDA DXD huyện Tân Trụ	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	1019/QĐ-UBND, 01/4/2025	3.480	3.480,00	2025		2.400	2025 - 2026	
28	Di dời đường dây trung hạ thế phục vụ thi công nâng cấp, mở rộng đường Hà Văn Sáu	Ban QLDA DXD huyện Tân Trụ	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	1015/QĐ-UBND, 01/4/2025	570	570,00	2025		500	2.025	Đã tất toán
29	Màn hình led Trung tâm Văn hóa Thể thao và Học tập cộng đồng các xã, thị trấn	Ban QLDA DXD huyện Tân Trụ	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	6679/QĐ-UBND, 31/12/2024	950	950,00	2024		870	2.025	Đã tất toán
30	Xây mới Nhà vệ sinh Khu di tích lịch sử Vàm Nhựt Tảo.	Ban QLDA DXD huyện Tân Trụ	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	1022/QĐ-UBND, 01/4/2025	1.230	1.230,00	2025		1.100	2.025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
31	Cải tạo, sửa chữa nhà bia tưởng niệm liệt sĩ xã Tân Phước Tây và xã Nhựt Ninh; Bia truyền thống Khu di tích Đám lá tối trời	Ban QLDA DXD huyện Tân Trụ	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	182/QĐ-UBND, 20/01/2025	1.250	1.250,00	2025		30	2.025	Đã tất toán
32	Sửa chữa Khu di tích lịch sử Vàm Nhựt Tảo	Ban QLDA DXD huyện Tân Trụ	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	6246/QĐ-UBND, 03/12/2024	550	550,00	2024		500	2.025	Đã tất toán
33	Xây dựng Trạm truyền thanh vùng lõm các xã	Ban QLDA DXD huyện Tân Trụ	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	6249/QĐ-UBND, 03/12/2024	990	990,00	2024		900	2.025	Đã tất toán
34	Lắp đặt đoạn cống thoát nước và nâng cấp cửa van ngăn triều một số cống thủy lợi trên tuyến đê bao sông Vàm Cỏ Tây	Ban QLDA DXD huyện Tân Trụ	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	1021/QĐ-UBND, 01/4/2025	700	700,00	2025		630	2.025	Đã tất toán
35	Giếng khoan phục vụ tưới sân bóng đá	Ban QLDA DXD huyện Tân Trụ	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	1023/QĐ-UBND, 01/4/2025	1.000	1.000,00	2025		900	2.025	Đã tất toán
36	Cung cấp, lắp đặt dụng cụ thể thao ngoài trời các xã	Ban QLDA DXD huyện Tân Trụ	Ban QLDA ĐTXD KV BẾN LỨC	5540/QĐ-UBND, 18/9/2024	850	850	2024		40	2.024	Đã tất toán
IV	**Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC**				**2.292.726**	**2.115.662**		**863.874**	**433.136,862**		
1	**Nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung**				**460.291**	**450.030**		**142.778**	**26.836,547**		
1.1	**Huyện Cần Giuộc**				**82.823**	**82.823**		**3.750**	**23.974,000**		
1	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc Đội Cảnh sát PCCC và CNCH thuộc Công an huyện Cần Giuộc	Ban QLDA DXD huyện Cần Giuộc	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	6912/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	2.000	2.000	2025	500	1.000,000	2025	
2	Cổng, hàng rào và sân đường Ban Chỉ huy Quân sự huyện	Ban QLDA DXD huyện Cần Giuộc	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	6975/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	7.500	7.500	2025	100	64,000	2025	
3	Cải tạo, sửa chữa các cơ quan huyện và các xã giai đoạn 3	Ban QLDA DXD huyện Cần Giuộc	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	6224/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	6.000	6.000	2025	150	218,000	2025	
4	Trường TH Long Hậu	Ban QLDA DXD huyện Cần Giuộc	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	7378/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	30.803	30.803	2025	3.000	6.923,000	2025	
5	ĐT 826C, xã Phước Lại (đoạn từ ngã ba đường Bà Kiểu đến cầu Rạch Ván)	Ban QLDA DXD huyện Cần Giuộc	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	Quyết định số 1207/QĐ-UBND ngày 23/3/2023	36.520	36.520	2024		15.769,000	2027	
1.2	**Huyện Cần Đước**				**377.468**	**367.207**		**139.028**	**2.862,547**		
1	Đường liên xã Tân Ân – Phước Tuy	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	5141/QĐ-UBND, ngày 26/7/2023	320.000	320.000,00	2023	103.634,00	1.355,000	28/11/2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
2	Sữa chữa đường huyện 17	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	2194/QĐ-UBND, ngày 13/5/2022	13.600	12.504,00	2022	10.908,00	163,941		Đã PDQT
3	Nhà VH ấp Mỹ Điền Hựu Lộc	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	8348/QĐ-UBND, ngày 03/12/2000	1.500	875,00	2021	641,00	39,188		Đã PDQT
4	Công viên VH huyện (Thu hồi đất)	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	3153/QĐ-UBND, 27/12/2017	505	444,00		433,00	11,098		Đã PDQT
5	Cải tạo, SC các phòng trụ sở UBND huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	2686/QĐ-UBND, ngày 31/10/2017	2.167	1.445,00		1.355,00	91,088	10/12/2021	Đã PDQT
6	Đường GTNT Kênh 3 Hiệp 3 Lâm	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	2634/QĐ-UBND, 31/10/2017	2.127	1.776,00		1.653,00	122,268		Đã PDQT
7	Đường vào trường THCS Tân Ân	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	5730-QĐ-UBND, ngày 23/8/2022	5.000	3.315,00	2023	2.954,70	360,305	27/6/2025	Đã PDQT
8	Sữa chữa chợ Cần Đước và hệ thống cấp thoát nước khu dân cư trung tâm Thị Trấn Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	1845/QĐ UBND, ngày 15/8/2019	13.219	11.390,00	2019	10.708,00	542,129	25/12/2020	Đã PDQT
9	Trường TH tân trạch	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	8071/QĐ-UBND, ngày 20/10/2023	7.758	4.011,00		2.589,00	53,838	18/11/2024	
10	Trang trí trục quan tết năm 2025	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	15559/QĐ-UBND, ngày 29/11/2024	1.700	1.555,00	2025	450,00	25,532	2025	Đã PDQT
11	Trường MG Long Hựu Đông	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	8361/QĐ-UBND, ngày 25/10/2023	9.892	9.891,90	2024	3.702,00	98,161	2024	Đã PDQT
2	**Nguồn vốn tiền sử dụng đất**				**1.832.435**	**1.665.633**		**721.096**	**406.300,314**		
2.1	**Huyện Cần Giuộc**				**690.957**	**690.958**		**223.667**	**175.091**		
b	**Phân bổ vốn cho dự án**				**690.957**	**690.958**		**223.667**	**175.091,278**		
1	Quảng trường sông Cần Giuộc	Ban QLDA DXD huyện Cần Giuộc	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	7052/QĐ-UBND, ngày 22/11/2022	64.750	64.750,00	2022	21.590,95	21.006,000	2025	
2	Đường Mai Văn Ê (từ đường huyện 19 đến đường Kênh Xáng A)	Ban QLDA DXD huyện Cần Giuộc	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 06/3/2023	14.950	14.950	2024	10.697,00	3.104,000	2025	
3	Đường kênh Xáng A (đoạn từ HL20 đến đường kênh 6 mét)	Ban QLDA DXD huyện Cần Giuộc	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	Quyết định số 4643/QĐ-UBND ngày 13/9/2023	25.000	25.000	2024	11.719,50	6.377,000	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
4	ĐT.835B (đoạn qua địa bàn xã Long Thượng)	Ban QLDA DXD huyện Cần Giuộc	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	5506/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	52.000	52.000	2023	43.100	2.126,282	2025	
5	ĐT.835B (đoạn qua địa bàn xã Phước Lý)	Ban QLDA DXD huyện Cần Giuộc	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	5505/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	57.300	57.300	2023	38.856	9.831,000	2025	
6	ĐT.826 (đoạn từ rạch Cầu Tràm đến ranh TP.HCM)	Ban QLDA DXD huyện Cần Giuộc	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	6285/QĐ-UBND ngày 10/10/2022	41.000	41.000	2023	27.292	7.750,000	2025	
7	Đường Bà Kiểu - Huỳnh Thị Thinh (đoạn từ ĐT.826C đến ĐT.826D)	Ban QLDA DXD huyện Cần Giuộc	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	6245/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	30.902	30.902	2023	9.392	8.119,527	2025	
8	Cải tạo hệ thống thoát nước từ Cống Ba Nhơn ra sông Cần Giuộc (từ QL 50 đến giáp ranh khu công nghiệp Đặng Huỳnh)	Ban QLDA DXD huyện Cần Giuộc	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	6429/QĐ-UBND ngày 21/11/2024	10.000	10.000	2024	1.000	6.674,000	2025	
9	ĐT.826C, xã Long Hậu (đoạn còn lại)	Ban QLDA DXD huyện Cần Giuộc	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	1222/QĐ-UBND ngày 08/3/2024	34.209	34.209	2024	10.000	10.558,000	2025	
10	Đường Trường Long (đoạn từ cống Mồng Gà đến ngã tư giao đường Nguyễn An Ninh và đường Trương Văn Bang)	Ban QLDA DXD huyện Cần Giuộc	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	6906/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	64.000	64.000	2024	15.500	28.259,938	2025	
11	Đường Bảo Hòa	Ban QLDA DXD huyện Cần Giuộc	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	3350/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	11.995	11.995	2025	6.450	345,563		
12	Cải tạo, sửa chữa cầu Rạch Dừa	Ban QLDA DXD huyện Cần Giuộc	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	6430/QĐ-UBND ngày 21/11/2024	1.434	1.434	2024	700	938,523	2025	
13	Cải tạo, sửa chữa cầu Ông Chuồng	Ban QLDA DXD huyện Cần Giuộc	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	6976/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	1.000	1.000	2024	700	667,954	2025	
14	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc Đội Cảnh sát PCCC và CNCH thuộc Công an huyện Cần Giuộc	Ban QLDA DXD huyện Cần Giuộc	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	6912/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	2.000	2.000	2024		185,249	2025	
15	Trường TH Long An	Ban QLDA DXD huyện Cần Giuộc	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	5705/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	6.699	6.699	2024	4.000,00	1.226,762	2025	
16	Trường TH Tân Tập	Ban QLDA DXD huyện Cần Giuộc	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	5706/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	14.992,577	14.992,577	2024	3.500,00	5.370,000	2025	
17	Trường TH Tân Kim	Ban QLDA DXD huyện Cần Giuộc	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	6228/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	14.990	14.990	2024	0,00	5.734,000	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
18	Trường THCS Nguyễn An Ninh	Ban QLDA DXD huyện Cần Giuộc	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	5626/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	9.500	9.500	2024	1.500,00	4.292,000	2025	
19	Trường TH Đông Thạnh	Ban QLDA DXD huyện Cần Giuộc	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	6358/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	18.936	18.936	2024	6.500,00	5.906,752	2025	
20	Trường TH Rạch Núi	Ban QLDA DXD huyện Cần Giuộc	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	6116/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	14.990	14.990	2024	0,00	8.106,000	2025	
21	Trường TH Lộc Tiền	Ban QLDA DXD huyện Cần Giuộc	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	5625/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	9.599,519	9.599,519	2024	4.299,69	1.466,299	2025	
22	Trường THCS Long Hậu	Ban QLDA DXD huyện Cần Giuộc	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	5707/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	8.000	8.001	2024	3.500,00	2.070,619	2025	
23	Trường TH Thuận Thành	Ban QLDA DXD huyện Cần Giuộc	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	5629/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	13.500	13.500	2025		2.214,300		
24	Mở rộng Trường THCS và THPT Nguyễn Thị Một	Ban QLDA DXD huyện Cần Giuộc	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	6232/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	18.100	18.100	2023		170,113		
25	Trường THCS Nguyễn Thị Bảy	Ban QLDA DXD huyện Cần Giuộc	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	6925/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	9.500	9.500	2025		5.411,000	2026	
26	Trường Mẫu giáo Hướng Dương	Ban QLDA DXD huyện Cần Giuộc	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	6973/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	14.990	14.990	2025		11.503,000	2026	
28	Đầu tư hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin	Trung tâm VHTT và TT	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	6502/QĐ-UBND ngày 26/10/2022	4.017	4.017	2023	3.270,00	134,000	2025	
29	San lấp mặt bằng nhà thi đấu đa năng	Ban QLDA DXD huyện Cần Giuộc	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	6886/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	14.950	14.950	2025	100,00	11.944,733	2025	
30	Giải phóng mặt bằng xây dựng doanh trại Ban Chỉ huy Quân sự huyện	Ban QLDA DXD huyện Cần Giuộc	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	7120/QĐ-UBND ngày 24/11/2022	69.133	69.133	2023		330,664		
31	ĐT 826C, xã Phước Lại (đoạn từ ngã ba đường Bà Kiểu đến cầu Rạch Ván)	Ban QLDA DXD huyện Cần Giuộc	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	Quyết định số 1207/QĐ-UBND ngày 23/3/2023	36.520	36.520	2024		1.550,000		
33	Cải tạo sửa chữa các khu Di tích lịch sử trên địa bàn huyện giai đoạn 3	Ban QLDA DXD huyện Cần Giuộc	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	7394/QĐ-UBND ngày 27/12/2024	2.000	2.000	2025		1.718,000	2025	
2.2	**Huyện Cần Đước**				**1.141.478,02**	**974.674,81**		**497.429,07**	**231.209,04**		

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
1	Sữa chữa đường huyện 17	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	2194/QĐ-UBND, ngày 13/5/2022	13.600	12.504,00	2022	10.908,00	1.151	2024	Đã PDQT
2	Mở rộng Trung tâm hành chính và Trụ sở các phòng ban của huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	9250/QĐ-UBND, ngày 31/12/2020	104.863	104.863,27	2021	89.461,00	4.918	2.024	
3	Sân vận động huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	4203/QĐ-UBND, ngày 27/6/2022	81.950	81.950,06	2022	59.192,00	18.518	2.024	
4	Đường liên xã Tân Trạch – Phước Tuy (giải phóng mặt bằng)	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	4050/QĐ-UBND, ngày 03/4/2024	50.000	50.000,00	2024	28.251,00	13.468	2.024	
5	Mở rộng Ban Chỉ huy Quân sự tại xã Phước Vân	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	9046/QĐ-UBND, ngày 25/12/2020	16.056	16.055,59	2021	13.628,00	1.099	2.024	
6	Tượng Đài chiến Thắng tại di tích lịch sử Rạch Kiến	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	12/NQ-HĐND, ngày 29/10/2024	44.000	44.000,00		400,00	11.646,770	2024-2026	
7	Nâng cấp, cải tạo ĐT 826 đoạn từ Cầu Rạch Tràm đến cổng khu công nghiệp Cầu Tràm, huyện Cần Đước (giải phóng mặt bằng)	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	9943/QĐ-UBND, ngày 30/7/2024	38.000	38.000,00	2024	25.321,00	13.569,0	2.025	
8	Trường Tiểu học Long Định	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	6935/QĐ-UBND, ngày 20/9/2023	14.435	14.435,20		9.949,67	1.052,0	2.025	Chờ GN vốn lúa nước
9	Đường liên xã Tân Ân – Phước Tuy	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	5141/QĐ-UBND, ngày 26/7/2023	320.000	320.000,00	2023	103.634,00	68.318,212	2.025	
10	Mở rộng mặt đường, vỉa hè, thoát nước đường cặp sân vận động	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	652/QĐ-UBND, ngày 07/02/2023	12.000	12.000,00	2023	9.568,00	643,224	2024	Đã PDQT
11	Đường 19/5 Đường 19/5 (đoạn từ QL50 đến Km1+880)	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	849/QĐ-UBND, ngày15/01/2024	14.980	13.572,00	2024	4.420,00	6.310,330	2025	Đã PDQT
12	Đường 19/5 (đoạn từ Km1+880 đến Đê bao Rạch Cát)	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	832/QĐ-UBND, ngày 15/01/2024	14.950	14.183,00	2024	3.700,00	8.816,618	2025	Đã PDQT
13	Đường liên xã Tân Ân - Tân Chánh (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	850/QĐ-UBND, ngày 15/01/2024	14.950	11.424,00	2024	2.849,00	4.720,000	28/02/2025	Đã PDQT
14	Đường liên ấp 1, 3, 4 (Đoạn từ Đường huyện 21 đến ranh ấp 3-4)	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	848/QĐ-UBND, ngày 15/01/2024	13.000	7.012,00	2024	6.130,00	593,000	26/6/2025	Đã PDQT

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
15	Đường liên ấp 1, 3, 4 (Đoạn từ ranh ấp 3-4 đến Đường Bờ Mối)	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	833/QĐ-UBND, 15/01/2024	11.000	7.935,00		4.715,00	500,000	6/3/2025	Đã PDQT
16	Đường Cầu Tam Bình	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	1711/QĐ-UBND, ngày 31/01/2024	14.123	8.296,00	2024	6.371,00	3.457,095	26/04/2025	Hoàn thành
17	Cầu lộ mới Đông Nhi	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	1473/QĐ-UBND, ngày 24/01/2024	8.200	7.433,00	2024		3.057	03/01/2025	Đã PDQT
18	Cầu Đông Nhất 2 xã Tân Chánh	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	1474/QĐ-UBND, ngày 24/01/2024	9.500	8.128,00	2024	4.300,00	3.828,897	2025	Đã PDQT
19	Đường ấp 4 Xóm Mương Phước Đông	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	7629/QĐ-UBND, ngày 04/6/2024	14.950	8.464,00		3.600,00	4.864	30/7/2025	
20	Mở rộng bê tông tuyến đường kết nối đường liên ấp 1-4 đến Khu công nghiệp Thuận Đạo	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	10544/QĐ-UBND, ngày 31/7/2024	5.500	3.232,00		1.392,00	536,900	04/04/2025	Hoàn thành
21	Trường TH Long Định	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	9363/QĐ-UBND, ngày 21/11/2023	60.001		2024	0,00	1.463	2024-2026	Vốn tỉnh bố trí: 9230 tr.đ
22	Trường TH Long Hựu Đông 2	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	8070/QĐ-UBND, ngày 20/10/2023	20.875	3.711,00	2024	0,00	1.711,440	2025	
23	Trường Tiểu học Tân Trạch	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	8071/QĐ-UBND, ngày 20/10/2023	7.759	6.779,00	2024	1.609,00	3.531,831		
24	Trường Tiểu học Tân Chánh	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	8362/QĐ-UBND, ngày 25/10/2023	3.515	2.528,00	2024	1503,4	621,420	10/09/2024	
25	Trường Tiểu học Phước Đông	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	8925/QĐ-UBND, ngày 09/11/2023	21.691	16.815,00	2024	1.500,00	12.940,550	2025	
26	Trường MG Long Hựu Đông	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	8361/QĐ-UBND, ngày 25/10/2023	9.892	9.891,90	2024	3.702,00	4.440,776	21/12/2024	Đã PDQT
27	Trường Mẫu Giáo Phước Vân	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	8926/QĐ-UBND, ngày 09/11/2023	12.939	7.494,00	2024	4.745,40	6.017,256	26/03/2025	Đã PDQT
28	Trường TH Long Hựu Tây (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	3050/QĐ-UBND, ngày 17/5/2023	4.044	3.587,00	2023	3.126,00	461,446	2024	Đã PDQT

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
29	Trường Mẫu giáo Long Hựu Tây	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	1236/QĐ-UBND, 07/3/2023	14.817	14.810,49	2023	11.804,00	754,053	05/11/2024	Đã PDQT
30	Sửa chữa, cải tạo các trường học năm 2024	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	1646/QĐ-UBND, ngày 29/01/2024	10.318	10.318,00	2024	6.263,00	2.772,744	2025	Đã PDQT
31	Trường Tiểu học Tân Lân	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	10204/QĐ-UBND, ngày 12/12/2023	1.139	1.139,41	2024	1.042,00	84,945	2024	Đã PDQT
32	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm VHTT xã Tân Trạch thành nhà một cửa, công an xã và các hạng mục phụ	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	4966/QĐ-UBND, ngày 20/7/2023	6.400	6.400,03	2023	4.186,00	1.213,488	24/03/2024	Đã PDQT
33	Trùng tu tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa năm 2023	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	4507/QĐ-UBND, ngày 05/7/2023	4.998	4.998,00	2023	3.427,00	878,000	2025	Đã PDQT
34	Trung tâm VHTT xã Long Hựu Đông	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	9355/QĐ-UBND, ngày 21/11/2023	8.296	4.796,00	2024	500,00	3.518,489	19/11/2024	Đã PDQT
35	Tuyến ống cấp nước xã Phước Tuy	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	8437/QĐ-UBND, ngày 02/12/2022	14.900	14.900,00	2023	8.940,00	64,266	2025	Đã PDQT
36	Trụ sở làm việc Công an xã Long Hòa	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	2869/QĐ-UBND, ngày 10/5/2023	6.500	6.500,00		5.928,00	320,347	11/7/2024	Đã PDQT
37	Trụ sở làm việc Ban Chỉ huy Quân sự xã Long Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	4303/QĐ-UBND, ngày 27/6/2023	5.500	5.094,00		4.725,00	369,000	2024	Đã PDQT
38	Trụ sở làm việc Ban Chỉ huy Quân sự xã Long Hòa	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	3844/QĐ-UBND, ngày 09/6/2023	4.562	4.562,22		3.937,00	194,193	08/6/2024	Đã PDQT
39	Trụ sở làm việc Ban Chỉ huy Quân sự xã Tân Ân	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	3443/QĐ-UBND, 29/5/2023	4.327	3.140,00		4.020,00	208,925		
40	Trụ sở làm việc Công an xã Long Định	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	10104/QĐ-UBND, ngày 08/12/2023	7.300	7.300,00	2024	2.100,00	2.000,000	19/11/2024	Đã PDQT
41	Trụ sở làm việc Ban Chỉ huy Quân sự xã Long Hựu Tây	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	7013/QĐ-UBND, ngày 23/5/2024	4.500	216,00	2024	184,00	86,800		Không thực hiện
42	Mở rộng trung tâm hành chính và trụ sở làm việc các phòng ban huyện (San nền giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	2517/QĐ-UBND, ngày 29/4/2022	14.900	13.054,00	2022	12.490,00	564,000	15/11/2024	Đã PDQT

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
43	Mở rộng trung tâm hành chính và trụ sở làm việc các phòng ban huyện (San nền phần còn lại)	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	5990/QĐ-UBND, ngày 31/8/2022	14.900	12.436,00	2022	7.402,00	5.033,763	28/3/2025	Đã PDQT
44	Sửa chữa Trung tâm chính trị cũ làm Ban chỉ huy quân sự huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	11767/QĐ-UBND, ngày 16/8/2024	4.485	4.485,00	2024	700,00	1.911,683	02/02/2025	Đã PDQT
45	Mua sắm thiết bị trung tâm hành chính công huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	13334/QĐ-UBND, ngày 01/10/2024	1.700	1.700,00	2024	458,00	426,672	2025	Đã PDQT
46	Nâng cấp, sửa chữa điện lực cũ thành trụ sở làm việc thị đội	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	10476/QĐ-UBND, ngày 31/7/2024	1.411	1.411,43	2024	700,00	518,570	2025	Đã PDQT
47	Sửa chữa Trụ sở Trung tâm VHTT và Truyền thanh làm Trung tâm chính trị huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	8531/QĐ-UBND, ngày 30/10/2023	2.300	2.300,00	2024	1.888,00	93,000	14/12/2024	Đã PDQT
48	Trụ sở UBND xã Phước Tuy	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	9376/QĐ-UBND, ngày 21/11/2023	5.000	2.276,00	2024	2.500,00	2.149,860	2024	Đã PDQT
49	Trụ sở UBND xã Tân Lân	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	8442/QĐ-UBND, ngày 02/12/2022	3.300	379,00	2024	2.500,00	289,446	30/03/2025	Đã PDQT
50	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm hành chính công	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	4591/QĐ-UBND, ngày 16/4/2024	5.500	5.500,00	2024	1.000,00	2.000,000	2025	Đã PDQT
51	San nền khu đất công ấp Phước Vĩnh xã Long Trạch	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	2708/QĐ-UBND, ngày 06/3/2024	5.000	5.000,00	2024	4.000,00	660,747	2025	Đã PDQT
52	Trang trí trục quan tết năm 2024 (Trang trí tiểu cảnh trước bộ chữ công viên Cần Đước và trang trí công viên văn hóa)	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	1471/QĐ-UBND, ngày 24/01/2024	987	951,00	2024	825,00	125,904	2024	Đã PDQT
53	Trang trí trục quan tết năm 2024 (Trang trí cổng cổng Cầu Chùa và dây văn đèn Led)	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	1472/QĐ-UBND, ngày 24/01/2024	1.098	1.048,00	2024	733,00	315,149	2024	Đã PDQT
54	Trang trí trục quan tết năm 2024 (Trang trí công viên Long Hòa và cải tạo cổng Rạch Kiến)	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	1470/QĐ-UBND, ngày 24/01/2024	975	940,00	2024	650,00	290,055	2024	Đã PDQT
55	Trang trí trục quan tết năm 2024 (Trang trí công viên Cần Đước)	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	1469/QĐ-UBND, ngày 24/01/2024	996	957,00	2024	665,00	291,954	2024	Đã PDQT
56	Trang trí trục quan tết năm 2024 (Sửa chữa đèn trang trí trên địa bàn huyện)	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	1475/QĐ-UBND, ngày 24/01/2024	976	975,63	2024	651,00	291,330	2025	Đã PDQT

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
57	Trang trí trực quan tết năm 2024 (Cải tạo 05 cổng chào trên địa bàn huyện + màn hình Led UBND huyện)	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	1468/QĐ-UBND, ngày 24/01/2024	963	962,57	2024	642,00	266,888	2025	Đã PDQT
58	Trang trí trực quan tết năm 2025	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	1468/QĐ-UBND, ngày 24/01/2024	1.700	1.555,00	2024		1.080,000	2025	Đã PDQT
59	Trường THCS Tân Lân	Ban QLDA ĐTXD huyện Cần Đước	Ban QLDA ĐTXD KV CẦN GIUỘC	15404/QĐ-UBND, ngày 21/11/2024	24.957	277,00	2024	97,00	180,000	2027	
V	**Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA**				**5.239.100**	**5.176.588**		**4.020.972**	**461.624,000**		
1	**Nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung**				**244.654**	**204.951,21**		**86.411,30**	**60.590,000**		
1.1	**HUYỆN ĐỨC HÒA**				**143.702**	**142.499,18**		**33.448,30**	**35.939,000**		
1	Trường THCS Thi Văn Tám	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Hòa	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	14079/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	14.550	14.480,00	2023	10.750,00	659,000	45.816	
2	Trường THCS Tân Đức	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Hòa	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	16548/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	14.980	14.900,00	2024	12.400,00	492,000	16/5/2025	Đã quyết toán vốn
3	Trường THCS Mỹ Hạnh (gđ 2)	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Hòa	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	21185/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	69.589	69.500,00	2025		26.206,300	06/12/2026	Đang thi công
4	Sửa chữa, chỉnh trang Trung tâm chính trị huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Hòa	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	10430/QĐ-UBND ngày 31/05/2024	11.474	11.400,00	2024	984,30	318,900	2.025	Tạm ngưng
5	Thao trường huấn luyện BCH Quân sự huyện Đức Hòa (gđ 3);	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Hòa	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	10429/QĐ-UBND ngày 31/05/2024	19.000	18.500,00	2024	4.414,00	968,800	31/12/2025	Bổ sung vốn
6	Trụ sở làm việc Công an xã Hựu Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Hòa	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	37/QĐ-UBND ngày 26/06/2025	8.719	8.719,18	2024	2.400,00	5.294,000	2.025	
7	Các nút giao đường giao thông	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Hòa	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	10431/QĐ-UBND ngày 12/6/2024	5.390	5.000,00	2024	2.500,00	2.000,000	30/6/2025	
1.2	**HUYỆN ĐỨC HUỆ**				**100.952**	**62.452**		**52.963**	**24.651,000**		
1	Trường THCS Mỹ Thạnh Tây	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	3714/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	6.400	2.000	2023	5.220	295,000	2024	Đã quyết toán vốn
2	Trường TH Mỹ Quý Tây	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	3710/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	3.490	1.020	2023	2.490	260,000	2024	Đã quyết toán vốn
3	Trường THCS TT Đông Thành	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	3711/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	8.850	2.200	2023	6.190	1.350,000	2025	Đã quyết toán vốn

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
4	Trường TH Mỹ Thạnh Tây	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	3708/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	6.307	1.500	2023	4.930	900,000	2025	Đã quyết toán vốn
5	Trường TH Lê Văn Rí	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	3709/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	4.970	1.500	2023	4.370	600,000	2024	Đã quyết toán vốn
6	Trường MN Bình Thành	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	3965/QĐ-UBND 28/11/2023	6.041	1.756	2024	1.220	1.756,000	2025	
7	Trường TH Mỹ Quý Đông	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	3966/QĐ-UBND 28/11/2023	1.988	938	2024	1.000	938,000	2025	Đã quyết toán vốn
8	Trường THCS Bình Hòa	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	3969/QĐ-UBND 28/11/2023	7.145	1.194	2024	1.955	1.194,000	2025	
9	Xây dựng nhà đa năng, nhà xe và nhà vệ sinh trường THCS Mỹ Thạnh Đông	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	3468/QĐ-UBND ngày 25/9/2024	3.603	3.603	2024	700	1.245,000	2025	
10	Sân đường trường THCS Bình Thành	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	4849/QĐ-UBND ngày 17/12/2024	950	950	2024	50	862,000	2025	
11	Xây dựng Trung tâm huấn luyện dự bị động viên	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	4520/QĐ-UBND ngày 19/12/2022	10.811	10.811	2023	7.490	1.350,000	2024	
12	Mua sắm trang thiết bị cho Đại đội bộ binh huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	4521/QĐ-UBND ngày 19/12/2022	3.200	3.200	2024	700	1.500,000	2025	
13	Xây dựng bãi huấn luyện vật cản K16 ở Đại đội bộ binh huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	4465/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	398	398	2024	200	150,000	2025	
14	Sửa chữa hàng rào Đại đội bộ binh huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	4466/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	1.627	1.627	2024	300	1.238,000	2025	
15	Nghĩa trang liệt sĩ huyện Đức Huệ (Hạng mục: Nâng cấp mộ bia)	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	4527/QĐ-UBND ngày 19/12/2022	8.061	8.061	2023	5.208	1.500,000	2025	
16	Nhà văn hóa khu phố 2	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	4456/QĐ-UBND 28/12/2023	2.270	2.270	2024	700	1.396,000	2024	
17	Sửa chữa nhà văn hóa các ấp	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	2881/QĐ-UBND 08/8/2024	2.873	2.873	2024	500	1.500,000	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
18	Nâng cấp hệ thống Truyền thanh huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	4552/QĐ-UBND ngày 19/12/2022	10.852	10.852	2023	5.290	2.000,000	2025	
19	Nâng cấp, sửa chữa các trạm cấp nước trên địa bàn xã Mỹ Thạnh Bắc	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	3237/QĐ-UBND ngày 30/8/2024	2.820	2.820	2024	550	1.738,000	2025	
20	Sửa chữa Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Truyền thanh huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	4602/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	3.288	1.700	2024	400	1.700,000	2025	
21	Trung tâm VH - TT xã Bình Thành	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	3973/QĐ-UBND, 28/11/2023	5.008	1.179	2024	3.500	1.179,000	2024	
2	**Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất**				**4.994.446**	**4.971.637**		**3.934.561**	**401.034,000**		
2.1	**HUYỆN ĐỨC HÒA**				**4.876.411**	**4.854.901**		**3.876.161**	**364.534**		
1	Đường Óc Eo	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Hòa	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	17214QĐUBND, 13/10/2023	46.941	46.500,00	2024	16.650,00	2.110	2025	
2	Đường số 2 (ĐT.825 – đường Bình Lợi)	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Hòa	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	14913/QĐUBND, 01/9/2022	31.045	31.000,00	2024	13.360,00	13.440	2025	
3	Đường vào Trường THPT Hậu Nghĩa (ĐT 825 đến đường 3/2 nối dài)	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Hòa	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	17215/QĐ-UBND ngày 04/12/2023	14.813	14.600,00	2024	6.720,00	7.630	31/12/2025	
4	Đường ấp Chánh	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Hòa	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	16018/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	54.300	54.100,00	2022	27.477,70	11.384	30/4/2025	Đã quyết toán vốn
5	Trường THCS Đức Hòa Thượng	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Hòa	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	6315/QĐ-UBND ngày 17/5/2023	14.990	14.760,00	2023	12.561,20	1.790	2.025	Đã quyết toán vốn
6	Trường TH&THCS Lê Minh Xuân	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Hòa	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	16551/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	14.990	14.800,00	2024	14.800,00	171	2.025	Đã quyết toán vốn
7	Đường Nguyễn Văn Dương (đoạn từ ĐT 825 công viên VVT-Kênh Mù u)	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Hòa	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	7020/QĐ-UBND ngày 10/4/2025	90.000	88.000,00	2025		34.500	2.027	
8	Đường Lập Thành	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Hòa	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	7021/QĐ- UBND, 10/4/2025	40.000	40.000,00	2025		13.000	2027	
9	Đường Đức Hòa Đông - Kênh 6 - Cống Bà Bông	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Hòa	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	7022/QĐ-UBND ngày 10/4/2025	46.001	46.000,00	2025		14.000	2.027	
10	Đường Nguyễn Văn Nguyên	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Hòa	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	7023/QĐ-UBND, 10/04/2025	4.000	4.000,00	2025		3.800	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
11	Đường Liên ấp Hòa Bình 1 - Hòa Bình 2 (đường ĐT 822 đến đường An Thuận (ngã Tư Chiếu))	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Hòa	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	7024/QĐ-UBND ngày 10/4/2025	6.000	6.000,00	2025		5.800	2.025	
12	Đường liên xã Lộc Giang -An Ninh Đông	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Hòa	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	7025/QĐ-UBND ngày 10/4/2025	14.000	14.000,00	2025		13.000	2.026	
13	Trường TH Đức Lập Thượng A	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Hòa	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	20569/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	14.679	14.500,00	2025		3.304	2.026	Đang thi công
14	Trường THCS Mỹ Hạnh (gđ 2)	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Hòa	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	21185/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	69.589	69.500,00	2025		8.348,9	06/12/2026	Đang thi công
15	Sửa chữa trường học, hệ thống PCCC (các điểm trường)	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Hòa	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	7026/QĐ-UBND ngày 10/4/2025	7.000	7.000,00	2025		6.400	2026	chưa thi công
16	Trụ sở Công an xã Đức Lập Hạ	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Hòa	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	16559/QĐ-UBND ngày 04/12/2023	6.306	6.260,00	2024	3.259,00	2.593	2.025	Đã quyết toán vốn
17	Sửa chữa trụ sở, trường học (gđ2)	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Hòa	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	16561/QĐ-UBND ngày 04/12/2023	14.900	14.900,00	2024	13.490,00	1.500	22/10/2024	Đã quyết toán vốn
18	Sửa chữa trụ sở làm việc, trường học (gđ 3)	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Hòa	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	21184/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	14.900	14.900,00	2025		14.400	20/9/2025	Đang thi công
19	Dự án Camera thông minh	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Hòa	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	21185/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	14.500	14.500,00	2025		14.500	2.026	Tạm dừng
20	Cải tạo, sửa chữa nhà truyền thống và Công viên Võ Tấn Đồ	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Hòa	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	6743/QĐ-UBND ngày 20/6/2023	19.606	19.600,00	2024	15.959,00	2.732	31/12/2024	Đã quyết toán vốn
21	GPMB Trường TH & THCS Đức Hòa Đông	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Hòa	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	14956/QĐ-UBND ngày 07/11/2023	60.500	43.000,00	2024	6.994,20	35.900	2.025	
22	Mở rộng Trường THCS Đức Hòa Thượng	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Hòa	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	14952/QĐ-UBND ngày 07/11/2023	25.268	25.268,00	2024	5.000,00	13.100	2.025	
23	Mở rộng Trường TH Nguyễn Văn Dương	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Hòa	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	14954/QĐ-UBND ngày 07/11/2023	9.814	9.814,00	2024	3.873,50	2.260	2.025	
24	GPMB Trường THCS Võ Văn Tần	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Hòa	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	13319/QĐ-UBND ngày 16/8/2024	86.286	86.000,00	2024	32.182,00	49.858	2.025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
25	GPMB Trường TH Đức Hòa Hạ	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Hòa	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	14955/QĐ-UBND ngày 07/11/2023	26.575	26.500,00	2024	21.021,80	1.180	2.025	
26	GPMB Trường MG Nguyễn Văn Phú	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Hòa	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	14951/QĐ-UBND ngày 07/11/2023	29.908	29.900,00	2024	28.484,00	1.240	2.025	
27	GPMB Đường Nguyễn Thị Hạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Hòa	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	8742/QĐ-UBND ngày 03/6/2024	4.540	4.540,00	2025		3.020	2.025	
28	Khu dân cư, thương mại, dịch vụ trên địa bàn huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Hòa	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	18936/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	343.188	343.188,00	2012	250.663,00	35.800	2.025	
29	GPMB Đường Nguyễn Trọng Thể (Đường Trương Thi Giao đến ĐT 823)	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Hòa	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	8739/QĐ-UBND ngày 03/6/2024	2.481	2.481,00	2024	1.409,10	15	2.025	
30	GPMB Nâng cấp mở rộng Đường Đức Hoà Đông (ĐT.824 - ĐT.825)	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Hòa	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	8740/QĐ-UBND ngày 03/6/2024	1.340	1.340,00	2024	870,40	9	2.025	
32	Giải phóng mặt bằng ĐT 823D (trục mở mới Tây Bắc kết nối Long An TP. Hồ Chí Minh)	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Hòa	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	11/NQ-HĐND ngày 30/5/2023	3.744.951	3.744.950,00	2021	3.401.385,80	44.749	2.025	
33	Tuyến ống cấp nước sạch xã Đức Lập Hạ	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	19115/QĐ-UBND, 19/11/2024	3.000	3.000,00	2025		3.000	2.025	
2.2	**HUYỆN ĐỨC HUỆ**				**118.036**	**116.736**		**58.400**	**36.500**		
1	Trụ sở Công an xã Mỹ Thạnh Bắc	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	36/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	7.185	7.185,12	2024	1.000,00	5.715	2025	
2	San lấp mặt bằng Trụ sở Công an xã Mỹ Thạnh Bắc	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	4461/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	1.867	1.867,28	2024	500,00	363	2024	
3	Xây dựng Nhà làm việc Công an 03 xã biên giới MQT, MTT, MB	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	2180/QĐ-UBND ngày 10/7/2023	13.000	13.000,00	2023	10.886,00	696	2024	
4	Trụ sở Công an xã Mỹ Thạnh Đông	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	4459/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	6.232	6.232,23	2024	1.000,00	4.605	2025	
5	Trụ sở Công an xã Bình Hòa Hưng	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	4458/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	3.904	3.903,90	2024	1.500,00	2.430	2025	
6	Xây dựng nhà đa năng trường Tiểu học Bình Hòa Nam	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	5038/QĐ-UBND ngày 26/12/2024	4.757	4.757,19	2025	0,00	2.500	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
7	Nhựa hóa Tuyến số 10	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	4546/QĐ-UBND ngày 19/12/2022	5.084	5.084,12	2023	3.189,39	1.295	2.023	
8	Bê tông Đường cặp kênh Rạch Cối (đoạn còn lại)	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	4561/QĐ-UBND ngày 19/12/2022	7.986	7.986,03	2023	4.871,10	2.245	2.024	
9	Nâng cấp Đường số 10	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	2013/QĐ-UBND ngày 22/6/2023	5.700	5.699,66	2023	4.116,00	823	2.024	
10	Nâng cấp Đường cặp hong Trường mầm non Hoa Sen (Điểm chính)	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	4542/QĐ-UBND ngày 19/12/2022	2.948	2.948,41	2023	1.550,00	635	2.023	
11	Bê tông Đường Út Nhiều - T19	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	4564/QĐ-UBND ngày 19/12/2022	4.826	4.826,38	2023	2.805,00	734	2.024	
12	Xây dựng Cầu Rạch Cối	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	955/QĐ-UBND ngày 16/3/2023	5.000	3.700,49	2023	1.950,00	1.146	2.023	
13	Láng nhựa Đường thủy lợi nối nối dài	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	4558/QĐ-UBND ngày 19/12/2022	4.079	4.079,46	2023	2.872,68	555	2.024	
14	Nâng cấp Đường ấp 3	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	1970/QĐ-UBND ngày 14/6/2023	7.811	7.810,65	2023	3.508,32	3.390	2.025	
15	Láng nhựa đường từ cống bà Trăng - Cống bà 5 Rãi	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	2818/QĐ-UBND ngày 28/7/2022	4.676	4.675,61	2022	4.049,00	155	2.023	
16	Láng nhựa đường số 1	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	4463/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	10.200	10.200,00	2024	1.000,00	3.000	2.025	
17	Đường khu vực nhà Tư Tuội (ĐT_822 đến ĐT_838)	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	4501/QĐ-UBND ngày 18/11/2021	7.095	7.095,10	2021	5.830,00	915	2.025	
18	Bê tông Đường Ba Thắt	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	4833/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	7.194	7.193,65	2022	6.073,00	834	2.023	
19	Hệ thống thoát nước Đường Tho Mo - Voi Đình	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	4545/QĐ-UBND ngày 19/12/2022	5.379	5.379,10	2023	1.700,00	1.608	2.025	
20	Mua sắm trang thiết bị phòng họp trực tuyến UBND huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	4848/QĐ-UBND ngày 17/12/2024	1.200	1.200,00	2025	0,00	981	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8,000*	*9*	10
21	Nhà ăn, sân đường Trụ sở UBND huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	5036/QĐ-UBND ngày 26/12/2024	1.311	1.311,36	2025	0,00	1.275	2025	
22	Hệ thống đường truyền và âm thanh Trụ sở Huyện ủy	Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Huệ	Ban QLDA ĐTXD KV ĐỨC HÒA	5037/QĐ-UBND ngày 26/12/2024	600	600,00	2025	0,00	600	2025	

Phụ lục 5

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

NGUỒN VỐN: XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG VÀ THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN ĐIỀU CHUYỂN VỀ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

Đính kèm Nghị quyết số: 07/NQ-HĐND ngày 07/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	10
	TỔNG CỘNG				**1.194.044**	**1.126.756**		**239.553**	**218.000**		
A	**Nguồn vốn Ngân sách tập trung**				**305.592**	**301.491**		**35.514**	**48.000**		
a	**Dự án chuyển tiếp**				**73.188**	**69.087**		**35.514**	**17.588**		
1	Xây dựng mới nhà nghỉ cho lực lượng Dân quân quản lý và Kho vật chất, phòng chống lụt bão Thành phố	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	541/QĐ-UBND 17/6/2024	6.778	6.778	2024	2.000	3.530	2025	
2	Trụ sở công an xã Tân Bình	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1368/QĐ-UBND 27/12/2022; 1307/QĐ-UBND 20/11/2024 (đ/c)	4.276	2.521	2024	1.755	2.210	2025	
3	Đền thờ Đức thánh Trần Hưng Đạo	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	542/QĐ-UBND 17/6/2024	1.957	1.957	2024	1.000	800	2025	
4	Hẻm số 8 đường Nguyễn Chí Thanh, phường 3, thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	154/QĐ-UBND 25/10/2022	12.951	12.951	2024	3.000	5.000	2025	
5	Đường 9-10 Trường Chinh	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1446/QĐ-UBND 15/12/2023	9.114	9.114	2024	5.700	700	2025	
6	Đường 18 Trường Chinh	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1447/QĐ-UBND 15/12/2023	7.107	7.107	2024	4.200	1.115	2025	
7	Đường 24 Trường Chinh	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1448/QĐ-UBND 15/12/2023	7.559	7.559	2024	4.752	482	2025	
8	Đường Sến Quỳ	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1456/QĐ-UBND 15/12/2023	14.297	14.297	2024	8.761	1.010	2025	
9	Xây mới Văn phòng BQL Khu phố 2, Phường 2	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1430/QĐ-UBND 15/12/2023	1.597	1.597	2024	1.000	246	2025	
10	Xây mới Nhà thi đấu đa năng cho các trường thuộc xã Tân Bình	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	535/QĐ-UBND 17/6/2024	3.632	3.632	2024	1.000	1.950	2025	Nông thôn mới
11	Đường 24 Bàu Lún, xã Bình Minh	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	536/QĐ-UBND 17/6/2024	1.083	283	2024	800	135	2025	Nông thôn mới
12	Nâng cấp Hẻm 55 và đường số 7 Trần Văn Trà, tổ 14 ấp Bình Trung, xã Bình Minh	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	538/QĐ-UBND 17/6/2024	2.837	1.291	2024	1.546	410	2025	Nông thôn mới
b	**Khởi công mới**				**232.404**	**232.404**		**0**	**30.412**		

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	10
1	Đường C (Lê Duẩn nối dài)	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	03/NQ-HĐND 04/9/2020; 23/NQ-HĐND 18/12/2020	218.073	218.073	2025		29.890	2026	
2	Xây mới nhà Trực ban tiếp dân, sân thể thao cho cán bộ chiến sĩ và thay mới thiết bị BCHQS Thành phố	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1352/QĐ-UBND 05/12/2024	6.877	6.877	2025		254	2025	dự án tạm dừng thực hiện theo CV 868/UBND-KT ngày 18/3/2025 của UBND Tỉnh
3	Xây mới Trụ sở làm việc Công an phường Hiệp Ninh	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1353/QĐ-UBND 05/12/2024	7.454	7.454	2025		268	2025	
B	**Nguồn vốn sử dụng đất**				**888.451**	**825.264**		**204.039**	**170.000**		
a	**Dự án chuyển tiếp**				**552.428**	**489.241**		**204.039**	**44.900**		
1	Cải tạo, sửa chữa Trường tiểu học Kim Đồng để duy trì chuẩn Quốc gia	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1260/QĐ-UBND 14/12/2022	8.000	1.382	2023	6.618	2	2024	TTKLHT, QT công trình
2	Cải tạo, sửa chữa Văn phòng BQL Khu phố 2; Văn phòng BQL Khu phố 3; Văn phòng BQL Khu phố 6, Phường IV	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1427/QĐ-UBND 15/12/2023	1.578	1.578	2024	1.293	15,497	2024	TTKLHT, QT công trình
3	Xây mới Văn phòng BQL khu phố Ninh Đức	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1428/QĐ-UBND 15/12/2023	1.485	1.485	2024	1.256	14,995	2024	TTKLHT, QT công trình
4	Cải tạo, sửa chữa Văn phòng BQL khu phố Ninh Nghĩa; Văn phòng BQL Khu phố Ninh Hòa	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1429/QĐ-UBND 15/12/2023	688	688	2024	600	33,920	2024	TTKLHT, QT công trình
5	Nâng cấp Trường TH Nguyễn Thị Minh Khai (cơ sở 1)	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	342/QĐ-UBND 07/4/2023	10.191	1.791	2023	8.400	59,174	2024	TTKLHT, QT công trình
6	Trường tiểu học Lê Văn Tám	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1307/QĐ-UBND 22/12/2022	3.998	498	2023	3.500	18,742	2024	TTKLHT, QT công trình
7	Cải tạo, sửa chữa trường tiểu học Nguyễn Thái Bình	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1460/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	3.349	649	2024	2.700	84,315	2024	TTKLHT, QT công trình
8	Sửa chữa, nâng cấp Chợ Bình Minh	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1434/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	1.841	541	2024	1.300	55,698	2024	TTKLHT, QT công trình
9	Cải tạo, sửa chữa trường mầm non Vàng Anh	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1458/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	2.765	2.765	2024	2.266	0,798	2024	TTKLHT, QT công trình
10	Cải tạo, sửa chữa Trường tiểu học Nguyễn Du (cơ sở 2)	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1459/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	1.697	1.697	2024	1.308	0,617	2024	TTKLHT, QT công trình
11	Trạm Y tế Phường 3	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	532/QĐ-UBND ngày 17/6/2024	403	403	2024	300	63,500	2024	TTKLHT, QT công trình
12	Xây mới VP khu phố Hiệp Lễ	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	159/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	960	960	2024	700	195,724	2024	TTKLHT, QT công trình

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	10
13	Chỉnh trang các công viên trên địa bàn thành phố	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1435/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	4.795	4.795	2024	3.500	382,361	2024	TTKLHT, QT công trình
14	Xây dựng hàng rào di tích chùa Khomer	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1433/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	1.949	1.949	2024	1.347	200,339	2025	TTKLHT, QT công trình
15	Xây mới trụ sở UBND, ban CHQS xã Bình Minh	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1361/QĐ-UBND 27/12/2022	22.831	15.842	2023	19.939	1.380,000	2025	TTKLHT, QT công trình
16	CT, SC Văn phòng và phòng Truyền thống thành ủy	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1431/QĐ-UBND 15/12/2023	6.825	6.825	2024	5.550	127,027	2024	TTKLHT, QT công trình
17	Xây mới Văn phòng BQL Khu phố 2, Phường 2	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1430/QĐ-UBND 15/12/2023	1.597	1.597	2024		371	2025	TTKLHT, QT công trình
18	Xây mới khu tái định cư phường Ninh Sơn	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1117/QĐ-UBND 30/10/2020	3.139	3.139	2021	2.600	188,845	2024	TTKLHT, QT công trình
19	Nâng cấp, cải tạo đường số 649, ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Tân, thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	796/QĐ-UBND 16/6/2023	8.705	8.705	2023	6,393	52,562	2025	TTKLHT, QT công trình
20	Lắp đặt HTCS đường vào khu căn cứ biệt động, ấp Giồng Cà, xã Bình Minh	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	540/QĐ-UBND 17/6/2024	298	98	2024	200	71,446	2024	TTKLHT, QT công trình
21	Đường 40 Điện Biên Phủ	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	795/QĐ-UBND 16/6/2023	12.576	8.816	2023	9.647	119,653	2024	TTKLHT, QT công trình
22	Hẻm ngang 15 Bời Lời	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	793/QĐ-UBND 6/6/2023	3.403	3.403	2023	2.750	1,483	2024	TTKLHT, QT công trình
23	Đường 34 Điện Biên phủ	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	788/QĐ-UBND 16/6/2023	2.285	2.285	2023	1.897	1,179	2024	TTKLHT, QT công trình
24	Đường 35 Điện Biên phủ	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	789/QĐ-UBND 16/6/2023	4.467	4.467	2023	3.653	54,936	2024	TTKLHT, QT công trình
25	Hẻm 14 đường 28 Điện Biên Phủ	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	605/QĐ-UBND 29/5/2023	2.750	410	2023	2.391	14,050	2024	TTKLHT, QT công trình
26	Đường cặp trung tâm lưu trữ	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1334/QĐ-UBND 23/12/2022	12.865	12.865	2023	4.000	88,728	2024	TTKLHT, QT công trình
27	Hẻm tổ 10, 13 khu phố 4	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1443/QĐ-UBND 15/12/2023	1.278	1.278	2024	1.000	106,785	2024	TTKLHT, QT công trình
28	Hẻm 12 đường Hoàng Lê Kha	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1424/QĐ-UBND 14/12/2023	575	575	2024	505	13,979	2024	TTKLHT, QT công trình
29	Hẻm 3 Lạc long Quân	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1423/QĐ-UBND 14/12/2023	661	81	2024	580	26,316	2024	TTKLHT, QT công trình
30	Đường hẻm 46-1, 46-2 ấp Tân Phước	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1455/QĐ-UBND 15/12/2023	1.616	1.616	2024	1.350	135,887	2024	TTKLHT, QT công trình
31	Hẻm 1 đường Nguyễn Chí Thanh	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1444/QĐ-UBND 15/12/2023	1.561	1.561	2024	1.250	51,234	2024	TTKLHT, QT công trình
32	Đường số 15 lộ 10, ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Tân, thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1451/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	3.859	759	2024	3.100	410,764	2024	TTKLHT, QT công trình

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	10
33	Đường sân bóng KP Ninh Phước	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1450/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	1.200	1.200	2024	800	186,550	2024	TTKLHT, QT công trình
34	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng hẻm số 5, 7, 12, 19 đường Huỳnh Tấn Phát, hẻm 69 đường CMT8	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1439/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	2.594	2.594	2024	1.600	72,507	2024	TTKLHT, QT công trình
35	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng Đường lộ 11 đoạn cuối tuyến, ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Tân, thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	539/QĐ-UBND 17/6/2024	543	543	2024	400	68,650	2024	TTKLHT, QT công trình
36	Hẻm 82 nối dài, ấp Đồng Cỏ Đỏ, xã Bình Minh (đoạn từ đường số 2 khu tái định cư, nhà ở người nghèo, người có công Thành phố đến rạch Tây Ninh)	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1215/QĐ-UBND 17/6/2024	658	658	2024	578	6,107	2024	TTKLHT, QT công trình
37	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng đường số 24, 26 và hẻm 8 đường số 6 Điện Biên Phủ	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1436/QĐ-UBND 15/12/2023	2.236	2.236	2024	476	12,424	2024	TTKLHT, QT công trình
38	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng đường số 7, 8, 11, 12, 15 đường Trường Chinh	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1437/QĐ-UBND 15/12/2023	1.593	1.593	2024	900	47,608	2024	TTKLHT, QT công trình
39	Nâng cấp, cải tạo hẻm 9 đường Huỳnh Tấn Phát	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1452/QĐ-UBND 15/12/2023	8.019	2.519	2024	5.500	583	2025	TTKLHT, QT công trình
40	Nâng cấp, cải tạo hẻm 11 đường Huỳnh Tấn Phát	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1453/QĐ-UBND 15/12/2023	7.119	3.119	2024	4.000	1.830	2025	TTKLHT, QT công trình
41	Nâng cấp, cải tạo hẻm 13 đường Huỳnh Tấn Phát	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1454/QĐ-UBND 15/12/2023	6.871	2.871	2024	4.000	986,595	2025	TTKLHT, QT công trình
42	Hẻm 35 và nhánh hẻm 35 đường CMT8	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1445/QĐ-UBND 15/12/2023	1.679	1.679	2024	1.450	34,651	2024	TTKLHT, QT công trình
43	Đường 28 Trường Chinh	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1449/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	4.633	4.633	2024	3.248	49,413	2024	TTKLHT, QT công trình
44	Hẻm 27 đường Lạc Long Quân và các hẻm nhánh	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1422/QĐ-UBND 13/12/2023	4.947	947	2024		375,222	2025	TTKLHT, QT công trình
45	Đường Sến Quỳ	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1456/QĐ-UBND 15/12/2023	14.297	14.297	2024		373,810	2025	TTKLHT, QT công trình
46	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng đường số 9 - lộ 793, Tân Lập	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1442/QĐ-UBND 15/12/2023	1.188	1.188	2024	775	10,067	2024	TTKLHT, QT công trình
47	Đường vào Đình Hiệp Ninh	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1421/QĐ-UBND 13/12/2023	2.397	397	2024	2.000	19,842	2024	TTKLHT, QT công trình
48	Mở rộng khối phòng học trường TH Bùi Thị Xuân	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1006/QĐ-UBND 22/8/2024	4.077	2.377	2024	1.700	2.000	2025	
49	Xây mới Nhà đa năng Trường TH Nguyễn Thị Minh Khai	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	999/QĐ-UBND 19/8/2024	3.128	1.828	2024		1.300	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	10
50	Xây mới phòng chức năng Trường THCS Phan Bội Châu	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	999/QĐ-UBND 19/8/2024	3.128	1.928	2024		7.600	2025	
51	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Văn Rốp, thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1145/QĐ-UBND 01/11/2022	208.806	208.806	2023	33.010	20.000	2025	
52	Đường Nguyễn Chí Thanh nối dài	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1358/QĐ-UBND 24/11/2021	138.327	138.327	2022	41.709	5.000	2025	
b	**Khởi công mới**				**336.023**	**336.023**		**0**	**125.100**		
1	Mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ giảng dạy các trường học	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1371/QĐ-UBND 05/12/2024	14.940	14.940	2025		12.000	2025	
2	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Văn hóa sinh hoạt cộng đồng xã Tân Bình	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1354/QĐ-UBND 05/12/2024	2.896	2.896	2025		130	2025	dự án tạm dừng thực hiện theo CV 868/UBND-KT ngày 18/3/2025 của UBND Tỉnh
3	Chỉnh trang đường Trần Phú khu vực lộ ủi	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1372/QĐ-UBND 05/12/2024	1.001	1.001	2025		4.000	2025	
4	Hẻm 6 đường Trưng Nữ Vương, Khu phố 1	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1332/QĐ-UBND 29/11/2024	782	782	2025		700	2025	
5	Hẻm 9 đường Trưng Nữ Vương, Khu phố 5, Phường 1	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1331/QĐ-UBND 28/11/2024	1.651	1.651	2025		1.530	2025	
6	Đường hẻm 04 ấp Tân Trung	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1276/QĐ-UBND 12/11/2024	2.143	2.143	2025		1.800	2025	
7	Hẻm 31 đường CMT8	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1373/QĐ-UBND 05/12/2024	3.599	3.599	2025		3.200	2025	
8	Đường số 5 Trần Phú, khu phố Ninh Thành, phường Ninh Sơn	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1355/QĐ-UBND 05/12/2024	3.183	3.183	2025		2.100	2025	
9	Nâng cấp hẻm 4, đường Nguyễn Văn Rốp, Phường IV	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1356/QĐ-UBND 05/12/2024	6.717	6.717	2025		4.400	2025	
10	Hẻm sau trường Nguyễn Tri Phương, KP Ninh Tân; Hẻm 87 (đoạn còn lại), KP Ninh Lộc; Hẻm 285 Trần Phú, KP Ninh Thành; Hẻm 3A (đoạn còn lại) và Hẻm 1 Huỳnh Tấn Phát, KP Ninh Thọ - Phường Ninh Sơn	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1357/QĐ-UBND 05/12/2024	5.982	5.982	2025		4.200	2025	
11	Hẻm 591 (đối diện trụng đài), khu phố Ninh Trung; Hẻm số 3 Huỳnh Văn Thanh (đoạn còn lại), khu phố Ninh Thọ; Hẻm tổ 6, khu phố Ninh Thọ - phường Ninh Sơn	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1358/QĐ-UBND 05/12/2024	1.522	1.522	2025		1.100	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	10
12	Nâng cấp, cải tạo đường Thuyền (Đoạn từ đường Huỳnh Tấn Phát đến đường Trường Chinh cũ)	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1359/QĐ-UBND 05/12/2024	7.811	7.811	2025		770	2025	
13	Hệ thống thoát nước khu vực tổ 17 đường số 4 Trần Phú, phường Ninh Sơn	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1362/QĐ-UBND 05/12/2024	7.874	7.874	2025		6.500	2025	
14	Hệ thống thoát nước đường Nguyễn Văn Tốt, Khu phố 2, Phường 1	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1226/QĐ-UBND 23/10/2024	2.523	2.523	2025		2.210	2025	
15	Xây dựng các nhà vệ sinh công cộng trên địa bàn thành phố	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1364/QĐ-UBND 05/12/2024	1.900	1.900	2025		1.400	2025	
16	Nâng cấp hệ thống chiếu sáng một số tuyến đường chính trên địa bàn thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1360/QĐ-UBND 05/12/2024	5.676	5.676	2025		2.840	2025	
17	Lắp đặt đèn tín hiệu giao thông tại một số vị trí trên địa bàn thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1361/QĐ-UBND 05/12/2024	3.906	3.906	2025		2.750	2025	
18	Lát gạch vỉa hè Đường số 3, 3A, G, H, Nguyễn Văn Thắng và đoạn còn lại của đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 3	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1363/QĐ-UBND 05/12/2024	9.376	9.376	2025		7.080	2025	
19	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1365/QĐ-UBND 05/12/2024	2.326	2.326	2025		112	2025	dự án tạm dừng thực hiện theo CV 868/UBND-KT ngày 18/3/2025 của UBND Tỉnh
20	Xây mới Văn phòng khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1366/QĐ-UBND 05/12/2024	1.747	1.747	2025		86	2025	dự án tạm dừng thực hiện theo CV 868/UBND-KT ngày 18/3/2025 của UBND Tỉnh
21	Cải tạo, sửa chữa Văn phòng Khu phố 2, 4, 5, 6 Phường 3	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1369/QĐ-UBND 05/12/2024	1.163	1.163	2025		52	2025	dự án tạm dừng thực hiện theo CV 868/UBND-KT ngày 18/3/2025 của UBND Tỉnh

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	10
22	Xây mới Văn phòng Khu phố 1, Phường IV	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1367/QĐ-UBND 05/12/2024	1.153	1.153	2025		49	2025	dự án tạm dừng thực hiện theo CV 868/UBND-KT ngày 18/3/2025 của UBND Tỉnh
23	Xây mới Văn phòng Khu phố 4, Phường IV	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1368/QĐ-UBND 05/12/2024	1.942	1.942	2025		91	2025	dự án tạm dừng thực hiện theo CV 868/UBND-KT ngày 18/3/2025 của UBND Tỉnh
24	Khu tái định cư Phạm Tung, Phường 3	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1375/QĐ-UBND 05/12/2024	6.383	6.383	2025		5.200	2025	
25	Khu tái định cư Phường 3	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1374/QĐ-UBND 05/12/2024	7.714	7.714	2025		6.200	2025	
26	Khu tái định cư đường số 4 Trần Phú, phường Ninh Sơn	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	1370/QĐ-UBND 05/12/2024	12.042	12.042	2025		6.500	2025	
27	Đường C (Lê Duẩn nối dài)	Ban QLDA ĐTXD thành phố Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD KV1	03/NQ-HĐND 04/9/2020; 23/NQ-HĐND 18/12/2020	218.073	218.073	2025		48.100	2026	

Phụ lục 6

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

NGUỒN VỐN: XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG VÀ THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN ĐIỀU CHUYỂN VỀ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

Đính kèm Nghị quyết số :07/NQ-HĐND ngày 07/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	10
	TỔNG CỘNG				**561.414**	**267.529**	**0**	**99.816**	**71.700**		
A	**Nguồn vốn Ngân sách tập trung (Mã nguồn 42-MDP : 300)**				**415.985**	**160.416**		**86.543**	**13.699,67**		
I	**Dự án chuyển tiếp**				**378.169**	**126.720**		**85.876**	**6.989**		
01	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Chí Thanh	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2547/QĐ-UBND 29/10/2020	172.861	807	2021	727	80,00	2024	
02	Đường số 85 Trần Phú	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2290/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	4.564	4.564	2023	3.564	23,65	2024	
03	Đường số 69 Nguyễn Chí Thành	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2291/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	5.842	5.842	2023	4.975	29,82	2024	
04	Đường số 56 Trần Phú	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2292/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	3.771	3.771	2023	3.061	20,65	2024	
05	Đường số 64 Trần Phú	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2293/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	1.333	1.333	2023	1.132	9,39	2024	
06	Đường số 68 Trần Phú	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2294/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	1.198	1.198	2023	1.057	8,96	2024	
07	Đường số 34 Đường Trần Phú	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2295/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	4.755	4.755	2023	4.056	24,65	2024	
08	Đường số 21 Trần Phú	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2660/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	3.073	3.073	2023	2.540	17,59	2024	
09	Đường số 9 Phạm Hùng	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2386/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	255	255	2023	230	4,08	2024	
10	Đường số 11 Phạm Hùng	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2387/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	574	574	2023	432	2,53	2024	
11	Đường số 13 Phạm Hùng	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2388/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	508	508	2023	418	2,45	2024	
12	Đường số 15 Phạm Hùng	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2389/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	351	351	2023	317	1,65	2024	
13	Đường số 17 Phạm Hùng	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2390/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	338	338	2023	267	1,51	2024	
14	Đường số 19 Phạm Hùng	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2385/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	302	302	2023	269	1,57	2024	
15	Đường số 21a Phạm Hùng	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2176/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	301	301	2023	261	1,53	2024	
16	Đường số 21 Phạm Hùng	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2177/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	355	355	2023	234	1,38	2024	
17	Nâng cấp, cải tạo đường Nguyễn Quốc Gia	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2372/QĐ-UBND 29/11/2022	4.697	4.697	2023	4.064	44,67	2024	
18	Nâng cấp Đường số 2 - An Dương Vương	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2373/QĐ-UBND 29/11/2022	4.372	4.372	2023	3.926	21,04	2023	

				Quyết định đầu tư			Năm bắt				
19	Nâng cấp Đường số 2a - An Dương Vương	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2374/QĐ-UBND 29/11/2022	5.514	5.514	2023	4.908	29,61	2023	
20	Nâng cấp Đường số 4 - An Dương Vương	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2375/QĐ-UBND 29/11/2022	6.141	6.141	2023	5.535	31,51	2023	
21	Nâng cấp Đường số 6 - An Dương Vương	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2376/QĐ-UBND 29/11/2022	7.708	7.708	2023	6.921	66,34	2024	
22	Nâng cấp Đường số 12 - An Dương Vương	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	464/QĐ-UBND 12/10/2021	2.670	2.670	2023	2.344	13,09	2023	
23	Nâng cấp Đường số 18 - An Dương Vương	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2377/QĐ-UBND 29/11/2022	5.379	5.379	2023	4.555	26,89	2023	
24	Đường Nguyễn Lương Bằng nối dài giai đoạn 2 (điểm đầu cách đường Nguyễn Văn Linh 700m, điểm cuối cách cầu Bà Mai 730m)	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2661/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	12.434	12.434	2023	10.896	330,60	2024	
25	Đường nội bộ khu hành chính Bố Mẹ	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	Số 1277/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	6.933	6.933	2018	249	6,40	2019	
26	Đường vào chợ Trường Lưu nối dài	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	7214/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	2.858	2.858	2018	127	13,80	2019	
27	Đường 57 Trần Phú	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	Số 1290/QĐ-UBND ngày 22/06/2018	1.568	1.568	2018	60	0,40	2019	
28	Đường 43A Đường Hai Bà Trưng	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	Số 1402/QĐ-UBND ngày 03/07/2018	1.139	1.139	2018	65	0,30	2019	
29	Đường vào UBND xã Hiệp Tân	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2567/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	18.510	5.675	2021	185	657,35	2024	
30	Nâng cấp cải tạo đường số 14 - Nguyễn Huệ	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	1703/QĐ-UBND ngày 16/08/2022	4.218	148	2021	148	10,02	2022	
31	Xây mới cổng, hàng rào công viên nghĩa trang thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2628/QĐ-UBND 14/11/2023	7.350	7.350	2023	5.590	261,71	2024	
32	Cải tạo hội trường, trung tâm văn hoá học tập cộng đồng xã Trường Đông	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	1237/QĐ-UBND ngày 27/6/2024	815	815	2024	650	83,92	2024	
33	Xây dựng hàng rào UBND xã Trường Tây	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	1238/QĐ-UBND ngày 27/6/2024	1.659	1.659	2024	1.290	49,70	2024	
29	Trường tiểu học Lê Hồng Phong thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	Số 2799/QĐ-UBND ngày 07/12/2023	758	372	2024	367	5,22	2024	
34	Nâng cấp, mở rộng đường số 13 Nguyễn Văn Linh	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	1135/QĐ-UBND ngày 07/06/2024	13.185	281	2024	166	70,14	2025	
21	Đường số 78 Đường Trần Phú	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	808/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	1.146	1.146	2025	-	1.012,80	2025	
22	San lấp mặt bằng khu nhà ở cho người nghèo, người có công trên địa bàn thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	716/QĐ-UBND ngày 13/02/2025	1.148	1.148	2025	-	32,11	2025	
35	Nâng cấp Công viên thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	1235/QĐ-UBND ngày 27/6/2024	7.523	7.523	2024	2.123	3.892,00	2025	
36	Cải tạo trụ sở Thị ủy, UBND thị xã và khối chuyên môn.	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	1236/QĐ-UBND ngày 27/6/2024	5.517	5.517	2024	4.000	26,00	2025	
37	Xây dựng trụ sở UBND xã Trường Tây	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	7124/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	25.774	437	2022	440	2,07	2024	

				Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu				
38	Xây dựng trụ sở UBND phường Long Thành Bắc	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	35/QĐ-UBND ngày 14/01/2022	24.294	431	2022	198	13,71	2024	
39	Xây dựng Trung tâm giám sát điều hành thông minh thị xã Hoà Thành	Vp.HĐND-UBND thị xã		1645/QĐ-UBND 28/6/2023	2.180	2.180	2023	1.442	44	2024	
40	Ứng dụng công nghệ số hỗ trợ quản lý trật tự đô thị	P.KT-HT và ĐT		2293/QĐ-UBND 11/11/2022	2.300	2.300	2023	2.086	12	2024	
II	**Khởi công mới**				**37.816**	**33.695**		**667**	**6.710,84**		
01	Xây dựng trụ sở BCHQS xã Trường Hoà	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	251/QĐ-UBND ngày 28/02/2023	4.323	203	2024	180	22,54		Tạm dừng triển khai theo Công văn số 1296/UBND-KT ngày 16/4/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh
02	Cải tạo Trung tâmVHTT-HTCĐ xã Long Thành Nam	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2808/QĐ-UBND 08/12/2023	1.200	1.200	2024	30	990,00	2025	
03	Cải tạo Hội trường Trung tâm VHTT-HTCĐ phường Long Thành Bắc	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	472/QĐ-UBND ngày 05/11/2024	652	652	2024	25	533,00	2025	
04	Cải tạo, sửa chữa hội trường UBND phường Hiệp Tân	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	475/QĐ-UBND ngày 12/11/2024	950	950	2024	25	733,35	2025	
05	Cải tạo hội trường khối đoàn thể thị xã Hoà Thành	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	473/QĐ-UBND ngày 05/11/2024	739	739	2024	25	431,61	2025	
06	Nâng cấp Đường số 8 - An Dương Vương	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2425/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	3.932	3.932	2024	90	700,61	2025	
07	Nâng cấp Đường số 10 - An Dương Vương	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2426/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	3.818	3.818	2024	82	33,44	2025	
08	Nâng cấp Đường số 14 - An Dương Vương	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2427/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	8.931	8.931	2025	-	201,28	2025	
09	Đường số 44 Đường Trần Phú	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2440/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	1.746	1.746	2024	30	138,15	2025	
10	Đường số 46 Đường Trần Phú	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2439/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	1.714	1.714	2024	30	279,44	2025	
11	Đường số 76 Trần Phú	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2431/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	1.305	1.305	2024	30	136,17	2025	
12	Đường số 52 Trần Phú	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2437/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	1.631	1.631	2024	25	17,44	2025	
13	Đường số 63 Phạm Hùng	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2433/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	5.720	5.720	2024	95	1.863,63	2025	
14	Đường số 16,17 Ngô Quyền	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	807/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	1.155	1.155	2025	-	630,18	2025	
B	**Nguồn vốn sử dụng đất (Mã nguồn 44-MDP : 304)**				**145.429**	**107.113**		**13.273**	**58.000**		
I	**Dự án chuyển tiếp**				**49.576**	**24.239**		**12.061**	**6.303**		
01	Cải tạo trụ sở Thị ủy, UBND thị xã và khối chuyên môn.	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	1236/QĐ-UBND ngày 27/6/2024	5.517	5.517	2024	4.000	1.410,75	2024	
02	Xây dựng trụ sở UBND xã Trường Tây	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	7124/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	25.774	437	2022	440	35,01	2024	
03	Nâng cấp Công viên thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	1235/QĐ-UBND ngày 27/6/2024	7.523	7.523	2024	2.123	91,12	2025	

				Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu				
4	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án xây dựng Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Hoà Thành	Trung tâm PTQĐ thị xã HT		366/QĐ-UBND 17/7/2017	4.766	4.766	2025		4.734	2017	Đã QT
5	Triển khai số hoá hồ sơ lưu trữ thuộc các lĩnh vực chuyên ngành trong phạm vi quản lý của thị xã	Phòng Nội vụ thị xã HT		2130/QĐ-UBND 12/9/2023	5.996	5.996	2023	5.499	32	2024	Đã QT
II	**Khởi công mới**				**95.853**	**82.874**		**1.212**	**51.697**		
01	Nâng cấp Đường số 8 - An Dương Vương	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2425/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	3.932	3.932	2024	90	2.918,00	2025	
02	Nâng cấp Đường số 10 - An Dương Vương	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2426/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	3.818	3.818	2024	82	2.839,00	2025	
03	Nâng cấp Đường số 14 - An Dương Vương	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2427/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	8.931	8.931	2025	-	6.682,00	2025	
04	Đường 25 đường Trần Phú	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2438/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	8.652	8.652	2024	41	2.788,14	2025	
05	Đường số 32 Nguyễn Văn Linh	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2436/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	4.036	4.036	2024	39	2.336,62	2025	
06	Đường số 44 Đường Trần Phú	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2440/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	1.746	1.746	2024	30	1.306,00	2025	
07	Đường số 46 Đường Trần Phú	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2439/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	1.714	1.714	2024	30	1.281,00	2025	
08	Đường số 70 Trần Phú	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2428/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	4.114	4.114	2024	30	2.111,11	2025	
09	Đường số 72 Trần Phú	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2429/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	1.542	1.542	2024	50	858,65	2025	
10	Đường số 74 Trần Phú	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2430/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	1.026	1.026	2024	35	872,24	2025	
11	Đường số 76 Trần Phú	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2431/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	1.305	1.305	2024	30	968,00	2025	
12	Đường 19,45,47 đường Trần Phú	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2443/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	3.054	3.054	2024	75	1.409,56	2025	
13	Đường số 52 Trần Phú	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2437/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	1.631	1.631	2024	25	1.223,00	2025	
14	Đường số 7 Nguyễn Chí Thanh	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2444/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	6.737	6.737	2024	50	3.851,39	2025	
15	Đường số 46 Phạm Hùng	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2432/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	4.671	4.671	2024	50	2.655,81	2025	
16	Đường số 63 Phạm Hùng	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2433/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	4.653	4.653	2024	95	2.068,00	2025	
17	Đường số 64 Phạm Hùng	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2434/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	3.222	3.222	2024	90	2.709,93	2025	
18	Đường nội bộ BTXM và Hệ thống thoát nước khu nhà ở cho người nghèo, người có công trên địa bàn xã Trường Hòa	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	810/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	6.000	6.000	2025	-	4.007,61	2025	
19	Đường nội bộ bê tông xi măng khu nhà ở cho người nghèo, người có công trên địa bàn xã Long Thành Nam - thị xã Hoà Thành	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	800/QĐ-UBND ngày 17/4/2025	1.202	1.202	2025	-	1.031,00	2025	
20	Đường số 16,17 Ngô Quyền	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	807/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	1.155	1.155	2025	-	336,82	2025	

				Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu				
22	San lấp mặt bằng khu nhà ở cho người nghèo, người có công trên địa bàn thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	716/QĐ-UBND ngày 13/02/2025	1.148	1.148	2025	-	1.044,56	2025	
23	Xây mới nhà Quản trang nghĩa trang Trường Hoà	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	809/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	948	948	2025	-	750,00	2025	
24	Xây mới trụ sở công an xã Trường Tây	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	7017/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	5.538	206	2024	50	253,93		Tạm dừng triển khai theo Công văn số 1296/UBND-KT ngày 16/4/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh
25	Nhà đa năng trường THCS Nguyễn Huệ	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	417/QĐ-UBND ngày 05/08/2024	3.366	1.420	2024	50	1.370,00	2025	
26	Nhà đa năng trường THCS Nguyễn Văn Linh	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	418/QĐ-UBND ngày 05/08/2024	3.497	1.572	2024	100	1.370,00	2025	
27	Nhà đa năng trường THCS Nguyễn Thái Bình	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	419/QĐ-UBND ngày 05/08/2024	3.494	1.568	2024	70	1.370,00	2025	
28	Nhà đa năng trường THCS Ngô Quyền	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	416/QĐ-UBND ngày 05/08/2024	3.520	1.670	2024	70	1.200,00	2025	
29	Cải tạo Trung tâmVHTT-HTCĐ xã Long Thành Nam	Ban QLDA ĐTXD thị xã Hòa Thành	Ban QLDA ĐTXD KV2	2808/QĐ-UBND 08/12/2023	1.200	1.200	2024	30	84,74	2025	

Phụ lục 7

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

NGUỒN VỐN XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG VÀ THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN ĐIỀU CHUYỂN VỀ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

Đính kèm Nghị quyết số:07/NQ-HĐND ngày 07/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG CỘNG				**545.931**	**243.582**		**202.697**	**89.160**		
A	**Nguồn vốn Ngân sách tập trung**				**323.760**	**70.506**	**-**	**140.696**	**19.160**		
1	**Dự án chuyển tiếp**				**255.895**	**35.692**	**-**	**140.401**	**12.524**		
1	Xây dựng trụ sở làm việc Công an phường An Hòa	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	1262/QĐ-UBND 19/04/2024	6.720	444	2024	403	41	29/04/2025	
2	Nhà tạm giữ Công an Thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	1556/QĐ-UBND 8/5/2024; 4696/QĐ-UBND 06/08/2024	13.740	887	2024	668	219	13/10/2025	
3	Trường mẫu giáo Họa Mi	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	8303/QĐ-UBND 29/12/2023	27.000	350	2024	245	105	12/21/2025	
4	Trường TH Phước Chỉ - 2 phòng tin học, 1 phòng ngoại ngữ	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	3883/QĐ-UBND 18/06/2024	2.258	678	2024	177	678	2/9/2025	
5	Trường TH Thành Phú Khương (Điểm An Phú)- 6 phòng học	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	3833/QĐ-UBND 14/06/2024	6.457	1.236	2023	299	1.236	3/30/2025	
6	Trường TH Hòa Bình (Điểm Phước Long) - 5 phòng học, 1 phòng tin học, 1 phòng ngoại ngữ	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	3889/QĐ-UBND 14/06/2024 3613/QĐ-UBND 09/04/2025	5.977	1.600	2024	414	1.600	20/10/2025	
7	Trường TH Trảng Bàng - 11 phòng học, 1 phòng tin học, 1 phòng ngoại ngữ	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	3834/QĐ-UBND 14/06/2024	10.156	1.000	2024	391	1.000	4/24/2025	
8	Trường TH Gia Bình - 1 phòng tin học, 1 phòng ngoại ngữ	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	3887/QĐ-UBND 18/06/2024	2.796	100	2024	219	100	8/25/2025	
9	Thiết bị thể dục, thể thao các xã, phường	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	5392/QĐ-UBND 08/10/2024	2.815	2.815	2024	10	3.160	3/13/2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11
10	Láng nhựa Đường Lộc Thành (HL02-đường gò ông phật)	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	6537/QĐ-UBND 29/09/2022; 3670/QĐ-UBND 07/06/2024	5.027	186	2022	150	36	4/12/2025	
11	Nhựa hóa tuyến đường ấp Lộc Khê	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	3665a/QĐ-UBND 07/06/2024	4.307	190	2024	160	30	2/26/2025	
12	Nâng cấp đường Phước Hậu- Lộc Khê	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	3663/QĐ-UBND 07/06/2024	13.457	443	2024	402	41	31/12/2024	
13	Xây dựng trụ sở 12 phòng ban của UBND thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	12632/QĐ-UBND 12/11/2021 1260/QĐ-UBND 19/04/2024	58.883	6	2022	50.658	6	30/9/2024	
14	Cải tạo, sửa chữa khu di tích lịch sử văn hóa rừng rong	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	2492/QĐ-UBND 06/04/2023 5701/QĐ-UBND 19/10/2023	5.120	196	2023	4.886	196	30/10/2024	
15	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống loa phát thanh thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	6480/QĐ-UBND 14/12/2023	5.390	5.390	2024	5.080	750	25/12/2024	
16	Hệ thống điều hành thông minh (IOC) Thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	2575/QĐ-UBND 24/04/2023	17.592	17.592	2023	18.211	747		
17	Sửa chữa TTHTCĐ xã - Nhà văn hóa xã	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	4347/QĐ-UBND 19/07/2024	3.291	15	2024	2.648	15	02/12/2025	
18	Đê bao tiểu vùng 6	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	5716/QĐ-UBND 23/10/2023	23.211	19	2023	19.084	19	6/24/2024	
19	Nâng cấp, sửa chữa đường Hương lộ 12 (từ ngã 3 Sóc Lào đến KCN Phước Đông Bời Lời)	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	2738/QĐ-UBND 27/04/2023	28.981	15	2023	27.934	15	25/12/2023	
20	Phún đá dăm đường Trạm bơm Phước Lưu	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	4215/QĐ-UBND 09/07/2024	4.359	1.195	2024	2.357	1195	4/16/2025	
21	Láng nhựa đường vào chợ và hệ thống thoát nước xung quanh nhà lồng chợ	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	4424/QĐ-UBND 25/07/2024	2.043	220	2024	1.380	220	2/23/2025	
22	Láng nhựa Đường Mang Chà	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	12228/QĐ-UBND 28/10/2021 QĐ Đ/c 790/QĐ/UBND 15/03/2024	6.315	1.115	2021	4.626	1115	31/12/2024	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11
2	**Khởi công mới**	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng			**67.865**	**34.814**		**295**	**6.636**		
1	Mương thoát nước trước văn phòng ấp Gò Ngãi	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	6470/QĐ-UBND 17/12/2024	504	10	2024	10	218	9/25/2025	
2	Phán đá dăm 0.4 đường Bãi tập (ĐĐ đường 789- ĐC đường 782)	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	6467/QĐ-UBND 17/12/2024	4.715	4.715	2024	20	4.300	Dự kiến 27/12/2025	
3	Sửa chữa đường Bình Nguyên 1	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	6566/QĐ-UBND 18/12/2024	4.246	203	2024	90	113	12/30/2025	
4	Láng nhựa đường Gia Miễu - Bình Nguyên 2	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	2284/QĐ-UBND, 24/03/2025	7.707	283	2024	-	283	26/6/2025	
5	Bê tông nhựa đường Phước Hiệp 3	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	7407/QĐ-UBND 31/12/2024	1.824	95	2024	50	45	Dự kiến 27/12/2025	
6	Láng nhựa đường Phước Hiệp 5 và nhánh rẽ	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	398/QĐ-UBND 22/01/2025	4.192	159	2024	70	89	Dự kiến 27/12/2025	
7	Mương thoát nước đường An Thạnh - Phước Chỉ	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	474/QĐ-UBND 12/02/2025	4.076	159	2025	-	159	Dự kiến 27/12/2025	
8	Đường Gia Lâm 8	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	2285/QĐ-UBND 24/3/2025	6.637	235	2025	-	235	Dự kiến 27/12/2025	
9	Hệ thống chiếu sáng Hương lộ 2 (Ngã 3 chợ Lộc Hưng đến giáp với đường Trung Hưng)	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	6456/QĐ-UBND 16/12/2024 2300/QĐ-UBND 27/03/2025	4.210	201	2024	55	146	05/09/2025	
10	Kênh N23-2	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	475/QĐ-UBND 12/02/2025	3.137	3.137	2025	-	150	Dự kiến 18/12/2025	
11	Đường Hoàng Diệu	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	472/QĐ-UBND 12/02/2025	2.742	1.742	2025	-	100	Dự kiến 31/10/2025	
12	Đường An Phú 3 - 4	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	473/QĐ-UBND 12/02/2025	5.160	5.160	2025	-	140	23/10/2025	
13	Đường An Phú 7	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	4276a/QĐ-UBND 21/5/2025	5.132	5.132	2025	-	103	Dự kiến 27/12/2025	
14	Cống thoát nước Bàu Mây - Suối Sâu	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	4269a/QĐ-UBND 20/5/2025	10.000	10.000	2025	-	293	Dự kiến 27/12/2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11
15	Đường suối sâu 3 (từ nhà 3 Răng đến nhà 7 Gây)	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	4271a/QĐ-UBND 20/5/2025	1.728	1.728	2025	-	80	Dự kiến 27/12/2025	
16	Sân nền các tiểu trại Khu vực tuyến quân tại Khu di tích Rừng Khí	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	491/QĐ-UBND 13/02/2025	766	766	2024	-	91	29/04/2025	
17	Mái che tiểu trại, lối đi, thoát nước Khu vực tuyến quân tại Khu di tích Rừng Khí	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	492/QĐ-UBND 13/02/2025	1.089	1.089	2025	-	91	29/04/2025	
B	**Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất**	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng			**222.171**	**173.076**		**62.001**	**70.000**		
1	**Dự án chuyển tiếp**				**157.660**	**108.565**		**55.051**	**45.301**		
1	Trường TH Hòa Bình (Điểm Phước Long) - 5 phòng học, 1 phòng tin học, 1 phòng ngoại ngữ	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	3889/QĐ-UBND 14/06/2024 3613/QĐ-UBND 09/04/2025	5.977	4.276	2024	-	2.176	20/10/2025	
2	Trường TH Hòa Bình (Điểm Phước Hòa) - 1 phòng tin học, 1 phòng ngoại ngữ	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	3886/QĐ-UBND 18/06/2024	2.002	513	2024	120	513	3/24/2025	
3	Trường TH Ngô Văn Tô - 1 phòng tin học, 1 phòng ngoại ngữ	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	3831/QĐ-UBND 14/06/2024	2.158	520	2024	79	520	2/9/2025	
4	Trường TH Phước Bình B (Điểm Phước Thành) - 1 phòng tin học, 1 phòng ngoại ngữ	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	3884/QĐ-UBND 18/06/2024 3566/QĐ-UBND 4/4/2025	1.984	541	2024	119	541	04/09/2025	
5	Trường TH Phước Bình B (điểm Phước Lợi) - 5 phòng học, 1 phòng tin học	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	3877/QĐ-UBND 18/06/2024 3612/QĐ-UBND 09/04/2025	4.292	751	2024	244	751	04/09/2025	
6	Trường TH Phước Bình B (điểm Phước Giang) - 1 phòng tin học	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	3885/QĐ-UBND 18/06/2024 3612/QĐ-UBND 04/04/2025	501	202	2024	11	202	20/08/2025	
7	Trường TH Phước Bình A (Điểm Bình Hòa) - 1 phòng tin học, 1 phòng ngoại ngữ	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	3874/QĐ-UBND 18/06/2024 3453/QĐ-UBND 01/04/2025	3.000	638	2024	206	638	04/09/2025	
8	Trường TH Phước Bình A (Điểm Bình Quới) - 5 phòng học, 1 phòng tin học	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	3878/QĐ-UBND 18/06/2024 3611/QĐ-UBND 09/04/2025	5.116	921	2023	244	921	04/09/2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11
9	Trường TH Lộc Khê (Điểm Lộc Khê) - 1 phòng ngoại ngữ	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	2001/QĐ-UBND 30/05/2024	980	243	2024	37	243	1/1/2025	
10	Trường TH Lộc Khê (Điểm Xóm Sóc) - 1 phòng tin học, 1 phòng ngoại ngữ	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	3876/QĐ-UBND 18/06/2024	2.592	528	2024	192	528	2/9/2025	
11	Trường TH Bình Nguyên (Điểm Bình Nguyên 1) - 6 phòng học, 1 phòng tin học, 1 phòng ngoại ngữ	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	3888/QĐ-UBND 18/06/2024	8.363	1.748	2024	374	1.748	6/20/2025	
12	Trường TH Trảng Bàng - 11 phòng học, 1 phòng tin học, 1 phòng ngoại ngữ	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	3834/QĐ-UBND 14/06/2024	10.156	1.729	2024	-	729	24/4/2025	
13	Trường TH Huỳnh Lâm Tân - 4 phòng học, 1 phòng tin học, 1 phòng ngoại ngữ	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	3835/QĐ-UBND 14/06/2024	5.413	1.159	2024	271	1.159	30/3/2025	
14	Trường TH Gia Bình - 1 phòng tin học, 1 phòng ngoại ngữ	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	3887/QĐ-UBND 18/06/2024	2.796	2.428	2024	-	2.328	25/8/2025	
15	Trường THCS Trảng Bàng - 9 phòng học, 1 phòng tin học	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	3836/QĐ-UBND 14/06/2024	8.560	1.749	2024	339	985	29/4/2025	
16	Trường TH Lộc Hưng (Điểm Lộc An) - 6 phòng học, 1 phòng tin học, 1 phòng ngoại ngữ	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	3881/QĐ-UBND 18/06/2024 3571/QĐ-UBND 04/4/2025	7.166	1.469	2024	317	1.469	04/09/2025	
17	Trường TH Lộc Hưng (Điểm Lộc Thành) - 1 phòng học, 1 phòng tin học, 1 phòng ngoại ngữ	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	3875/QĐ-UBND 18/06/2024 3572/QĐ-UBND 04/4/2025	3.552	737	2024	222	737	04/09/2025	
18	Trường TH Lộc Hưng (Điểm Lộc Chánh) - 1 phòng tin học, 1 phòng ngoại ngữ	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	3880/QĐ-UBND 18/06/2024 3576/QĐ-UBND 04/4/2025	2.102	463	2024	77	463	04/09/2025	
19	Thiết bị thể dục, thể thao các xã, phường	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	5392/QĐ-UBND 08/10/2024	2.815	2.815	2024	3.000	316	3/13/2025	
20	Hệ thống Camera giám sát an ninh trật tự và phát hiện, xử lý vi phạm an toàn giao thông trên địa bàn thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	6476/QĐ-UBND 14/12/2023	11.800	18.800	2024	9.000	2.407	29/04/2025	
21	Tu bổ, tôn tạo di tích Rạch Tràm - Phước Chỉ	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	1555/QĐ-UBND 08/05/2024	4.210	4.210	2024	3.077	1.272	18/03/2025	
22	San lấp mặt bằng, xây dựng nhà ở chiến sĩ chốt biên phòng cầu Ông Sài	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	5345/QĐ-UBND 07/10/2024	2.000	2.000	2024	1.010	1.570	27/05/2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11
23	Khung đèn trang trí Quốc Lộ 22	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	5385/QĐ-UBND 08/10/2024	7.650	7.650	2024	2.998	5.024	26/03/2025	
24	Trang thiết bị Hội trường 29/4 thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	5386/QĐ-UBND 08/10/2024	3.200	3.200	2024	1.910	777	24/02/2025	
25	Đường liên tổ 1, 4 ấp Phước Long	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	6483/QĐ-UBND 14/12/2023	8.780	8.780	2024	3.800	5.040	5/22/2025	
26	Láng nhựa đường Khu phố Chánh 3	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	5393/QĐ-UBND 08/10/2024	1.100	1.100	2024	810	530	27/2/2025	
27	Đường An Đước đi Bàu Tràm	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	5387/QĐ-UBND 08/10/2024	5.700	5.700	2024	2.870	3.070	5/7/2025	
28	Nâng cấp Đường Sông Lô	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	5018/QĐ-UBND 10/9/2024	12.100	12.100	2024	8.550	2.843	4/25/2025	
29	Nâng cấp đường An Phú – An Hoà (Điểm đầu Cầu Thanh Niên - Điểm cuối Đường N8)	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	5388/QĐ-UBND 08/10/2024	11.255	11.255	2024	8.505	2.749	21/2/2025	
30	Láng nhựa Tuyến đường nhà Thầy Đồng	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	5389/QĐ-UBND 08/10/2024	3.900	3.900	2024	2.810	1.100	5/8/2025	
31	Bê tông nhựa đường vào trường TH Thanh Hòa (cơ sở 2)	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	5390/QĐ-UBND 08/10/2024	4.500	4.500	2024	2.510	1.802	5/9/2025	
32	Hệ thống chiếu sáng từ Suối Sâu đến Tịnh Phong	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	5391/QĐ-UBND 08/10/2024	1.940	1.940	2024	1.350	150	10/02/2025	
2	**Khởi công mới**				**64.511**	**64.511**		**6.950**	**24.699**		
1	Láng nhựa đường Lộc Du 15	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	6472/QĐ-UBND 17/12/2024	2.228	2.228	2025	50	1.435	10/9/2025	
2	Láng nhựa đường Lộc Du 17	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	6473/QĐ-UBND 17/12/2024	2.350	2.350	2025	50	1.550	8/10/2025	
3	Láng nhựa Đường Hoàng Diệu nối dài	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	6474/QĐ-UBND 17/12/2024	846	846	2025	10	760	8/14/2025	
4	Nhà 8 Cò - Đường nhựa Lộc Chánh	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	6476/QĐ-UBND 17/12/2024	3.069	3.069	2025	60	1.437	9/17/2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11
5	Hệ thống chiếu sáng Hương lộ 2 (từ Ngã 3 Cây Trắc đến Ngã 3 Lộc Hưng)	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	6455/QĐ-UBND 16/12/2025	3.000	3.000	2025	50	1.457	30/05/2025	
6	Sửa chữa Trường THCS Lộc Hưng	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	6495/QĐ-UBND 17/12/2024	4.770	4.770	2025	30	4.520	9/5/2025	
7	Mái che tiểu trại, lối đi, thoát nước Khu vực tuyến quân tại Khu di tích Rừng Khi	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	492/QĐ-UBND 13/02/2025	1.089	1.089	2025	-	37	29/04/2025	
8	Đường An Hội 2	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	4278a/QĐ-UBND 21/5/2025	4.665	4.665	2025	-	150	Dự kiến 27/12/2025	
9	Nâng cấp tuyến đường Gia Huỳnh 2	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	4270/QĐ-UBND 20/5/2025	5.162	5.162	2025	-	190	Dự kiến 27/12/2025	
10	Đường An Phú 7	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	4276a/QĐ-UBND 21/5/2025	5.132	5.132	2025	-	56	Dự kiến 27/12/2025	
11	Cống thoát nước Bàu Mây - Suối Sâu	Ban QLDA ĐTXD thị xã Trảng Bàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực 3	4269a/QĐ-UBND 20/5/2025	10.000	10.000	2025	-	47	Dự kiến 27/12/2025	
12	Sở chỉ huy thống nhất thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Mật danh:	Ban CHQS huyện Trảng Bàng	Bộ CHQS tỉnh	329/QĐ-QK, 26/6/2024	22.200	22.200	2025	6.700	13.060	dự án giao theo chế độ mật	

Phụ lục 8

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

NGUỒN VỐN: XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG VÀ THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN ĐIỀU CHUYỂN VỀ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

Đính kèm Nghị quyết số: 07/NQ-HĐND ngày 07/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS nhà nước					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
	TỔNG CỘNG				**896.751,74**	**109.641,76**	-	**310.987,55**	**119.190**		
A	**Nguồn vốn Ngân sách tập trung (42-300)**				**109.641,76**	**109.641,76**		**300,00**	**11.190**		
	Khởi công mới				**109.641,76**	**109.641,76**		**300,00**	**11.190**		
1	Xây mới 05 phòng học và 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Bến Rộng (Bến Chò)	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 983/QĐ-UBND ngày 02/4/2025	5.424,89	5.424,89	2025	-	50,00	2025	
2	Xây mới 05 phòng học và 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Phước Trạch	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 9811/QĐ-UBND ngày 02/4/2025	4.734,35	4.734,35	2025	-	50,00	2025	
3	Xây mới 15 phòng học và 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Thanh Hà	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 1968/QĐ-UBND ngày 28/5/2025	12.343,99	12.343,99	2025	-	80,00	2026	
4	Xây mới 20 phòng học và 02 phòng bộ môn Trường Tiểu học Trâm Vàng	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2265/QĐ-UBND ngày 16/6/2025	19.558,20	19.558,20	2025	-	100,00	2026	
5	Xây mới 10 phòng học và 02 phòng bộ môn Trường Tiểu học Phước Hòa	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 1084/QĐ-UBND ngày 09/4/2025	12.678,01	12.678,01	2025	-	50,00	2025	
6	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Ấp 4 Bàu Đồn	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 1022/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	762,30	762,30	2025	-	20,00	2025	
7	Xây mới nhà thi đấu đa năng và 01 phòng bộ môn Trường THCS Thanh Phước	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 1023/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	3.777,81	3.777,81	2025	-	50,00	2025	
8	Xây mới 01 phòng bộ môn và 01 Nhà đa năng Trường THCS Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 1025/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	3.718,33	3.718,33	2025	-	50,00	2025	
9	Cải tạo sân nền Trường Tiểu học Ấp 5 Bàu Đồn	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 1131/QĐ-UBND ngày 17/4/2024	575,42	575,42	2025	-	450,00	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS nhà nước					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
10	Cải tạo, sửa chữa Trường mầm non Phước Thạnh (điểm chính)	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 980/QĐ-UBND ngày 02/4/2025	452,81	452,81	2025	-	350,00	2025	
11	Cải tạo, sửa chữa Trường Tiểu học Xóm Bố (điểm Tầm Lanh)	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 979/QĐ-UBND ngày 02/4/2025	947,49	947,49	2025	-	800,00	2025	
12	Cải tạo sân nền Trường Tiểu học Thanh Hà	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 982/QĐ-UBND ngày 02/4/2025	670,79	670,79	2025	-	600,00	2025	
13	Sửa chữa trường Tiểu học Xóm Mới	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 1130/QĐ-UBND ngày 17/4/2025	957,14	957,14	2025	-	800,00	2025	
14	Hệ thống đèn trang trí tỉnh lộ 782 (đoạn từ cầu Cây Trường đến Ngã ba Bàu Đồn)	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 1393/QĐ-UBND ngày 26/4/2024	5.546,78	5.546,78	2024	150,00	3.500,00	2025	
15	Nâng cấp đường dây điện phục vụ hệ thống chiếu sáng công cộng đường tỉnh lộ 782 (đoạn từ cầu Cây Trường đến Ngã ba Bàu Đồn)	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 3243/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	7.178,95	7.178,95	2024	150,00	4.090,00	2025	
16	Nâng cấp, mở rộng Cầu Ô, xã Phước Thạnh - Phước Đông, huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 3434/QĐ-UBND ngày26/6/2025	11.814,98	11.814,98	2025	-	100,00	2026	
17	Nâng cấp mở rộng đường Dương Văn Nốt	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2301/QĐ-UBND ngày 17/6/2025	18.499,52	18.499,52	2025	-	50,00	2026	
C	**Nguồn vốn sử dụng đất (44-304)**				**787.109,98**			**310.687,55**	**108.000**		
	Dự án chuyển tiếp				**386.354,90**			**215.364,97**	**61.153,65**		
1	Sửa chữa Trường Tiểu học Phước Trạch	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4019/QĐ-UBND ngày 27/9/2024	1.367,53	1.367,53	2024	450,00	771,23	2025	
2	Sửa chữa trường THCS Trần Hưng Đạo	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4020/QĐ-UBND ngày 27/9/2024	1.659,84	1.659,84	2024	500,00	853,05	2025	
3	Sửa chữa Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng xã Phước Trạch	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4021/QĐ-UBND ngày 27/9/2024	681,53	681,53	2024	400,00	235,19	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS nhà nước					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
4	Sửa chữa Trường THCS Lê lợi	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024	1.086,13	1.086,13	2024	680,00	322,63	2025	
5	Sửa chữa Trường tiểu học Phước Hội	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4033/QĐ-UBND ngày 27/9/2024	1.065,82	1.065,82	2024	650,00	329,85	2025	
6	Xây mới 02 phòng bộ môn Trường Tiểu học Thanh Bình	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2777/QĐ-UBND ngày 01/7/2024	1.472,13	1.472,13	2024	970,00	459,52	2025	
7	Xây mới 02 phòng bộ môn Trường Tiểu học Bàu Đồn	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2778/QĐ-UBND ngày 01/7/2024	1.464,48	1.464,48	2024	970,00	392,44	2025	
8	Nhà đa năng Trường THCS Bàu Đồn	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 3365/QĐ-UBND ngày 12/8/2024	2.579,86	2.579,86	2024	1.005,00	568,31	2025	
9	Sửa chữa và cải tạo mương đường số 20, đường nhánh số 20 và đường số 22 ấp Xóm Mía , xã Phước Trạch	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4046/QĐ-UBND ngày 30/9/2024	3.665,17	3.665,17	2024	1.349,69	1.434,62	2025	
10	Sửa chữa đường và cải tạo mương đường số 7 ấp Bàu Vừng, xã Phước Trạch	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4047/QĐ-UBND ngày 30/9/2024	767,48	767,48	2024	520,00	133,96	2025	
11	Cải tạo mương đường số 1A và đường nhánh 1B xã Phước Trạch	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4048/QĐ-UBND ngày 30/9/2024	2.429,15	2.429,15	2024	880,00	909,65	2025	
12	Nâng cấp BTXM Đường trục ấp đường tổ 13 và tổ 10-14 ấp Bàu Vừng, xã Phước Trạch	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4038/QĐ-UBND ngày 27/9/2024	1.250,19	1.250,19	2024	450,00	568,52	2025	
13	Láng nhựa đường trục ấp đường liên ấp Cẩm Long - Cẩm Bình (đường Cẩm Giang 7), xã Cẩm Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4052/QĐ-UBND ngày 30/9/2024	1.349,04	1.349,04	2024	450,00	503,20	2025	
14	Láng nhựa đường trục ấp đường số 15 QL22B ấp Cẩm Long, xã Cẩm Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4053/QĐ-UBND ngày 30/9/2024	2.339,87	2.339,87	2024	750,00	916,97	2025	
15	Láng nhựa đường trục ấp nhánh đường số 19 đoạn tổ 6,7,13 ấp Cẩm Bình, xã Cẩm Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4054/QĐ-UBND ngày 30/9/2024	1.261,39	1.261,39	2024	450,00	442,61	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS nhà nước					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
16	Làm mới mương thoát nước và sửa chữa đường vào Công ty Cổ phần cao su Tây Ninh, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4059/QĐ-UBND ngày 30/9/2024	5.137,75	5.137,75	2024	1.850,00	1.936,93	2025	
17	Nâng cấp, mở rộng đường liên ấp đường số 1-QL22B (Đường liên ấp Bông Trang-Bến Chò), xã Thạnh Đức	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 3766/QĐ-UBND ngày 16/9/2024	6.337,46	6.337,46	2024	2.230,00	2.274,87	2025	
18	Nâng cấp láng nhựa Đường liên ấp Bến Đình - Trà Võ (nhà nghỉ Thanh Việt), xã Thạnh Đức	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 3767/QĐ-UBND ngày 16/9/2024	1.404,08	1.404,08	2024	500,00	475,18	2025	
19	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCNĐ Đường trục ấp đường tổ 06 Đuôi Sa ấp Rộc B xã Thạnh Đức	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 3774/QĐ-UBND ngày 16/9/2024	1.465,41	1.465,41	2024	550,00	675,75	2025	
20	Sửa chữa, cải tạo đường số 22 ấp Phước Hội B, xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 3777/QĐ-UBND ngày 16/9/2024	1.440,40	1.440,40	2024	540,00	571,58	2025	
21	Sửa chữa đường và cải tạo mương thoát nước đường đến trung tâm xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4063/QĐ-UBND ngày 30/9/2024	6.390,85	6.390,85	2024	2.290,00	2.288,08	2025	
22	Khu tái định cư thị trấn Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 6318/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	318.955,75	318.955,75	2023	185.410,28	36.870,00	2024	
23	Nâng cấp đường và cống Cầu Độn, huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4379/QĐ-UBND ngày 06/11/2023	4.694,80	4.694,80	2024	3.500,00	482,71	2024	
24	Nâng cấp đường và cống Cầu Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4380/QĐ-UBND ngày 06/11/2023	3.463,24	3.463,24	2024	2.000,00	836,83	2024	
25	Nâng cấp và mở rộng cầu Thí, xã Hiệp Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4378/QĐ-UBND ngày 06/11/2023	8.744,72	8.744,72	2024	5.000,00	1.900,00	2024	
26	Chỉnh trang đô thị thị trấn Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4071/QĐ-UBND ngày 01/10/2024	3.880,80	3.880,80	2024	1.020,00	2.000,00	2025	
27	Sở chỉ huy thống nhất huyện Gò Dầu tỉnh Tây Ninh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV5	Số 04/QĐ-QK ngày 01/10/2023	15.000,00	15.000,00			2.000,00	2025	
	Khởi công mới				**158.790,90**			-	**32.832,92**		

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS nhà nước					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1	Xây mới 05 phòng học và 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Bến Rộng (Bến Chò)	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 983/QĐ-UBND ngày 02/4/2025	5.424,89	5.424,89	2025	-	400,00	2025	
2	Xây mới 05 phòng học và 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Phước Trạch	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 9811/QĐ-UBND ngày 02/4/2025	4.734,35	4.734,35	2025	-	400,00	2025	
3	Xây mới 15 phòng học và 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Thanh Hà	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 1968/QĐ-UBND ngày 28/5/2025	12.343,99	12.343,99	2025	-	500,00	2025	
4	Xây mới 20 phòng học và 02 phòng bộ môn Trường Tiểu học Trâm Vàng	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2265/QĐ-UBND ngày 16/6/2025	19.558,20	19.558,20	2025	-	500,00	2026	
5	Xây mới 10 phòng học và 02 phòng bộ môn Trường Tiểu học Phước Hòa	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 1084/QĐ-UBND ngày 09/4/2025	12.678,01	12.678,01	2025	-	400,00	2025	
6	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Ấp 4 Bàu Đồn	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 1022/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	762,30	762,30	2025	-	100,00	2025	
7	Xây mới nhà thi đấu đa năng và 01 phòng bộ môn Trường THCS Thanh Phước	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 1023/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	3.777,81	3.777,81	2025	-	200,00	2025	
8	Xây mới 01 phòng bộ môn và 01 Nhà đa năng Trường THCS Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 1025/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	3.718,33	3.718,33	2025	-	200,00	2025	
9	Cải tạo sân nền Trường Tiểu học Ấp 5 Bàu Đồn	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 1131/QĐ-UBND ngày 17/4/2024	575,42	575,42	2025	-	64,41	2025	
10	Cải tạo, sửa chữa Trường mầm non Phước Thạnh (điểm chính)	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 980/QĐ-UBND ngày 02/4/2025	452,81	452,81	2025	-	70,42	2025	
11	Cải tạo, sửa chữa Trường Tiểu học Xóm Bố (điểm Tầm Lanh)	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 979/QĐ-UBND ngày 02/4/2025	947,49	947,49	2025	-	78,52	2025	
12	Cải tạo sân nền Trường Tiểu học Thanh Hà	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 982/QĐ-UBND ngày 02/4/2025	670,79	670,79	2025	-	29,97	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS nhà nước					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
13	Sửa chữa trường Tiểu học Xóm Mới	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 1130/QĐ-UBND ngày 17/4/2025	957,14	957,14	2025	-	91,74	2025	
14	Xây dựng và lắp đặt hệ thống PCCC trường tiểu học Đá hàng	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 1587/QĐ-UBND ngày 15/05/2025	2.804,87	2.804,87	2025	-	1.500,00	2025	
15	Xây dựng và lắp đặt hệ thống PCCC trường mầm non Cẩm Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 1969/QĐ-UBND ngày 28/5/2025	1.704,09	1.704,09	2025	-	1.500,00	2025	
16	Xây dựng và lắp đặt hệ thống PCCC trường Mầm non Liên cơ	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 1024/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	2.459,25	2.459,25	2025	-	1.500,00	2025	
17	Hệ thống PCCC Trường Mầm non Trần Thị Sanh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 1970/QĐ-UBND ngày 28/5/2025	2.361,79	2.361,79	2025	-	1.000,00	2025	
18	Sửa chữa, cải tạo khu căn cứ Lõm	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4862/QĐ-UBND ngày 05/12/2024	1.100,04	1.100,04	2025	-	1.068,68	2025	
19	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCNĐ đường tổ 20 ấp 2 xã Bàu Đồn	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 957/QĐ-UBND ngày 01/4/2025	591,71	591,71	2025	-	410,00	2025	
20	BTXM Đường trục ấp đường số 72 ấp 4 xã Bàu Đồn	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 958/QĐ-UBND ngày 01/4/2025	490,77	490,77	2025	-	360,00	2025	
21	BTXM Đường trục ấp đường số 52 ấp 7 xã Bàu Đồn	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 959/QĐ-UBND ngày 01/4/2025	455,53	455,53	2025	-	310,00	2025	
22	BTXM đường trục ấp hẻm 48 đường Man Chà ấp 7, xã Bàu Đồn	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 960/QĐ-UBND ngày 01/4/2025	919,65	919,65	2025	-	610,00	2025	
23	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường xe Xứ ấp 7, xã Bàu Đồn	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 961/QĐ-UBND ngày 01/4/2025	772,14	772,14	2025	-	510,00	2025	
24	BTXM Đường trục ấp đường số 66 và 76 ấp 5 xã Bàu Đồn	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 962/QĐ-UBND ngày 01/4/2025	639,12	639,12	2025	-	460,00	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS nhà nước					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
25	Nâng cấp, mở rộng đường số 70- 782 ấp 5 (Đường cổng chào Văn hóa Ấp 5), xã Bàu Đồn	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 1347/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	5.624,49	5.624,49	2025	-	3.810,00	2025	
26	Nâng cấp, mở rộng đường số 5- 782, xã Phước Đông	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 1348/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	17.468,64	17.468,64	2025	-	10.210,00	2025	
27	Nâng cấp BTXM đường số 02 ấp Cẩm Long (đường Chòm Dừa), xã Cẩm Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 1034/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	608,66	608,66	2025	-	460,00	2025	
28	Nâng cấp đường số 12 và đường tổ 29, 30, 31, 32 xóm dầu ấp Cẩm Bình (đoạn tạp hóa cây mẹ chị Thủy đến nhà ông 7 Tạc) ấp Cẩm Bình, xã Cẩm Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 1035/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	2.303,79	2.303,79	2025	-	1.610,00	2025	
29	Nâng cấp BTXM đường tổ 9, 10 ấp Cẩm An, xã Cẩm Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 1036/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	623,47	623,47	2025	-	410,00	2025	
30	Láng nhựa đường tổ 08 ấp Cẩm Long (đường nhà út Dậy, 7 Biển), xã Cẩm Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 1037/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	774,34	774,34	2025	-	510,00	2025	
31	Nâng BTXM đường trục ấp đường tổ 27 ấp Cẩm An, xã Cẩm Giang (tiếp giáp đường số 27 vào ao cá ấp Cẩm An)	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 1038/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	850,38	850,38	2025	-	560,00	2025	
32	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường xuống bến ấp Cẩm An, xã Cẩm Giang (đoạn đình Cẩm An đi ngang nhà ông Ấn xuống ruộng)	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 1039/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	570,15	570,15	2025	-	10,00	2025	
33	Nâng cấp phối đá dăm đường trục chính nội đồng tổ 1, ấp Đường Long, xã Thạnh Đức	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 1040/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	1.864,74	1.864,74	2025	-	10,00	2025	
34	Nâng cấp phối đá dăm đoạn giáp Đuôi Sa phần còn lại ấp Đường Long, xã Thạnh Đức	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 1041/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	1.461,97	1.461,97	2025	-	10,00	2025	
35	Nâng cấp BTXM đường trục ấp đường tổ 5-6 ấp Trà Võ, xã Thạnh Đức	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 1042/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	323,30	323,30	2025	-	10,00	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS nhà nước					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
36	Nâng cấp phối đá dăm đường vành đai liên ấp Bến Chò-Bến Rộng, xã Thạnh Đức	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 1043/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	2.422,47	2.422,47	2025	-	10,00	2025	
37	Nâng cấp BTXM đường trục ấp đường tổ 1 ấp Chánh, xã Hiệp Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Quyết định số 1044/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	688,98	688,98	2025	-	10,00	2025	
38	Nâng cấp đường trục ấp đường giáp ranh ấp Xóm Bố và ấp 3, xã Hiệp Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Quyết định số 1045/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	3.047,03	3.047,03	2025	-	10,00	2025	
39	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường tổ 12 ấp Cây Da, xã Hiệp Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Quyết định số 1046/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	617,47	617,47	2025	-	10,00	2025	
40	Nâng cấp BTXM đường trường Mẫu giáo Hiệp Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Quyết định số 1047/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	1.029,36	1.029,36	2025	-	10,00	2025	
41	Nâng cấp, sửa chữa đường trục ấp đường số 15 ấp Giữa, xã Hiệp Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 1048/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	907,59	907,59	2025	-	10,00	2025	
42	Sửa chữa đường và cải tạo mương đường số 3 ấp Cây Ninh, xã Phước Trạch	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 1049/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	1.295,69	1.295,69	2025	-	10,00	2025	
43	Sửa chữa đường và cải tạo mương đường số 29 ấp Xóm Mía, xã Phước Trạch	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 1050/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	2.094,66	2.094,66	2025	-	10,00	2025	
44	Sửa chữa đường nhánh đường số 24 ấp Xóm Mía, xã Phước Trạch	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 1051/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	324,73	324,73	2025	-	10,00	2025	
45	Sửa chữa đường và cải tạo mương đường số 1 (trái tuyến) ấp Cây Ninh , xã Phước Trạch	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 1052/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	1.971,24	1.971,24	2025	-	10,00	2025	
46	Sửa chữa đường tổ 9 ấp Xóm Mía, xã Phước Trạch	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 1053/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	177,78	177,78	2025	-	10,00	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS nhà nước					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
47	Bổ sung hệ thống chiếu sáng đường liên xã Phước Thạnh - Phước Đông	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 1060/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	1.155,25	1.155,25	2025	-	30,00	2025	
48	Láng nhựa Đường trục ấp đường số 24 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 1054/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	1.464,20	1.464,20	2025	-	10,00	2025	
49	Láng nhựa Đường trục ấp đường số 17 (nối tiếp) và đường số 18, ấp Phước An, xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 1055/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	1.883,49	1.883,49	2025	-	10,00	2025	
50	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCNĐ đường nhánh số 317, ấp Phước Hội B, xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 1056/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	289,06	289,06	2025	-	10,00	2025	
51	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 77 (tổ 7), ấp Phước Hòa, xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 1057/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	240,72	240,72	2025	-	10,00	2025	
52	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCNĐ đường nhánh đường số 49 (tổ 3), ấp Phước Hòa, xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 1058/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	535,22	535,22	2025	-	10,00	2025	
53	Sửa chữa, cải tạo đường số 32 ấp Phước Tây, xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 1059/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	598,10	598,10	2025	-	10,00	2025	
54	BTXM đường trục ấp Đường hẻm 49 ấp Cây Xoài xã Thanh Phước	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 963/QĐ-UBND ngày 01/4/2025	425,23	425,23	2025	-	10,00	2025	
55	BTXM đường trục ấp Đường tổ 17 ấp Cây Xoài xã Thanh Phước	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 964/QĐ-UBND ngày 01/4/2025	753,66	753,66	2025	-	10,00	2025	
56	Nâng cấp láng nhựa đường trục ấp đường Hẻm 85 - Đường pháo Binh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 965/QĐ-UBND ngày 01/4/2025	839,91	839,91	2025	-	10,00	2025	
57	Nâng cấp láng nhựa đường trục ấp đường tổ 19 ấp Trâm Vàng 1	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 966/QĐ-UBND ngày 01/4/2025	1.001,59	1.001,59	2025	-	10,00	2025	
58	BTXM đường trục ấp Đường tổ 21 ấp Trâm Vàng 1	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 967/QĐ-UBND ngày 01/4/2025	917,20	917,20	2025	-	10,00	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS nhà nước					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
59	BTXM đường trục ấp đường tổ 1-2 ấp Trăm Vàng 2, xã Thanh Phước	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 968/QĐ-UBND ngày 01/4/2025	508,48	508,48	2025	-	10,00	2025	
60	BTXM đường trục ấp Đường tổ 13 ấp Xóm Mới 2	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 969/QĐ-UBND ngày 01/4/2025	812,80	812,80	2025	-	10,00	2025	
61	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục Đường tổ 6 ấp Xóm Đồng	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 970/QĐ-UBND ngày 01/4/2025	420,66	420,66	2025	-	10,00	2025	
63	Nâng cấp đường dây điện phục vụ hệ thống chiếu sáng công cộng đường tỉnh lộ 782 (đoạn từ cầu Cây Trường đến Ngã ba Bàu Đồn)	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 3243/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	7.178,95	7.178,95	2025	-	679,18	2025	
64	Nâng cấp, mở rộng Cầu Ô, xã Phước Thạnh - Phước Đông, huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 3434/QĐ-UBND ngày26/6/2025	11.814,98	11.814,98	2025	-	2.000,00	2026	
	Dự án chuẩn bị đầu tư				-			-	**230,00**		
1	Xây mới khối nhà làm việc và kho lưu trữ huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4				2025	-	230,00		
	Dự án thanh toán khối lượng và quyết toán				**241.964,18**			**95.322,59**	**13.783,42**		
1	Sửa chữa Nhà văn hóa - Thể thao ấp Bàu Vừng	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4022/QĐ-UBND ngày 27/9/2024	67,61	67,61	2024	50,00	12,79	2025	
2	Sửa chữa, nâng cấp hàng rào Trường Mầm non Cẩm Giang (Điểm chính)	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4025/QĐ-UBND ngày 27/9/2024	463,48	463,48	2024	300,00	110,39	2025	
3	Xây mới hàng rào Nhà văn hóa - Thể thao ấp Cẩm An	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4026/QĐ-UBND ngày 27/9/2024	268,35	268,35	2024	200,00	48,70	2025	
4	Xây mới hàng rào Nhà văn hóa - Thể thao ấp Cẩm Long	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4027/QĐ-UBND ngày 27/9/2024	373,93	373,93	2024	250,00	97,58	2025	
5	Nâng cấp sân nền khuôn viên Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Học tập cộng đồng xã Cẩm Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4028/QĐ-UBND ngày 27/9/2024	594,73	594,73	2024	420,00	94,78	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS nhà nước					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
6	Lắp đặt dụng cụ thể thao ngoài trời xã Cẩm Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4029/QĐ-UBND ngày 27/9/2024	198,76	198,76	2024	150,00	34,03	2025	
7	Lắp đặt dụng cụ thể thao ngoài trời xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4032/QĐ-UBND ngày 27/9/2024	581,48	581,48	2024	440,00	99,05	2025	
8	Sửa chữa Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Học tập cộng đồng xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4034/QĐ-UBND ngày 27/9/2024	590,75	590,75	2024	380,00	169,43	2025	
9	Sửa chữa chợ xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4035/QĐ-UBND ngày 27/9/2024	561,69	561,69	2024	360,00	155,14	2025	
10	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường THCS Lê Lợi	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2776/QĐ-UBND ngày 01/7/2024	717,74	717,74	2024	485,00	185,97	2025	
11	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Cẩm Long	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2769/QĐ-UBND ngày 01/7/2024	641,83	641,83	2024	485,00	112,62	2025	
12	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Cẩm An	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2780/QĐ-UBND ngày 01/7/2024	659,22	659,22	2024	485,00	142,68	2025	
13	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Cẩm Thắng	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2781/QĐ-UBND ngày 01/7/2024	642,29	642,29	2024	485,00	129,58	2025	
14	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Bến Rộng (điểm chính)	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2770/QĐ-UBND ngày 01/7/2024	688,98	688,98	2024	485,00	172,11	2025	
15	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Ấp Rộc	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2779/QĐ-UBND ngày 01/7/2024	672,47	672,47	2024	485,00	167,60	2025	
16	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Xóm Bố (điểm chính)	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2775/QĐ-UBND ngày 01/7/2024	679,13	679,13	2024	485,00	145,51	2025	
17	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Xóm Bố (điểm Tầm Lanh)	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2774/QĐ-UBND ngày 01/7/2024	671,45	671,45	2024	485,00	142,08	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS nhà nước					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
18	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Cây Da	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 3237/QĐ-UBND ngày 26/7/2024	683,34	683,34	2024	485,00	182,22	2025	
19	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường THCS Hiệp Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2782/QĐ-UBND ngày 01/7/2024	768,94	768,94	2024	485,00	227,39	2025	
20	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Xóm Mới	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2773/QĐ-UBND ngày 01/7/2024	736,77	736,77	2024	485,00	227,88	2025	
21	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Phước Hội	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2771/QĐ-UBND ngày 01/7/2024	691,44	691,44	2024	485,00	189,95	2025	
22	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Bàu Đồn (điểm ấp 3)	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2772/QĐ-UBND ngày 01/7/2024	719,02	719,02	2024	485,00	213,38	2025	
23	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Ấp 5 Bàu Đồn	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 3238/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	700,24	700,24	2024	485,00	197,52	2025	
24	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Ấp 6 Bàu Đồn	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 3239/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	709,49	709,49	2024	485,00	176,86	2025	
25	Nhà làm việc công an xã Bàu Đồn	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4991/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	3.830,86	3.830,86	2024	3.185,00	277,60	2024	
26	Nhà làm việc công an xã Phước Đông	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2042/QĐ-UBND ngày 23/06/2023	3.170,80	3.170,80	2024	2.700,00	336,72	2024	
27	Nhà làm việc công an xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2041/QĐ-UBND ngày 23/06/2023	3.170,73	3.170,73	2024	2.600,00	227,25	2024	
28	Sửa chữa trường Tiểu học Đá hàng	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4979/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	2.503,19	2.503,19	2024	2.100,00	136,72	2024	
29	Sửa chữa trường Tiểu học Bàu Đồn	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4980/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	1.027,52	1.027,52	2024	863,17	85,49	2024	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS nhà nước					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
30	Sửa chữa hàng rào trường Trung học cơ sở Lê Lợi	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4981/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	175,44	175,44	2024	136,84	0,79	2024	
31	Xây mới khối nhà thực hành trường THCS Hiệp Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4982/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	2.196,88	2.196,88	2024	1.700,00	193,12	2024	
32	Xây dựng nền tảng 3D bảo tồn, quảng bá văn hóa, du lịch địa phương trên địa bàn huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 520/QĐ-UBND ngày 05/3/2024	1.496,00	1.496,00	2024	790,00	247,29	2024	
33	Xây mới phòng Hồ Chí Minh trụ sở Ban chỉ huy quân sự huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 3765/QĐ-UBND ngày 16/9/2024	616,46	616,46	2024	300,00	310,72	2025	
34	Sửa chữa, cải tạo trụ sở Huyện ủy và UBND huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4036/QĐ-UBND ngày 27/9/2024	1.052,27	1.052,27	2024	850,00	154,24	2025	
35	Nhà tang lễ huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 5136/QĐ-UBND, ngày 17/11/2022	7.391,83	7.391,83	2023	6.881,57	34,51	2023	
36	Láng nhựa đường trục ấp đường số 1A ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2754/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	1.621,64	1.621,64	2024	1.240,00	22,93	2024	
37	Láng nhựa đường trục ấp đường tổ 5 (đi nhà 7 Hun) ấp Phước Bình A, xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2755/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	1.232,38	1.232,38	2024	1.045,00	35,46	2024	
38	Láng nhựa đường trục ấp đường số 33 ấp Phước An, xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2756/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	1.054,45	1.054,45	2024	910,00	34,16	2024	
39	Láng nhựa đường trục ấp đường số 31 ấp Phước An, xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2757/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	528,77	528,77	2024	465,00	7,40	2024	
40	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục chính nội đồng đường nhánh số 28 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2758/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	647,24	647,24	2024	570,00	6,69	2024	
41	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục chính nội đồng đường số 26 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2759/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	548,45	548,45	2024	485,00	5,15	2024	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS nhà nước					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
42	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCNĐ đường tổ 2 - tổ 8 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2760/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	2.135,87	2.135,87	2024	1.635,00	60,38	2024	
43	Láng nhựa đường trục ấp đường 74 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2761/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	1.630,45	1.630,45	2024	1.215,00	45,53	2024	
44	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường nhánh (Tổ 1) trục chính nội đồng đường số 72 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2762/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	692,69	692,69	2024	595,00	25,60	2024	
45	Láng nhựa đường trục ấp đường số 52 nối tiếp ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2763/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	1.066,73	1.066,73	2024	920,00	36,01	2024	
46	Láng nhựa đường trục ấp đường nhánh số 22 ấp Phước Hội B, xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2764/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	1.155,17	1.155,17	2024	1.025,00	9,27	2024	
47	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh số 52 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2765/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	404,61	404,61	2024	345,00	16,02	2024	
48	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục chính nội đồng đường nhánh số 32 ấp Phước Tây, xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2769/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	791,76	791,76	2024	685,00	11,67	2024	
49	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường hẻm 84 ấp Phước Bình A, xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2767/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	327,18	327,18	2024	280,00	2,99	2024	
50	Láng nhựa đường trục ấp đường cặp văn phòng ấp Phước Bình A, xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2768/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	1.202,60	1.202,60	2024	1.065,00	9,80	2024	
51	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 04 ấp Phước An, xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2769/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	637,85	637,85	2024	560,00	8,89	2024	
52	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCNĐ đường số 30 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2770/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	640,63	640,63	2024	570,00	3,67	2024	
53	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 29 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2771/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	303,82	303,82	2024	265,00	5,98	2024	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS nhà nước					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
54	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 76 ấp Phước Hòa, xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2772/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	264,01	264,01	2024	230,00	5,84	2024	
55	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh đường Phước Thạnh - Phước Đông (Đường Cầu Ô) Nhà ông Tư Lao ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2773/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	191,52	191,52	2024	170,00	1,21	2024	
56	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCNĐ đường nhánh đường Phước Thạnh - Phước Đông (Đường Cầu Ô) Nhà trọ Ngân Khánh - đất ruộng ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2774/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	653,04	653,04	2024	580,00	5,07	2024	
57	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 4 ấp Phước Đông (2 đoạn), xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2775/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	814,41	814,41	2024	720,00	9,27	2024	
58	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCNĐ đường nhánh đường số 72 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh (nhà ông Đắc)	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2776/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	863,26	863,26	2024	755,00	6,25	2024	
59	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh số 24 ấp Phước Đông (3 đoạn), xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2777/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	1.330,45	1.330,45	2024	1.140,00	12,12	2024	
60	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh số 317 (Đoạn 2)(tổ 7 nhà Út Chúa và nhà bà Thía) ấp Phước Hội A, xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2778/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	678,69	678,69	2024	550,31	3,16	2024	
61	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh số 49 ấp Phước Hòa, xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2779/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	526,24	526,24	2024	445,00	4,49	2024	
62	BTXM đường trục ấp đường Cầu Tư Hu ấp Phước Đông , xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2780/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	531,42	531,42	2024	475,00	8,27	2024	
63	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường tổ 2 ấp Phước Đông (Đường xuống nhà bà Bội)	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2781/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	301,39	301,39	2024	260,00	9,97	2024	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS nhà nước					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
64	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp, ấp Phước Đông (Đường nhà ông Đặng Văn Rành)	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2782/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	341,70	341,70	2024	280,00	5,06	2024	
65	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 36+46 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2783/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	857,98	857,98	2024	750,00	9,96	2024	
66	Láng nhựa đường trục ấp đường số 103, ấp Phước Tây, xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2784/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	392,57	392,57	2024	335,00	12,63	2024	
67	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 62+66 ấp Phước Hòa, xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2785/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	690,05	690,05	2024	590,00	11,72	2024	
68	BTXM Đường trục ấp đường số 90, ấp Phước Bình A, xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2786/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	572,04	572,04	2024	515,00	6,51	2024	
69	BTXM đường trục ấp đường tổ 3 ấp Giữa, xã Hiệp Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2787/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	590,17	590,17	2024	530,00	8,07	2024	
70	BTXM đường trục ấp đường hèm 2 Đồi - 3 Giang ấp Giữa, xã Hiệp Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2788/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	622,70	622,70	2024	560,00	7,64	2024	
71	BTXM đường và mương đường trục ấp đường tổ 12 ấp Phước Đức B, xã Phước Đông	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2792/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	567,29	567,29	2024	485,00	28,34	2024	
72	Láng nhựa đường trục ấp đường số 29-782 ấp Suối Cao B, xã Phước Đông	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2795/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	1.171,86	1.171,86	2024	950,00	98,33	2024	
73	BTXM đường và mương đường trục ấp đường tổ 12 ấp Suối Cao A, xã Phước Đông	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2796/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	523,07	523,07	2024	420,00	32,71	2024	
74	BTXM đường trục ấp đường số 54 ấp 4 xã Bàu Đồn	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2798/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	476,51	476,51	2024	410,00	17,03	2024	
75	BTXM đường trục ấp đường số 56 ấp 4 xã Bàu Đồn	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2799/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	724,50	724,50	2024	650,00	10,47	2024	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS nhà nước					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
76	BTXM đường trục ấp đường tổ 9 ấp Bến Đình, xã Thạnh Đức	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2805/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	576,48	576,48	2024	500,00	7,70	2024	
77	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường tổ 8-9 Cầu Cây Dương ấp Bến Rộng, xã Thạnh Đức	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2807/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	980,85	980,85	2024	845,00	8,60	2024	
78	Hệ thống chiếu sáng công cộng các tuyến đường giao thông nông thôn mới xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 5338/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	2.077,03	2.077,03	2024	1.300,00	45,59	2024	
79	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng trên tuyến đường Man Chà ấp 7, xã Bàu Đồn	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2824/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	2.419,43	2.419,43	2024	1.270,00	58,49	2024	
80	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng trên tuyến đường Cầm An-Láng Cát ấp Cầm An, xã Cẩm Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2825/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	1.411,08	1.411,08	2024	875,00	31,75	2024	
81	BTXM đường liên tổ 11-12-9 (hộ Nguyễn Văn Lặc đến hộ bà Phạm Thị Đèn) ấp Cẩm Thắng, xã Cẩm Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2823/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	768,54	768,54	2024	450,00	229,42	2025	
82	BTXM đường liên tổ 15-16-17 (hộ Trần Văn Nhã đến hộ ông Nguyễn Văn Thông) ấp Cẩm Thắng, xã Cẩm Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2820/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	693,45	693,45	2024	400,00	228,87	2025	
83	BTXM đường liên tổ 11-13 (hộ Lê Thị Nhờ đến hộ ông Nguyễn Hoàn Tuấn) ấp Cẩm Thắng, xã Cẩm Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2822/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	602,36	602,36	2024	350,00	180,48	2025	
84	BTXM đường liên tổ 14-15 (hộ Phạm Văn Bạch đến hộ ông Nguyễn Văn Thanh) ấp Cẩm Thắng, xã Cẩm Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2821/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	471,32	471,32	2024	300,00	115,63	2025	
85	Láng nhựa đường trục ấp đường số 5 ấp Xóm Bố, xã Hiệp Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2790/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	2.561,85	2.561,85	2024	1.500,00	237,97	2025	
86	BTXM đường trục ấp đường số 4 ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2818/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	1.685,56	1.685,56	2024	1.000,00	276,55	2025	
87	Láng nhựa đường trục ấp đường tổ 3, tổ 4 ấp Cây Da, xã Hiệp Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2789/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	1.401,29	1.401,29	2024	850,00	180,55	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS nhà nước					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
88	BTXM đường trục ấp đường đối diện VP ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2817/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	771,42	771,42	2024	450,00	222,48	2025	
89	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường tổ 4 (2 nhánh) ấp Cây Da, xã Hiệp Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2819/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	399,64	399,64	2024	250,00	103,85	2025	
90	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường tổ 02 ấp Cầu Sắt xã Thạnh Đức	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2808/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	466,28	466,28	2024	300,00	112,95	2025	
91	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường tổ 03 Đồng lúa gieo ấp Rộc B xã Thạnh Đức	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 2806/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	1.661,97	1.661,97	2024	1.000,00	200,89	2025	
92	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCNĐ tổ 8-9 và tổ 12 ấp Bàu Vừng, xã Phước Trạch	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4039/QĐ-UBND ngày 27/9/2024	715,28	715,28	2024	520,00	143,78	2025	
93	Nâng cấp BTXM Đường trục ấp đường số 4 ấp Bàu Vừng, xã Phước Trạch	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4041/QĐ-UBND ngày 27/9/2024	214,85	214,85	2024	160,00	38,94	2025	
94	Sửa chữa đường số 24 ấp Xóm Mía, xã Phước Trạch	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4037/QĐ-UBND ngày 27/9/2024	467,56	467,56	2024	320,00	110,24	2025	
95	Cải tạo mương đường số 5 ấp Cây Ninh, xã Phước Trạch	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4040/QĐ-UBND ngày 27/9/2024	877,70	877,70	2024	600,00	141,33	2025	
96	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng đường số 23 ấp Bàu Vừng	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4049/QĐ-UBND ngày 30/9/2024	884,67	884,67	2024	625,00	185,35	2025	
97	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng đường số 25 ấp Cây Ninh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4050/QĐ-UBND ngày 30/9/2024	531,07	531,07	2024	400,00	88,72	2025	
98	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCNĐ đường liên ấp Cẩm An - Cẩm Bình, xã Cẩm Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4051/QĐ-UBND ngày 30/9/2024	740,11	740,11	2024	500,00	185,76	2025	
99	BTXM đường trục ấp đường tổ 16-17-15; tổ 14-15; tổ 11-13 và tổ 11-12-9 ấp Cẩm Thắng, xã Cẩm Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4055/QĐ-UBND ngày 30/9/2024	589,13	589,13	2024	450,00	75,64	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS nhà nước					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
100	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng đường số 17 Cẩm Bình - Cẩm Long (đường nhựa ven trường học Cẩm Long)	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4056/QĐ-UBND ngày 30/9/2024	887,81	887,81	2024	650,00	170,40	2025	
101	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng đường số 3 (đường Lon - Cây Cầy) ấp Cẩm Thắng, xã Cẩm Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4057/QĐ-UBND ngày 30/9/2024	667,18	667,18	2024	510,00	97,28	2025	
102	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 12 ấp Tầm Lanh, xã Hiệp Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4058/QĐ-UBND ngày 30/9/2024	969,84	969,84	2024	720,00	179,28	2025	
103	Nâng cấp Kênh nối tiếp KC N8-13 nội đồng	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4060/QĐ-UBND ngày 30/9/2024	991,11	991,11	2024	650,00	245,94	2025	
104	Nâng cấp Kênh nối tiếp KC N8-15 tại K2+812 nội đồng	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4061/QĐ-UBND ngày 30/9/2024	539,91	539,91	2024	400,00	87,03	2025	
105	Nâng cấp cống ngăn triều trên bờ hữu Suối Cà năm (T4B Rạch Nho)	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 4062/QĐ-UBND ngày 30/9/2024	183,27	183,27	2024	130,00	34,81	2025	
106	Nâng cấp láng nhựa Đường số 6-QL22B ấp Bông Trang, xã Thạnh Đức	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 3771/QĐ-UBND ngày 16/9/2024	835,95	835,95	2024	630,00	138,75	2025	
107	Sửa chữa đảm bảo giao thông Đường tổ 5-6-7 và đường 9/5 (tổ 15) ấp Bến Rộng xã Thạnh Đức	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 3776/QĐ-UBND ngày 16/9/2024	559,34	559,34	2024	420,00	99,72	2025	
108	Nâng cấp BTXM Đường trục ấp đường tổ 12-13 ấp Bến Rộng xã Thạnh Đức	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 3775/QĐ-UBND ngày 16/9/2024	1.022,44	1.022,44	2024	760,00	188,41	2025	
109	Nâng cấp BTXM Đường trục ấp đường nhánh đường số 14 - QL 22B, ấp Trà Võ xã Thạnh Đức	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 3772/QĐ-UBND ngày 16/9/2024	656,48	656,48	2024	490,00	114,74	2025	
110	Sửa chữa Đường số 15 ấp Bến Mương xã Thạnh Đức	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 3773/QĐ-UBND ngày 16/9/2024	800,50	800,50	2024	580,00	155,12	2025	
111	Nâng cấp BTXM Đường trục ấp đường nhánh số 22 (tổ 8-9-10) ấp Phước Phước Hội B, xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 3769/QĐ-UBND ngày 16/9/2024	696,74	696,74	2024	530,00	113,85	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS nhà nước					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
112	Sửa chữa đường Lon ấp Phước Hoà - Phước Đông, xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 3770/QĐ-UBND ngày 16/9/2024	808,22	808,22	2024	610,00	138,88	2025	
113	Nâng cấp BTXM Đường trục ấp đường nhánh đường hẻm 293 ấp Phước Hội A, xã Phước Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 3768/QĐ-UBND ngày 16/9/2024	490,44	490,44	2024	360,00	92,62	2025	
114	Hệ thống chiếu sáng đường Quốc lộ 22 (đoạn từ Thị trấn Gò Dầu đến nhà thờ Bình Nguyên)	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 5012/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	9.822,79	9.822,79	2024	6.000,00	204,86	2024	
115	Hệ thống đèn trang trí Quốc lộ 22 và Quốc lộ 22B thị trấn Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 5010/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	1.179,89	1.179,89	2024	1.000,00	105,93	2024	
116	Sửa chữa, cải tạo mương thoát nước đường Cao Sơn Tự, xã Phước Trạch	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 5011/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	9.564,65	9.564,65	2024	7.000,00	1.090,69	2024	
117	Bờ kè chống sạt lở và ngập lũ khu dân cư thị trấn Gò Dầu (giai đoạn 1)	Ban QLDA ĐTXD huyện Gò Dầu	Ban QLDA ĐTXD KV4	Số 5030/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	116.296,38	116.296,38	2019	1.060,71	1.212,25		Dừng thực hiện đầu tư

Phụ lục 9

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

NGUỒN VỐN XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG VÀ THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN ĐIỀU CHUYỂN VỀ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

Đính kèm Nghị quyết số :07/NQ-HĐND ngày 07/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG				600.218	247.934		311.741	79.140		
	Nguồn ngân sách tập trung (42-300)				96.752	8.579	0	48.185	4.140		
1	CĐT: Ban QLDA				96.752	8.579		48.185	4.140		
*	Dự án chuyển tiếp				50.666	6.323		48.185	1.218		
1	Đường số 25 ấp 2	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	10046/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	576	107	2024	546	30	2024	
2	Đường 17 - N7 ấp 2	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	10047/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	224	42	2024	213	11	2024	
3	Đường số 7B ấp 3	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	10051/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	603	109	2024	588	15	2024	
4	Đường số 14 ấp 4	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	10054/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	3.352	233	2024	3.317	35	2024	
5	Đường số 15, 17 (nối tiếp) ấp Khởi Trung	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	10019/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	379	67	2024	369	10	2024	
6	Đường số 8 ấp Khởi Hà	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	10020/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	515	81	2024	497	18	2024	
7	Đường số 22,23,24 ấp Khởi Hà	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	10021/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	1.757	323	2024	1.743	14	2024	
8	Đường số 1 ấp Khởi An	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	10023/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	237	45	2024	224	13	2024	
9	Đường số 4 ấp Khởi An	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	10025/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	302	54	2024	288	14	2024	
10	Đường số 6 ấp Khởi An	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	10026/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	209	39	2024	198	11	2024	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
11	Đường số 7 ấp Khởi An	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	10027/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	582	105	2024	571	11	2024	
12	Đường số 8 ấp Khởi An	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	10028/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	80	15	2024	75	5	2024	
13	Đường số 14 ấp Khởi An	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	10029/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	225	42	2024	219	6	2024	
14	Đường nhánh rẽ số 13 ấp Khởi An	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	10030/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	128	24	2024	120	8	2024	
15	Đường nội đồng ấp Khởi An	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	10031/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	1.112	375	2024	1.109	3	2024	
16	Đường số 8 ấp Khởi Nghĩa (nối tiếp)	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	10033/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	183	33	2024	174	9	2024	
17	Đường nhánh rẽ số 2, đường số 6 ấp Khởi Nghĩa	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	10035/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	131	11	2024	120	11	2024	
18	Đường nhà ông 2 Phương ấp Khởi Trung	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	10036/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	358	62	2024	339	19	2024	
19	Duy tu, bảo dưỡng các tuyến đường trên địa bàn xã Cầu Khởi	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	10037/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	557	104	2024	546	11	2024	
20	Đường ấp Phước Lộc, B2	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9897/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	3.144	269	2024	3.084	60	2024	
21	Đường số 12 ấp Phước Lộc	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9908/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	390	96	2024	380	10	2024	
22	Đường số 5 ấp Phước Lộc	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9911/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	297	68	2024	288	9	2024	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
23	Đường số 2 ấp B4	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9927/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	195	46	2024	186	9	2024	
24	Đường số 5 ấp B4	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9929/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	245	51	2024	236	9	2024	
25	Đường số 10 ấp B4	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9931/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	143	18	2024	133	10	2024	
26	Đường số 3 ấp B4	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9934/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	636	134	2024	612	24	2024	
27	Đường số 3 ấp Phước Nghĩa	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9939/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	980	100	2024	880	100	2024	
28	Xây mới 05 phòng học và 02 phòng chức năng Trường TH Phước Minh B	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	1997/QĐ-UBND ngày 20/5/2024	5.791	753	2024	5.019	47	2024	
29	Xây mới 10 phòng học Trường TH Phước Minh B (Điểm Đội 25)	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9935/QĐ-UBND ngày 28/11/20223	6.013	785	2024	5.037	438	2024	
30	Cải tạo, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị trung tâm VHHTCĐ xã Bến Cúi	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	10061/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	608	114	2024	568	40	2024	
31	Nâng cấp, cải tạo, mua sắm trang thiết bị nhà văn hóa ấp 1, ấp 2, ấp 3, ấp 4	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	10062/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	964	170	2024	927	37	2024	
32	Sửa chữa Trung tâm văn hóa và học tập cộng đồng xã Cầu Khởi	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	10040/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	502	88	2024	488	14	2024	
33	Cải tạo nhà văn hóa ấp Khởi An, Khởi Nghĩa, Khởi Trung, Khởi Hà	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	10041/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	1.212	190	2024	1.203	9	2024	
34	Xây mới nhà xe, nâng cấp nền sân phía trước chợ	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	10042/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	254	48	2024	233	21	2024	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
35	Nâng cấp, sửa chữa nghĩa trang nhân dân trên địa bàn xã Cầu Khởi	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	10043/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	234	43	2024	221	13	2024	
36	Trường Tiểu học Phước Minh B	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9943/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	12.190	1.472	2024	12.083	107	2024	
37	Trường mẫu giáo Phước Minh	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9946/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	5.358	7	2024	5.351	7	2024	
*	**Dự án khởi công mới**				**46.086**	**2.256**			**2.922**	0	
a	**Chưa phân bổ**				**530**	**530**			**530**		
b	**Phân bổ cho dự án**				**45.556**	**1.726**		0	**2.392**		
1	Đường số 3; số 4 ấp Ninh Phú	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	3114/QĐ-UBND ngày 13/6/2025	1.155	289	2025	-	289	2025	
2	Đường số 22 ấp Ninh Hiệp	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	3116/QĐ-UBND ngày 13/6/2025	1.375	503	2025	-	353	2025	
3	Đường Dương Minh Châu (Giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	1968/QĐ-UBND ngày 22/4/2025	8.867	523	2025	-	523	2025	
4	Cầu Láng Liêm	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	5470/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	10.967	0	2025	-	490	2025	
5	Xây dựng Trung tâm Văn hóa học tập cộng đồng xã Suối Đá	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	5526/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	13.000	0	2025	-	326	2025	
6	Hệ thống thoát đường số 22 - 22 xã Bàu Năng	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	5461/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	6.400	260	2025	-	260	2025	
7	Nâng cấp Đường số 2, Khu phố 3 Thị trấn Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	2899/QĐ-UBND ngày 04/6/2025	3.792	151	2025	-	151	2025	
	Nguồn thu sử dụng đất (44-304)				**503.466**	**239.355**		**263.556**	**75.000**		
I	**CĐT: BAN QLDA**				**503.466**	**239.355**		**263.556**	**70.100**		
*	**Dự án chuyển tiếp**				**200.122**	**155.224**		**145.408**	**18.775**		

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Đường số 5.1 ấp Phước Nghĩa	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	4341/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	1.464	1.464	2024	900	483	2025	
2	Đường số 8 ấp Phước Lộc A	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	4342/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	1.681	1.681	2024	800	764	2025	
3	Đường tổ 3, 14 Tân Định 2 - Tân Định 1	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	4344/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	1.334	1.334	2024	680	565	2025	
4	Đường tổ 1, 5 ấp Tân Định 2	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	4345/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	1.790	1.790	2024	1.000	665	2025	
5	Đường tổ 1 ấp Phước Hòa	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	4346/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	839	839	2024	444	382	2025	
6	Đường tổ 1, 6, 7, 9, 12 ấp Phước Lợi 2	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	4347/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	3.337	3.337	2024	1.600	1.288	2025	
7	Đường ĐH Trường Mít - Suối Nhánh (ĐH 12)	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	93/QĐ-UBND ngày 22/01/2024	34.452	6.955	2024	-	6.955	2025	
8	Chống ngập úng khu vực cánh đồng Bàu Sọ Trường Mít	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9661/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	2.137	2.137	2024	2.007	84	2024	
9	Đường ĐH Trường Mít - Cầu Khởi (đoạn nối tiếp từ ĐH2 đến Đường số 11 ấp Khởi An)	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9664/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	4.282	4.282	2024	3.846	147	2024	
10	Đường số 15 ấp Ninh Phú	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9670/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	1.431	1.431	2024	1.416	8	2024	
11	Duy tu sửa chữa đường đê bao chống lũ ấp 1	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9671/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	1.380	1.380	2024	1.265	45	2024	
12	Đường tổ 7 Phước An	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9678/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	904	904	2024	840	17	2024	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
13	Đường tổ 9 Bàu Eo ấp Phước Hiệp	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9679/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	1.004	1.004	2024	927	56	2024	
14	Đường số 10 ấp Phước Lộc B	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9681/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	738	738	2024	697	41	2024	
15	Đường số 7, khu phố 4, thị trấn Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9682/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	521	521	2024	476	28	2024	
16	Nâng cấp tuyến đường Tràng Lới ấp Phước Tân	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9683/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	1.172	1.172	2024	1.087	63	2024	
17	Nâng cấp tuyến đường tổ 13-B ấp Bình Linh	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9684/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	1.088	1.088	2024	1.040	48	2024	
18	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Khu E, ấp Khởi Trung, xã Cầu Khởi	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9832/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	3.488	3.488	2024	3.222	153	2024	
19	Đường Phước Lễ - Phước An (Đường Bàu Rong)	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9839/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	4.042	4.042	2024	3.802	139	2024	
20	Đường nhánh rẽ ĐH12 Thuận Tân - Lộc Tân	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9844/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	3.010	3.010	2024	2.827	25	2024	
21	Đường số 7 ấp Khởi Trung	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9845/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	579	579	2024	538	31	2024	
22	Đường Hẻm số 2 Đường số 2 Khởi Nghĩa	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9846/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	336	336	2024	316	14	2024	
23	Đường tổ 1, 3 ấp Phước An	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9847/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	1.787	1.787	2024	1.673	80	2024	
24	Đường số 2 Phước Lễ	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9848/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	1.277	1.277	2024	1.170	7	2024	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
25	Đường hèm số 3 ấp Phước Tân	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9849/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	752	752	2024	699	34	2024	
26	Đường tổ 9 ấp Phước Hiệp	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9850/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	653	653	2024	612	29	2024	
27	Nâng cấp tuyến đường tổ 12-B ấp Bình Linh	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9851/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	1.015	1.015	2024	941	30	2024	
28	Nạo vét mương thoát nước đoạn từ trước trường THCS Chà Là đến kênh tiêu Bến Đình	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9852/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	864	864	2024	810	29	2024	
29	Nâng cấp tuyến đường tổ 12 ấp Ninh Hưng 2	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9853/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	1.333	1.333	2024	1.233	51	2024	
30	Cải tạo sửa chữa 02 bên bờ tuyến đường kênh TN5 ấp Ninh Hưng 1	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9854/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	1.212	1.212	2024	1.144	35	2024	
31	Đường tổ 1A, ấp Phước Hòa	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9855/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	2.370	2.370	2024	2.213	85	2024	
32	Đường liên tổ 3, tổ 9 ấp Phước Bình 2	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9856/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	1.702	1.702	2024	1.604	9	2024	
33	Đường tổ 11, ấp Tân Định 1	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9857/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	1.613	1.613	2024	1.529	31	2024	
34	Đường tổ 15, ấp Phước Hòa	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9858/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	1.060	1.060	2024	926	47	2024	
35	Đường tổ 22, ấp Phước Hòa	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9859/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	516	516	2024	480	24	2024	
36	Hèm số 3 ấp Phước Tân 1	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9860/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	1.265	1.265	2024	1.168	31	2024	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
37	Đường số 25, ấp Phước Bình	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9864/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	1.522	1.522	2024	1.423	69	2024	
38	Đường số 10, ấp Phước Lộc A	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9865/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	1.563	1.563	2024	1.464	8	2024	
39	Đường số 18, ấp Phước Lộc A	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9866/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	1.989	1.989	2024	1.866	81	2024	
40	Đường số 9.2, ấp Phước Nghĩa	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9867/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	1.748	1.748	2024	1.639	77	2024	
41	Đường số 19, ấp B2	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9868/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	557	557	2024	518	31	2024	
42	Nạo vét và đặt cống mương thoát nước (Mương đen) tổ 14, KP4	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9869/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	1.559	1.559	2024	1.463	28	2024	
43	Đường hẻm 226, khu phố 3, thị trấn Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9871/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	380	380	2024	353	13	2024	
44	Nâng cấp mặt đường (từ đường số 37 đến đường số 39), hệ thống thoát nước, vỉa hè đường Chu Văn An, khu phố 4	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9872/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	3.006	3.006	2024	2.500	381	2024	
45	Đoạn cuối đường Chu Văn An đến đường 781 (công an Hồ Nước)	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9873/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	3.796	3.796	2024	2.967	411	2024	
46	Nâng cấp đường số 37, KP4	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	695/QĐ-UBND ngày 28/02/2024	10.000	10.000	2024	9.858	258	2024	
47	Đường nhánh 16-16	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	7350/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	1.955	1.955	2023	2.028	3	2024	
48	Xây mới 09 phòng học và 01 phòng chức năng Trường TH Phước Minh A	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	1995/QĐ-UBND ngày 20/5/2024	6.962	744	2024	5.962	282	2024	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
49	Xây mới 05 phòng học và 02 phòng chức năng Trường TH Phước Minh B	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	1997/QĐ-UBND ngày 20/5/2024	5.791	753	2024	5.019	207	2024	
50	Xây mới 06 phòng học và 02 phòng chức năng Trường THCS Phước Minh	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	1994/QĐ-UBND ngày 20/5/2024	6.775	630	2024	5.876	44	2024	
51	Sửa chữa, cải tạo hội trường A Huyện ủy, nhà làm việc Huyện ủy, nhà ăn Huyện ủy	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	4339/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	1.600	1.600	2024	717	817	2024	
52	Sửa chữa, cải tạo hội trường A, hàng rào UBND xã Cầu Khởi	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	4340/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	749	749	2024	375	372	2024	
53	Cải tạo, nâng cấp các hạng mục khuôn viên Huyện ủy và mua sắm trang thiết bị cho các cơ quan tham mưu, giúp việc Huyện ủy	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	4343/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	2.450	2.450	2024	1.368	959	2024	
54	Sửa chữa Trung tâm Văn hóa Thể thao Học tập Cộng đồng xã Phước Ninh	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	4348/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	500	500	2024	340	160	2024	
55	Xây mới hàng rào tường 3 mặt Trường TH Cầu Khởi B (điểm chính)	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9686/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	481	481	2024	455	19	2024	
56	Cải tạo, nâng cấp 08 phòng học Trường TH Bình Linh (điểm Ấp Láng)	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9689/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	260	260	2024	240	16	2024	
57	Nâng cấp sân trường chống ngập Trường MG Lộc Ninh	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9688/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	500	500	2024	472	20	2024	
58	Xây mới hàng rào tường 3 mặt Trường THCS Lộc Ninh	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9687/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	541	541	2024	511	30	2024	
59	Hệ thống PCCC Trường THCS Lộc Ninh	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9662/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	1.480	1.480	2024	1.398	4	2024	
60	Hệ thống PCCC Trường Mầm non Bến Củi	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9663/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	1.417	1.417	2024	1.338	4	2024	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
61	Nâng cấp sân nền, xây mới hàng rào, xây mới nhà xe phòng giáo dục và đào tạo	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9665/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	1.551	1.551	2024	1.275	74	2024	
62	Sửa chữa mua sắm trang thiết bị trung tâm bồi dưỡng chính trị	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9666/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	949	949	2024	897	52	2024	
63	Chỉnh trang khu từ trần Nghĩa trang liệt sĩ huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9667/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	1.171	1.171	2024	1.094	45	2024	
64	Chỉnh trang khu từ trần Khu nghĩa trang Liên Xã (Xã Phan)	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9668/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	1.076	1.076	2024	999	59	2024	
65	Cải tạo, sửa chữa, mua sắm thiết bị nhà làm việc Phòng NN và PTNT, Phòng KT và HT huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9669/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	479	479	2024	446	15	2024	
66	Xây mới nhà làm việc công an xã Phan	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	7363/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	3.118	3.118	2024	3.031	18	2024	
67	Xây mới nhà làm việc Công An Xã Phước Minh	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	7360/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	3.196	3.196	2024	3.039	18	2024	
68	Xây mới nhà làm việc Công An Xã Phước Ninh	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	7335/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	3.168	3.168	2024	2.896	30	2024	
69	Xây mới nhà làm việc Công An Xã Chà Là	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9693/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	3.168	3.168	2024	3.037	51	2024	
70	Nâng cấp, sửa chữa nhà làm việc quân sự xã Bến Cũi	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9672/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	499	499	2024	464	25	2024	
71	Nâng cấp sân nền, hệ thống thoát nước, xây mới nhà vệ sinh trụ sở UBND Xã Bến Cũi	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9673/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	1.178	1.178	2024	972	6	2024	
72	Nhà văn hóa ấp Thuận Hòa	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9674/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	700	700	2024	652	29	2024	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
73	Xây mới bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ, Cải tạo cải tạo lớn hội trường A	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9675/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	846	846	2024	789	32	2024	
74	Sửa chữa, cải tạo NLV UBND Xã Cầu Khởi	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9676/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	698	698	2024	625	4	2024	
75	Nâng cấp sân nền, xây mới nhà xe khuôn viên cổng sau UBND xã Cầu Khởi	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9677/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	1.390	1.390	2024	1.226	21	2024	
76	Sân nền Khuôn viên trụ sở UBND Xã Lộc Ninh	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9680/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	1.919	1.919	2024	1.803	11	2024	
77	Xây mới nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự Xã Lộc Ninh	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9685/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	3.589	3.589	2024	3.404	101	2024	
78	Xây mới nhà kho lưu trữ, văn thư, bảo mật	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9833/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	465	465	2024	444	21	2024	
79	Sửa chữa, mua sắm thiết bị hội trường Công an huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9834/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	941	941	2024	888	5	2024	
80	Sửa chữa Hàng rào, nhà làm việc công an cho Đoàn thể sử dụng, làm mới 02 nhà để xe UBND xã Bàu Năng	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9837/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	989	989	2024	928	36	2024	
81	Xây mới nhà vệ sinh cho Quân sự, nhà vệ sinh cho bộ phận một cửa và hội trường	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9838/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	631	631	2024	586	34	2024	
82	Xây mới nhà bếp Ban Chỉ huy Quân sự	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9840/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	427	427	2024	397	24	2024	
83	Xây dựng hàng rào, chỉ tạo mảng xanh khuôn viên Huyện ủy	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9841/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	1.076	1.076	2024	993	14	2024	
84	Sửa chữa, mở rộng và mua sắm trang thiết bị kho lưu trữ của Huyện ủy	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9842/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	765	765	2024	714	28	2024	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
85	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc MTTQ huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9843/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	1.033	1.033	2024	919	46	2024	
86	Sửa chữa NLV, nhà ăn, xây mới nhà vệ sinh Ban Chỉ huy quân sự xã Phan	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9861/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	951	951	2024	883	46	2024	
87	Sửa chữa, mua sắm thiết bị trụ sở UBND xã Phước Minh	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9862/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	1.158	1.158	2024	1.077	41	2024	
88	Sửa chữa trụ sở làm việc của Ban Chỉ huy quân sự	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9863/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	873	873	2024	813	39	2024	
89	Sửa chữa trụ sở làm việc và kho lưu trữ, mua sắm thiết bị hội trường UBND thị trấn DMC	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9870/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	1.663	1.663	2024	1.515	45	2024	
90	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống phát thanh, truyền thanh của huyện và các xã, thị trấn	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9835/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	1.912	1.912	2024	1.717	15	2024	
91	Xây mới hội trường, nâng cấp khuôn viên UBND huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	9874/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	9.487	9.487	2024	7.818	911	2024	
92	Xây mới nhà làm việc công an xã Truông Mít	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	3287/QĐ-UBND ngày 17/7/2023	3.047	3.047	2023	2.985	62	2024	
*	**Đối ứng NTM**		Ban QLDA ĐTXD khu vực 5		**141.055**	**35.100**		**118.148**	**9.701**		
1	Đường số 18-18	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	3936/QĐ-UBND ngày 09/9/2024	1.407	439	2025	916	79	2025	
2	Đường tổ 5, 7, 8 ấp Phước Hội	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	3939/QĐ-UBND ngày 09/9/2024	782	307	2025	473	110	2025	
3	Đường tổ 6; tổ 7; tổ 8; tổ 11; tổ 14 ấp Phước Hòa	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	3940/QĐ-UBND ngày 09/9/2024	3.143	1.073	2025	1.734	213	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
4	Đường tổ 15 ấp Phước Bình 1	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	3941/QĐ-UBND ngày 09/9/2024	480	180	2025	297	56	2025	
5	Đường tổ 1B ấp Phước Hòa	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	3944/QĐ-UBND ngày 09/9/2024	424	46	2025	254	4	2025	
6	Đường tổ 9, 23; tổ 18 ấp Phước Hòa	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	3945/QĐ-UBND ngày 09/9/2024	1.302	197	2025	926	59	2025	
7	Đường tổ 1, 5D ấp Phước Bình I	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	3946/QĐ-UBND ngày 09/9/2024	1.183	133	2025	752	8	2025	
8	Đường tổ 7, 9 ấp Phước Bình 1	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	3947/QĐ-UBND ngày 09/9/2024	1.979	330	2025	884	124	2025	
9	Đường tổ 5A ấp Phước Bình 1	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	3948/QĐ-UBND ngày 09/9/2024	2.993	326	2025	1.508	18	2025	
10	Đường tổ 5; tổ 5-1 ấp Phước Bình 1	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	3949/QĐ-UBND ngày 09/9/2024	2.731	489	2025	1.559	228	2025	
11	Đường tổ 5B ấp Phước Bình 1	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	3950/QĐ-UBND ngày 09/9/2024	3.270	782	2025	1.941	27	2025	
12	Đường tổ 15, 16A ấp Phước Hội	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	3951/QĐ-UBND ngày 09/9/2024	1.475	268	2025	983	137	2025	
13	Đường tổ 4; tổ 6, 7; tổ 13 ấp Tân Định 2	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	3953/QĐ-UBND ngày 09/9/2024	587	167	2025	299	167	2025	
14	Đường tổ 4; tổ 1,8 qua tổ 2; tổ 10 ấp Phước Hội	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	3952/QĐ-UBND ngày 09/9/2024	2.273	855	2025	1.176	855	2025	
15	Đường tổ 5, 6, 9, 10; tổ 16 ấp Phước Hội	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	3954/QĐ-UBND ngày 09/9/2024	2.211	649	2025	1.297	649	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
16	Đường tổ 5C, 6 ấp Phước Bình 1	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	4310/QĐ-UBND ngày 03/10/2024	519	149	2025	265	149	2025	
17	Đường tổ 7; cổng khu dân cư tổ 3, 4 ấp Phước Lợi 1	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	4364/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	331	99	2025	173	99	2025	
18	Đường tổ 1; tổ 3 ấp Phước Bình 2	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	4307/QĐ-UBND ngày 03/10/2024	981	287	2025	574	287	2025	
19	Đường tổ 5 ấp Phước Lợi 2	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	4308/QĐ-UBND ngày 03/10/2024	631	185	2025	369	185	2025	
20	Đường tổ 12; nhánh tổ 8 ấp Tân Định 2	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	3955/QĐ-UBND ngày 09/9/2024	1.266	144	2025	674	144	2025	
21	Đường tổ 9A; tổ 10; tổ 11 ấp Phước Lợi 2	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	4363/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	1.691	302	2025	865	302	2025	
22	Đường tổ 8 ấp Phước Lợi 1	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	4366/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	1.474	169	2025	756	169	2025	
23	Đường tổ 1, 9 ấp Phước Lợi 1	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	4365/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	2.039	273	2025	1.038	273	2025	
24	Đường tổ 2, 9 ấp Phước Lợi 1	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	4367/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	2.887	320	2025	1.516	320	2025	
25	Đường tổ 3; tổ 1A ấp Phước Bình 2	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	4309/QĐ-UBND ngày 03/10/2024	1.542	178	2025	748	178	2025	
26	Đường số 1 liên ấp Ninh An - Ninh Phú	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	7297/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	1.001	330	2023	931	70	2025	
27	Đường số 3 liên ấp Ninh An - Ninh Hiệp	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	7158/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	723	208	2023	702	21	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
28	Đường số 4 liên ấp Ninh An - Ninh Hiệp	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	7159/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	495	131	2023	488	6	2025	
29	Đường số 5 liên ấp Ninh An - Ninh Phú	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	7192/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	1.103	385	2023	1.002	101	2025	
30	Đường số 7 liên ấp Ninh Bình - Ninh Phú	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	7281/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	854	269	2023	805	50	2025	
31	Đường số 10 liên ấp Ninh Hiệp - Ninh Phú - Ninh Thuận	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	7193/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	638	176	2023	634	4	2025	
32	Đường số 11 liên ấp Ninh Phú - Ninh Thuận	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	7304/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	1.064	379	2023	964	100	2025	
33	Đường số 12 liên ấp Ninh Hiệp - Ninh Phú - Ninh Thuận	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	7194/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	559	179	2023	530	30	2025	
34	Đường số 1 ấp Ninh An	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	7275/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	534	212	2023	456	78	2025	
35	Đường số 3 ấp Ninh An	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	7276/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	385	99	2023	383	2	2025	
36	Đường số 6 ấp Ninh Bình	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	7305/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	2.038	619	2023	1.939	100	2025	
37	Đường số 8 ấp Ninh Bình	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	7186/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	777	301	2023	672	105	2025	
38	Đường số 2 ấp Ninh Hiệp	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	7139/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	728	290	2023	620	108	2025	
39	Đường số 7 ấp Ninh Phú	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	7137/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	274	73	2023	272	2	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
40	Đường số 10 ấp Ninh Phú	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	7302/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	831	274	2023	766	65	2025	
41	Đường số 1 ấp Ninh Thuận	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	7293/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	325	84	2023	323	2	2025	
42	Đường số 2 ấp Ninh Thuận	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	7294/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	825	325	2023	709	116	2025	
43	Đường số 3 ấp Ninh Thuận	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	7131/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	120	31	2023	119	1	2025	
44	Đường số 7 ấp Ninh Thuận	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	7296/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	213	57	2023	211	1	2025	
45	Đường số 4 ấp Ninh Hòa	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	7298/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	540	59	2023	537	3	2025	
46	Đường số 6 ấp Ninh Hòa	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	7299/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	867	164	2023	791	76	2025	
47	Đường số 11 ấp Ninh Hòa	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	7300/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	829	107	2023	805	23	2025	
48	Đường số 17 ấp Ninh Phú	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	7202/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	1.456	193	2023	1.421	35	2025	
49	Cống thoát nước đường số 3 ấp Ninh Thuận	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	2957/QĐ-UBND ngày 22/6/2023	1.396	508	2023	1.345	51	2025	
50	Đường 1-1 xã Bàu Năng (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	7303/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	2.178	280	2023	2.135	43	2025	
51	Đường số 4-4 xã Bàu Năng (đoạn Ninh Hiệp-Ninh Phú)	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	7188/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	4.162	532	2023	4.050	112	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
52	Đường số 8 liên ấp Ninh Bình - Ninh Phú	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	7301/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	1.431	492	2023	1.300	131	2025	
53	Đường số 2 ấp Ninh An	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	7274/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	269	69	2023	267	2	2025	
54	Đường Số 15 - 15, xã Bàu Năng (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	7609/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	2.232	340	2023	2.063	169	2025	
55	Đường số 3 - 3, xã Bàu Năng	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	8201/QĐ-UBND ngày 15/10/2021	3.601	348	2023	3.580	20	2025	
56	Đường 7-7 xã Bàu Năng	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	4209/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	11.568	6.938	2023	11.023	546	2025	
57	Đường số 5 ấp Thuận An	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	3496/QĐ-UBND ngày 27/10/2020	835	260	2021	798	37	2025	
58	Đường số 20 ấp Thuận An	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	3488/QĐ-UBND ngày 27/10/2020	977	330	2021	901	77	2025	
59	Đường số 17 ấp Thuận An	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	3411/QĐ-UBND ngày 19/10/2020	362	96	2021	360	3	2025	
60	Đường số 1 ấp Thuận Tân	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	3341/QĐ-UBND ngày 16/10/2020	651	204	2021	612	40	2025	
61	Đường số 2 ấp Thuận Tân	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	3342/QĐ-UBND ngày 16/10/2020	2.236	304	2021	2.225	11	2025	
62	Đường số 7 ấp Thuận Tân	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	3346/QĐ-UBND ngày 16/10/2020	621	169	2021	613	8	2025	
63	Đường số 13 ấp Thuận Tân	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	3344/QĐ-UBND ngày 16/10/2020	2.757	1.027	2021	2.497	260	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
64	Đường số 6 ấp Thuận Hòa	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	3484/QĐ-UBND ngày 27/10/2020	1.811	290	2021	1.762	48	2025	
65	Đường số 13 ấp Thuận Hòa	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	3483/QĐ-UBND ngày 27/10/2020	1.258	203	2021	1.216	42	2025	
66	Đường số 19 ấp Thuận An	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	2911/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	728	94	2023	708	20	2025	
67	Đường số 1 ấp Thuận Bình	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	2912/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	852	131	2023	808	44	2025	
68	Đường số 17 ấp Thuận Tân	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	2893/QĐ-UBND ngày 04/6/2025	621	0	2025	62	136	2025	
69	Đường số 3 ấp Thuận Phước	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	2916/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	483	64	2023	467	15	2025	
70	Đường số 2.2 ấp Lộc Trung	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	8176/QĐ-UBND ngày 15/10/2021	6.642	878	2022	6.454	188	2025	
71	Đường số 2 ấp Lộc Trung	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	8173/QĐ-UBND ngày 15/10/2021	1.444	489	2022	1.328	116	2025	
72	Đường số 1 ấp Lộc Tân	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	8137/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	1.019	331	2022	947	72	2025	
73	Đường số 1 ấp Lộc Hiệp	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	8146/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	541	176	2022	508	34	2025	
74	Đường số 3 ấp Lộc Hiệp	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	8189/QĐ-UBND ngày 15/10/2021	1.646	545	2022	1.535	111	2025	
75	Đường số 5 ấp Lộc Hiệp	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	8190/QĐ-UBND ngày 15/10/2021	3.503	1.134	2022	3.319	184	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
76	Đường số 2 ấp Lộc Hiệp	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	8160/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	910	316	2022	829	81	2025	
77	Đường số 6 ấp Lộc Hiệp	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	8142/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	1.063	352	2022	984	79	2025	
78	Đường số 7 ấp Lộc Hiệp	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	8143/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	865	294	2022	796	69	2025	
79	Đường số 8 ấp Lộc Trung	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	8198/QĐ-UBND ngày 15/10/2021	774	113	2022	740	34	2025	
80	Đường số 17 ấp Lộc Trung	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	8162/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	571	76	2022	553	18	2025	
81	Đường số 5 ấp Lộc Tân	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	8180/QĐ-UBND ngày 15/10/2021	3.126	429	2022	3.020	106	2025	
82	Đường số 7 ấp Lộc Tân	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	8177/QĐ-UBND ngày 15/10/2021	1.615	205	2022	1.579	36	2025	
83	Đường số 9 ấp Lộc Tân	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	8141/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	1.124	178	2022	1.061	63	2025	
84	Đường số 9 ấp Lộc Hiệp	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	8191/QĐ-UBND ngày 15/10/2021	591	80	2022	571	20	2025	
85	Đường số 3 ấp Lộc Thuận	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	8195/QĐ-UBND ngày 15/10/2021	2.443	348	2022	2.349	94	2025	
86	Đường số 10 ấp Lộc Thuận	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	8131/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	1.181	165	2022	1.139	42	2025	
87	Đường số 11 ấp Lộc Thuận	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	8185/QĐ-UBND ngày 15/10/2021	900	122	2022	870	30	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
88	Đường số 4 ấp Lộc Hiệp	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	2923/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	768	103	2022	744	24	2025	
89	Đường số 8 ấp Lộc Hiệp	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	2924/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	348	49	2022	335	13	2025	
90	Đường số 6 ấp Lộc Tân	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	2925/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	199	28	2022	192	7	2025	
91	Đường số 3 ấp Lộc Tân	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	2926/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	1.112	148	2022	1.106	6	2025	
92	Đường số 4 ấp Lộc Thuận	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	2927/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	764	94	2022	749	15	2025	
93	Đường số 6 ấp Lộc Thuận	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	2928/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	886	114	2022	864	22	2025	
94	Đường số 18 ấp Lộc Thuận	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	2929/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	157	23	2022	151	6	2025	
95	Đường số 12 ấp Lộc Trung	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	2930/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	162	24	2022	155	7	2025	
96	Đường số 13 ấp Lộc Trung	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	2931/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	226	26	2022	224	2	2025	
97	Đường số 14 ấp Lộc Trung	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	2932/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	207	23	2022	206	1	2025	
98	Đường số 6, 12 ấp Phước Tân	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	7314/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	498	183	2023	439	59	2025	
99	Đường số 1, 11 ấp Phước Lễ	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	7315/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	261	93	2023	234	27	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
100	Đường số 7, 12, 14 ấp Bàu Dài	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	7317/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	254	101	2023	217	37	2025	
101	Đường số 1, 2, 4, 5 ấp Phước Hội	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	7286/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	399	156	2023	343	56	2025	
102	Đường số 4, 5, 12 ấp Phước Lễ	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	7318/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	352	132	2023	307	44	2025	
103	Đường số 4, 6 ấp Bàu Dài	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	7319/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	181	70	2023	157	24	2025	
104	Nhà văn hóa ấp Ninh Thuận	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	7309/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	343	71	2023	341	2	2025	
105	Nhà văn hóa liên ấp Ninh Hiệp - Ninh An	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	7310/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	895	213	2023	861	34	2025	
106	Nhà văn hóa liên ấp Ninh Bình - Ninh Hòa	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	7311/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	939	225	2023	902	37	2025	
107	Nhà văn hóa ấp Ninh Phú	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	7312/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	346	71	2023	344	2	2025	
108	Nhà văn hóa - văn phòng ấp Thuận Bình	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	3502/QĐ-UBND ngày 27/10/2020	262	56	2021	258	5	2025	
109	Chợ Trường Mít (Chợ Sáng)	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	3472/QĐ-UBND ngày 23/10/2020	1.164	359	2021	1.039	126	2025	
110	Chợ Lộc Ninh	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	8159/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	2.562	538	2022	2.548	15	2025	
*	**Dự án khởi công mới**	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu			**81.590**	**38.913**	**66.825**	**0**	**31.859**		

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Hệ thống thoát nước Trường Tiểu học Bàu Năng B	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	5462/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	1.500	1.500	2025	-	1.360	2025	
2	Hệ thống thoát nước đường 1-1 xã Bàu Năng	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	5460/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	850	850	2025	-	850	2025	
3	Nâng cấp đường 8-8 ấp Ninh Hưng 2	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	5478/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	1.860	1.860	2025	-	2.170	2025	
4	Nâng cấp, mở rộng đường Phước Tân 2, xã Phan	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	1682/QĐ-UBND ngày 09/4/2025	11.490	11.490	2025	-	10.490	2025	
5	Nâng cấp hàng rào và sân nền chống ngập Trường TH Trường Mít A (điểm Thuận Phước) và (điểm Thuận Bình)	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	5473/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	675	675	2025		644	2025	
6	Xây mới công trình vệ sinh giáo viên và học sinh trường TH Bàu Năng A (điểm Ninh Hiệp)	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	5468/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	492	492	2025		450	2025	
7	Cải tạo, nâng cấp 05 phòng chức năng Trường THCS Thị Trấn	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	5472/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	423	423	2025		387	2025	
8	Nâng cấp sân nền Trường TH Ninh Hưng	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	5471/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	423	423	2025		387	2025	
9	Mua sắm thiết bị, thay thế thiết bị hư hỏng các trường TH, THCS, TH và THCS	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	5469/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	499	499	2025		450	2025	
10	Xây dựng tượng anh hùng liệt sĩ Dương Minh Châu tại công viên huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	5466/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	450	450	2025		405	2025	
11	Sửa chữa, mua sắm thiết bị nhà truyền thống khu di tích văn hóa lịch sử Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	5465/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	600	600	2025		540	2025	
12	Di tích lịch sử văn hóa Căn cứ Láng – Chà Là	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	5458/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	1.999	1.999	2025		1.800	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
13	Sửa chữa trụ sở làm việc Công an xã (trụ sở cũ)	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	5464/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	500	500	2025		33	2025	
14	Cải tạo chợ Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	5463/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	1.999	1.999	2025		1.574	2025	
15	Xây mới 02 phòng chức năng Trường TH Thị Trấn (Điểm phụ)	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	5538/QĐ-UBND ngày 09/12/2024	1.276	310	2025	-	310	2025	
16	Xây mới 05 phòng học và 01 phòng chức năng Trường TH Suối Đá B	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	5542/QĐ-UBND ngày 09/12/2024	5.212	740	2025	-	740	2025	
17	Xây mới 04 phòng học Trường TH Trường Mít B (điểm Thuận Tân)	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	5537/QĐ-UBND ngày 09/12/2024	3.252	420	2025	-	420	2025	
18	Xây mới 08 phòng học và 02 phòng chức năng Trường THCS Trường Mít	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	5541/QĐ-UBND ngày 09/12/2024	9.537	1.250	2025	-	1.250	2025	
19	Xây mới 05 phòng học Trường TH Lộc Ninh (Điểm Lộc Tân)	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	5539/QĐ-UBND ngày 09/12/2024	3.968	930	2025	-	930	2025	
20	Xây mới 05 phòng học và 01 phòng chức năng Trường TH Lộc Ninh	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	5540/QĐ-UBND ngày 09/12/2024	4.256	1.070	2025	-	1.070	2025	
21	Xây mới 04 phòng học Trường TH Lộc Ninh (Điểm Lộc Trung)	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	2194/QĐ-UBND ngày 29/4/2025	3.866	940	2025	-	940	2025	
22	Xây mới nhà tập luyện TDTT (nhà đa năng) Trường TH&THCS Xã Phan	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	2192/QĐ-UBND ngày 29/4/2025	3.082	820	2025	-	820	2025	
23	Xây mới nhà tập luyện TDTT (nhà đa năng) Trường THCS Chà Là	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	2196/QĐ-UBND ngày 29/4/2025	3.054	760	2025	-	760	2025	
24	Xây mới nhà tập luyện TDTT (nhà đa năng) Trường THCS Cầu Khởi	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	2193/QĐ-UBND ngày 29/4/2025	3.054	760	2025	-	760	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
25	Xây mới nhà tập luyện TDTT (nhà đa năng) Trường TH Phước Ninh	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	2197/QĐ-UBND ngày 29/4/2025	2.850	560	2025	-	560	2025	
26	Xây mới nhà tập luyện TDTT (nhà đa năng) Trường TH&THCS Bến Củi	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	2195/QĐ-UBND ngày 29/4/2025	3.030	730	2025	-	730	2025	
27	Cung cấp trang thiết bị trụ sở làm việc Công an huyện và các xã, thị trấn	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	5457/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	3.014	3.014	2025		19	2025	
28	Sửa chữa trụ sở Đồn Công an Hồ nước Dầu Tiếng	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	5477/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	1.000	1.000	2025		61	2025	
29	Lắp đặt hệ thống camera khuôn viên Huyện ủy và UBND huyện, thiết bị bộ phận một cửa	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	5459/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	850	850	2025		9	2025	
30	Xây mới nhà làm việc công an xã Cầu Khởi	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	5475/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	1.300	154	2025	-	154	2025	
31	Xây mới nhà làm việc công an xã Suối Đá	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	5474/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	1.252	156	2025	-	156	2025	
32	Xây mới, nâng cấp các hạng mục UBND xã Lộc Ninh	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	5467/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	3.468	180	2025	-	180	2025	
33	Xây mới, cải tạo, lắp đặt thiết bị các hạng mục phụ trợ khu di tích lịch sử Dương Minh Châu (khu 1 và khu 2)	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	2592/QĐ-UBND ngày 26/5/2025	509	509	2025	-	450	2025	
*	**Đối ứng công trình vốn tỉnh**				**11.048**	**383**			**383**	0	
1	Nhánh rẽ đường 9A ấp 4 đến đường ĐH 12 Trường Mít	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	2548/QĐ-UBND ngày 22/5/2025	3.563	141	2025	-	141	2025	
2	Nâng cấp đường Ung Văn Khiêm, đường cặp hàng rào UBND huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	2547/QĐ-UBND ngày 22/5/2025	7.485	242	2025	-	242	2025	
*	**Đối ứng nông thôn mới, nâng cao chất lượng tiêu chí**				**69.651**	**9.735**			**9.382**		

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Đường tổ 1A; tổ 9-10; tổ 9-16 ấp Tân Định 1	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	2551/QĐ-UBND ngày 22/5/2025	2.740	953	2025	-	953	2025	
2	Đường tổ 18 ấp Phước Hòa	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	2554/QĐ-UBND ngày 22/5/2025	177	40	2025	-	40	2025	
3	Đường tổ 15-10-12; tổ 16; tổ 15 ấp Phước Bình 1	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	2215/QĐ-UBND ngày 05/5/2025	2.943	811	2025	-	811	2025	
4	Đường tổ 6,7 ấp Phước Lợi 1	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	2553/QĐ-UBND ngày 22/5/2025	2.151	717	2025	-	717	2025	
5	Đường tổ 16 ấp Phước Hội	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	2550/QĐ-UBND ngày 22/5/2025	592	66	2025	-	66	2025	
6	Đường tổ 4 ấp Phước Lợi 2	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	2549/QĐ-UBND ngày 22/5/2025	1.319	367	2025	-	367	2025	
7	Đường tổ 16; tổ 3; tổ 4; tổ 11 ấp Phước Hội	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	2552/QĐ-UBND ngày 22/5/2025	745	186	2025	-	186	2025	
8	Đường tổ 11 ấp Phước Bình 2	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	2217/QĐ-UBND ngày 05/5/2025	608	68	2025	-	68	2025	
9	Đường tổ 5; tổ 15 ấp Phước Bình 1	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	2216/QĐ-UBND ngày 05/5/2025	700	78	2025	-	78	2025	
10	Nâng cấp đường SD28	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	2708/QĐ-UBND ngày 29/5/2025	276	31	2025	-	31	2025	
11	Nâng cấp đường N28-2	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	2894/QĐ-UBND ngày 04/6/2025	4.004	435	2025	-	435	2025	
12	Nâng cấp đường N22	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	2903/QĐ-UBND ngày 04/6/2025	1.888	210	2025	-	210	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
13	Nâng cấp đường N12-N20-N21	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	2902/QĐ-UBND ngày 04/6/2025	1.680	187	2025	-	187	2025	
14	Nâng cấp đường SD3, N11, N72	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	2889/QĐ-UBND ngày 04/6/2025	1.348	150	2025	-	150	2025	
15	Nâng cấp đường SD23, N46	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	2901/QĐ-UBND ngày 04/6/2025	1.591	177	2025	-	177	2025	
16	Đường số 4; số 6; số 8; số 14 ấp Phước Lộc	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	2963/QĐ-UBND ngày 10/6/2025	1.725	575	2025	-	575	2025	
17	Đường số 32 ấp B2	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	2891/QĐ-UBND ngày 04/6/2025	540	132	2025	-	132	2025	
18	Đường số 3 ấp Phước Bình	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	2890/QĐ-UBND ngày 04/6/2025	503	123	2025	-	123	2025	
19	Đường số 12 ấp Phước Nghĩa - B4	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	2904/QĐ-UBND ngày 04/6/2025	150	36	2025	-	36	2025	
20	Nạo vét, sửa chữa hệ thống mương thoát nước xung quanh trường học, trạm y tế, chợ Bàu Năng	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	3113/QĐ-UBND ngày 13/6/2025	208	52	2025	-	52	2025	
21	Đường số 10; số 12 ấp Ninh Bình	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	3118/QĐ-UBND ngày 13/6/2025	408	102	2025	-	102	2025	
22	Đường số 4; số 6; số 10 ấp Ninh Hiệp	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	3115/QĐ-UBND ngày 13/6/2025	580	145	2025	-	145	2025	
23	Đường số 8; số 11 ấp Ninh An	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	3112/QĐ-UBND ngày 13/6/2025	411	100	2025	-	100	2025	
24	Đường số 22 ấp Ninh Hiệp	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	3116/QĐ-UBND ngày 13/6/2025	1.375	503	2025	-	150	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
25	Đường số 28 ấp Ninh Thuận	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	3117/QĐ-UBND ngày 13/6/2025	228	57	2025	-	57	2025	
26	Nâng cấp, mở rộng nhà văn hóa, văn phòng ấp Tân Định 1, Tân Định 2, Phước Bình 1, Phước Bình 2	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	1612/QĐ-UBND ngày 03/4/2025	1.578	252	2025	-	252	2025	
27	Trường Mầm non Suối Đá	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	1590/QĐ-UBND ngày 01/4/2025	9.000	530	2025	-	530	2025	
28	Trường Tiểu học Suối Đá A	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	1589/QĐ-UBND ngày 01/4/2025	14.990	1.290	2025	-	1.290	2025	
29	Trường Tiểu học Suối Đá B	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	1591/QĐ-UBND ngày 01/4/2025	11.200	1.160	2025	-	1.160	2025	
30	Trường THCS Suối Đá	Ban QLDA ĐTXD huyện Dương Minh Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực 5	1592/QĐ-UBND ngày 01/4/2025	3.993	202	2025	-	202	2025	
2	**CHỦ ĐẦU TƯ KHÁC (Ban CHQS tỉnh)**								**4.900**		
	Xây dựng các hạng mục công trình trong căn cứ Hậu cần - Kỹ thuật khu vực phòng thủ huyện	Ban CHQS huyện	Bộ CHQS tỉnh	41/QĐQK, 05/6/2024	**5.000**	**5.000**			4.900	2026	

phụ lục 10

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

NGUỒN VỐN: XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG VÀ THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN ĐIỀU CHUYỂN VỀ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

Đính kèm Nghị quyết số: 07/NQ-HĐND ngày 07/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG CỘNG				**255.513**	**87.194**		**100**	**49.820**		
A	**Nguồn vốn ngân sách tập trung**				**127.756**	**43.597**		**50**	**24.410**		
	Dự án chuyển tiếp				**127.756**	**43.597**		**50**	**24.410**		
1	Trường TH Tân Hiệp (Điểm trường ấp Thạnh Phú – điểm chính)	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4355/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	12.251	650	2024	0	650	2025	
2	Trường TH Tân Hiệp (Điểm trường ấp Tân Bình – điểm lẻ	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	3955/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	4.174	1.507	2024	50	1.457	2025	
3	Trường TH Lương Định Của (Xây dựng 01 phòng tin học và 01 phòng ngoại ngữ)	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	1303/QĐ-UBND ngày 17/4/2024	1.691	646	2024	0	118	2025	
4	Đường THL11	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4091/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	4.213	1.535	2024	0	350	2025	
5	Đường Tân Thành 12	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2711/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	3.031	500	2024	0	500	2025	
6	Đường Tân Thành 15	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2710/QĐ-UBND ngày 29/07/2024	6.224	1.982	2024	0	1.900	2025	
7	Đường Tân Thành 2	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2717/QĐ-UBND ngày 29/07/2024	4.933	1.622	2024	0	1.600	2025	
8	Đường Tân Thành 10	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2763/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	7.829	2.700	2024	0	2.700	2025	
9	Đường Tân Thành 1 (nối dài)	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2713/QĐ-UBND ngày 29/07/2024	1.441	650	2024	0	650	2025	
10	Đường Tân Thành 41 và Tân Thành 42	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2762/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	2.193	700	2024	0	700	2025	
11	Đường Tân Thành 54, Tân Thành 55	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2761/QĐ-UBND ngày 02/08/2024	2.164	1.150	2024	0	1.000	2025	
12	Đường Tân Thành 43, Tân Thành 44, Tân Thành 45 và Tân Thành 46	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2760/QĐ-UBND ngày 02/08/2024	2.600	800	2024	0	800	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11
13	Đường Tân Thành 71	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2740/QĐ-UBND ngày 31/07/2024	1.297	350	2024	0	350	2025	
14	Đường Tân Thành 9	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2764/QĐ-UBND ngày 02/08/2024	1.660	315	2024	0	280	2025	
15	Đường Tân Thành 26, Tân Thành 31 và Tân Thành 72	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2766/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	3.720	2.004	2024	0	1.400	2025	
16	Đường Tân Thành 68 và Tân Thành 69	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2765/QĐ-UBND ngày 02/08/2024	2.628	1.420	2024	0	900	2025	
17	Đường Tân Thành 66	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2804/QĐ-UBND ngày 05/8/2024	1.177	200	2024	0	200	2025	
18	Đường Tân Thành 5	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2712/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	3.856	450	2024	0	450	2025	
19	Đường Tân Thành 47, Tân Thành 48, Tân Thành 49 và Tân Thành 50	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2767/QĐ-UBND ngày 02/08/2024	3.061	1.100	2024	0	1.100	2025	
20	Đường Tân Thành 20	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2741/QĐ-UBND ngày 31/07/2024	1.601	700	2024	0	700	2025	
21	Đường Tân Thành 65	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2795/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	1.540	695	2024	0	600	2025	
22	Đường Tân Thành 39	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2714/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	2.351	400	2024	0	400	2025	
23	Đường Tân Thành 51	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2715/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	3.012	500	2024	0	500	2025	
24	Đường Tân Thành 4	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2839/QĐ-UBND ngày 05/8/2024	2.527	400	2024	0	400	2025	
25	Đường Tân Thành 22	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2917/QĐ-UBND ngày 13/8/2024	2.789	500	2024	0	500	2025	
26	Đường Tân Thành 87	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2876/QĐ-UBND ngày 12/8/2024	2.237	897	2024	0	140	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11
27	Đường THI.06	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4090/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	1.950	982	2024	0	100	2024	
28	Đường THI.44a	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4115/QĐ-UBND ngày 21/11/2023	1.015	535	2024	0	50	2024	
29	Đường THI.38a	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4194/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	418	234	2024	0	30	2024	
30	Đường THI.37b	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4309/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	860	452	2024	0	50	2024	
31	Đường THI.40	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4310/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	2.922	1.660	2024	0	50	2024	
32	Đường THI.42b	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4311/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	433	232	2024	0	20	2024	
33	Đường THI.43a	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4095/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	1.142	575	2024	0	40	2024	
34	Đường THI.05	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4093/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	1.384	716	2024	0	30	2024	
35	Đường THI.31	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4313/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	1.525	740	2024	0	39	2024	
36	Đường THI.23	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4114/QĐ-UBND ngày 21/11/2023	871	455	2024	0	50	2024	
37	Đường THI.24	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4112/QĐ-UBND ngày 21/11/2023	798	433	2024	0	40	2024	
38	Đường THI.25	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4111/QĐ-UBND ngày 21/11/2023	671	355	2024	0	40	2024	
39	Đường THI.39a	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4156/QĐ-UBND ngày 22/11/2023	1.800	591	2024	0	50	2024	
40	Đường THI.33	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4327/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	4.158	1.406	2024	0	150	2024	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11
41	Đường THI.42c	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4092/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	1.564	530	2024	0	50	2024	
42	Đường THI.27b	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4110/QĐ-UBND ngày 21/11/2023	1.248	380	2024	0	50	2024	
43	Đường THI.27f	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4328/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	1.537	473	2024	0	70	2024	
44	Đường THI.41	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4329/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	3.595	1.715	2024	0	226	2024	
45	Đường THI.07	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4331/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	1.148	591	2024	0	40	2024	
46	Đường THI.08	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4332/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	2.471	1.152	2024	0	80	2024	
47	Đường THI.10	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4094/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	1.507	736	2024	0	50	2024	
48	Đường THI.04	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4369/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	2.585	1.362	2024	0	70	2024	
49	Đường THI.21	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2482/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	1.016	490	2024	0	490	2024	
50	Đường Tân Thành 27, Tân Thành 28, Tân Thành 29 và Tân Thành 30	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2743/QĐ-UBND ngày 31/07/2024	1.615	700	2024	0	700	2024	
51	Đường Tân Thành 75, Tân Thành 76, Tân Thành 77 và Tân Thành 78	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2742/QĐ-UBND ngày 31/07/2024	665	300	2024	0	300	2024	
52	Đường Tân Thành 16	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2739/QĐ-UBND ngày 31/07/2024	366	202	2024	0	150	2024	
53	Đường Tân Thành 85	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2716/QĐ-UBND ngày 29/07/2024	488	200	2024	0	200	2024	
54	Đường Tân Thành 52	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2796/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	964	548	2024	0	450	2024	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11
55	Đường Tân Thành 56	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2840/QĐ-UBND ngày 05/8/2024	840	477	2024	0	400	2024	
B	**Nguồn thu tiền sử dụng đất**				**387.474**	**61.338**	**0**	**27.018**	**45.000**		
	Công trình chuyển tiếp				**216.828**	**47.237**	**0**	**27.018**	**24.040**		
1	Nhà VH ấp Tân Đông	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	3035/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	750		2024	60	140	2025	
2	Nhà VH ấp Đồng Kèn 1	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	3036/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	750		2024	60	140	2025	
3	Nhà VH ấp Đồng Rùm	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	3037/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	750		2024	60	140	2025	
4	Trụ sở Công an xã Tân Hưng	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4152/QĐ-UBND ngày 22/11/2023	3.171		2024	780	180	2025	
5	Trường TH Lương Định Của (Xây dựng 01 phòng tin học và 01 phòng ngoại ngữ)	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	1303/QĐ-UBND ngày 17/4/2024	1.691		2024	0	528	2025	
6	Trường TH Suối Dây A - điểm ấp 6 (Xây dựng 04 phòng học)	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	1301/QĐ-UBND ngày 17/4/2024	2.540	1.094	2024	0	1.094	2025	
7	Trường TH Tân Hội A - điểm Hội Thành (Xây dựng 03 phòng học)	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	1457/QĐ-UBND ngày 26/4/2024	1.908	696	2024	0	696	2025	
8	Xây mới kho vũ khí - đạn BCH Quân sự huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	1285/QĐ-UBND ngày 10/4/2025	3.679	2.739	2024	940	1.799	2025	
9	Sửa chữa doanh trại cBB1	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	1291/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	2.907	2.382	2024	0	1.602	2025	
10	Đường Tân Thành 15	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2710/QĐ-UBND ngày 29/07/2024	6.224		2024	0	82	2025	
11	Đường Tân Thành 2	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2717/QĐ-UBND ngày 29/07/2024	4.933		2024	0	22	2025	
12	Đường Tân Thành 54, Tân Thành 55	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2761/QĐ-UBND ngày 02/08/2024	2.164		2024	0	150	2025	
13	Đường Tân Thành 9	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2764/QĐ-UBND ngày 02/08/2024	1.660		2024	0	35	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11
14	Đường Tân Thành 26, Tân Thành 31 và Tân Thành 72	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2766/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	3.720		2024	0	604	2025	
15	Đường Tân Thành 68 và Tân Thành 69	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2765/QĐ-UBND ngày 02/08/2024	2.628		2024	0	520	2025	
16	Đường Tân Thành 65	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2795/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	1.540		2024	0	95	2025	
17	Đường Tân Thành 87	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2876/QĐ-UBND ngày 12/8/2024	2.237		2024	0	757	2025	
18	Đường Tân Thành 3	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2875/QĐ-UBND ngày 12/8/2024	3.309	702	2024	1.719	702	2025	
19	Đường Tân Thành 8	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2979/QĐ-UBND ngày 16/08/2024	4.420	1.100	2024	0	1.100	2025	
20	Đường Tân Thành 21	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2980/QĐ-UBND ngày 16/8/2024	1.963	700	2024	0	700	2025	
21	Đường Tân Thành 86	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2978/QĐ-UBND ngày 16/8/2024	5.474	1.305	2024	0	1.305	2025	
22	Đường Tân Thành 23	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2977/QĐ-UBND ngày 16/8/2024	3.628	766	2024	0	766	2025	
23	Đường Tân Thành 14	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	3038/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	3.544	967	2024	0	547	2025	
24	Đường SDA.73 và SDA.74	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2976/QĐ-UBND ngày 16/8/2024	1.500		2024	160	300	2025	
25	Nâng cấp đường SDA.12	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2916/QĐ-UBND ngày 13/8/2024	2.963	1.260	2024	560	700	2025	
26	Nâng cấp đường SDA.02, SDA.07 và sửa chữa đường SDA.04, SDA.39, SDA.67	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2918/QĐ-UBND ngày 13/8/2024	1.846		2024	333	350	2025	
27	Sửa chữa 15 tuyến đường nội đồng	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2878/QĐ-UBND ngày 12/8/2024	1.408		2024	169	250	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11
28	Đường SNO.80, SNO.81, SNO.82	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2878/QĐ-UBND ngày 12/8/2024	2.121		2024	255	503	2025	
29	Đường SNO.47 và SNO.72.1	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2975/QĐ-UBND ngày 16/8/2024	1.677		2024	202	400	2025	
30	Đường SNO.108, SNO.131	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2974/QĐ-UBND ngày 16/8/2024	2.012		2024	270	400	2025	
31	Đường SNO.34, SNO.103	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2877/QĐ-UBND ngày 12/8/2024	2.533		2024	303	500	2025	
32	Đường SNO.83, SNO.84	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2874/QĐ-UBND ngày 12/8/2024	2.302		2024	285	279	2025	
33	Sửa chữa 09 tuyến đường ngõ xóm	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	3039/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1.477		2024	270	572	2025	
34	Đường ĐL.02	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	3040/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	3.587		2024	390	600	2025	
35	Đường SD.04	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	3041/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1.590		2024	175	296	2025	
36	Trường THCS Tân Hưng (Xây dựng 01 phòng tin học)	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	1302/QĐ-UBND ngày 17/4/2024	781	310	2024	0	310	2024	
37	Trụ sở Công an xã Tân Phú	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	3930/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	3.171	1.385	2024	1.000	385	2024	
38	Trụ sở Công an xã Tân Hiệp	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4153/QĐ-UBND ngày 22/11/2023	3.171	1.151	2024	1.000	151	2024	
39	Trụ sở Công an xã Tân Hội	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	3932/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	3.167	1.270	2024	1.000	270	2024	
40	Trụ sở Công an xã Tân Thành	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4152/QĐ-UBND ngày 22/11/2023	3.171	1.133	2024	1.000	133	2024	
41	Nhà thi đấu đa năng Trường TH Tân Hà	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	3157/QĐ-UBND ngày 18/9/2023	2.768	1.499	2023	1.030	469	2024	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11
42	Trụ sở Công an thị trấn Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	3940/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	3.171	138	2023	0	138	2024	
43	Hệ thống PCCC trường MG Suối Dây	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	3916/QĐ-UBND ngày 10/11/2023	1.586	1.378	2024	1.228	150	2024	
44	Hệ thống PCCC trường MN Tân Phú	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	3914/QĐ-UBND ngày 10/11/2023	1.605	1.404	2024	1.254	150	2024	
45	Hệ thống PCCC trường TH Nguyễn Viết Xuân	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	3621/QĐ-UBND ngày 23/10/2023	1.727	1.466	2024	1.316	150	2024	
46	Hệ thống PCCC trường TH Suối Ngô B	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	3915/QĐ-UBND ngày 10/11/2023	1.699	1.476	2024	1.316	160	2024	
47	Nhà nghỉ công vụ cho CBCS	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4057/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	4.000	3.824	2024	0	684	2024	
48	Nhà rông ấp Con Trăn	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	3936/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	2.302	2.036	2024	1.646	390	2024	
49	Trường TH Tân Hội A (Điểm trường ấp Hội An - điểm chính)	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	1307/QĐ-UBND ngày 27/4/2023	10.100	250	2023	0	20	2024	
50	Hệ thống PCCC Trường TH Thị trấn	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	3441/QĐ-UBND ngày 16/10/2023	1.700	3	2023	0	3	2024	
51	Cải tạo các hạng mục khuôn viên Huyện ủy	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4556/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	5.217	4.969	2023	93	28	2024	
52	Hạ tầng chợ Tân Hiệp	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4055/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	509	493	2024	424	69	2024	
53	Đường THI.44a	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4115/QĐ-UBND ngày 21/11/2023	1.015		2024	460	25	2024	
54	Đường THI.38a	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4194/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	418		2024	197	7	2024	
55	Đường THI.37b	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4309/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	860		2024	389	13	2024	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11
56	Đường THI.42b	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4311/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	433		2024	198	14	2024	
57	Đường THI.43a	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4095/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	1.142		2024	504	31	2024	
58	Đường THI.29a	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4191/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	399		2024	177	28	2024	
59	Đường THI.05	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4093/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	1.384		2024	590	96	2024	
60	Đường THI.24	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4112/QĐ-UBND ngày 21/11/2023	798		2024	371	22	2024	
61	Đường THI.40a	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4154/QĐ-UBND ngày 22/11/2023	306		2024	139	23	2024	
62	Đường THI.07	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4331/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	1.148		2024	513	38	2024	
63	Đường Tân Thành 16	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2739/QĐ-UBND ngày 31/07/2024	366		2024	0	52	2024	
64	Đường Tân Thành 52	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2796/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	964		2024	0	98	2024	
65	Đường Tân Thành 56	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2840/QĐ-UBND ngày 05/8/2024	840		2024	0	77	2024	
66	Đường KO.06, KO.03 và TP.02	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	3042/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1.112		2024	130	200	2024	
67	Đường ĐHA.14	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	3043/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	903		2024	110	150	2024	
68	Nâng cấp Đường ĐH.808 - giai đoạn 1	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4599/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	14.900		2023	0	270	2024	
69	Đường THO.11	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4246/QĐ-UBND ngày 04/11/2022	2.134	703	2023	458	106	2023	
70	Đường N11	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	3956/QĐ-UB ngày 15/11/2023	8.600	77	2024	0	77	2024	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11
71	Đường THO.24, THO.93	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4597/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	975	272	2023	245	11	2023	
72	Đường THO.45, THO.46, THO.47, THO.48, THO.68	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4234/QĐ-UB 02/11/2022	5.184	1.973	2023	1.790	29	2023	
73	Đường ĐH.813 - đoạn 2	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4563/QĐ-UB ngày 29/11/2022	14.876	688	2023	609	79	2023	
74	Đường THO.03, tho.85	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4498/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	12.048	4.180	2023	0	64	2023	
75	Đường tổ 2 ấp Tân Lâm, Đường TAH.23	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4353/QĐ-UB 15/11/2022	5.573	1.451	2023	840	15	2023	
	Công trình khởi công mới	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu			**170.647**	**14.101**	**0**	**0**	**20.960**		
1	Nâng cấp sửa chữa trạm y tế	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	3739/QĐ-UBND ngày 19/9/2024	2.701	120	2025	0	120	2025	
2	Trường TH Tân Thành - điểm ấp Đồng Kèn	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	3740/QĐ-UBND ngày 19/9/2024	2.389	120	2025	0	120	2025	
3	Trường TH Tân Thành (Điểm trường ấp Tân Thuận – điểm chính)	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4574/QĐ-UBND ngày 12/11/2024	22.726	500	2025	0	500	2026	
4	Trường THCS Đồng Rùm	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	5006/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	34.781	500	2025	0	500	2026	
5	Trường mầm non Tân Thành	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4575/QĐ-UBND ngày 12/11/2024	13.699	400	2025	0	400	2025	
6	Nhà văn hóa thể thao, học tập cộng đồng	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	3744/QĐ-UBND ngày 19/9/2024	6.500	300	2025	0	300	2025	
7	Nhà văn hóa ấp Đồng Kèn 2	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4840/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	337	100	2025	0	100	2025	
8	Nhà văn hóa ấp Tân Thuận	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4839/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	750	150	2025	0	150	2025	
9	Nhà văn hóa ấp Tân Hòa	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4837/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	554	150	2025	0	150	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11
10	Nhà văn hóa ấp Tà Dơ	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	3736 /QĐ-UBND ngày 19/9/2024 / 1690/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	750	150	2025	0	150	2025	
11	Nhà văn hóa ấp Tân Hiệp	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	3735 /QĐ-UBND ngày 19/9/2024/ 555/QĐ-UBND ngày 19/02/2025	750	150	2025	0	150	2025	
12	Hàng rào, sân nền NVH ấp Cây Cầy	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	3737/QĐ-UBND ngày 19/9/2024	188	50	2025	0	50	2025	
13	Trụ sở Công an xã Tân Hòa	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	3743/QĐ-UBND ngày 19/9/2024	3.171		2025	0	1.300	2025	
14	Trụ Sở Công an xã Suối Ngô	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	3741/QĐ-UBND ngày 19/9/2024	3.171		2025	0	1.300	2025	
15	Trường TH Tân Phú A (Điểm Tân Tiến)	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4260/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	2.017		2025	0	800	2025	
16	Trường TH Tân Phú A (Điểm Tân Xuân)	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4282/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	4.789		2025	0	1.900	2025	
17	Trường THCS Tân Hưng (Xây dựng nhà tập luyện TDTT (Nhà đa năng))	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4232/QĐ-UBND ngày 21/10/2024	2.380		2025	0	900	2025	
18	Nhà thi đấu đa năng THCS Thạnh Đông	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2883/QĐ-UBND ngày 12/8/2024	2.499		2025	0	950	2025	
19	Trường THCS Tân Đông (Cải tạo nhà tập luyện TDTT (Nhà đa năng))	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	1904/QĐ-UBND ngày 06/6/2024	774		2025	0	300	2025	
20	Nhà thi đấu đa năng trường TH Suối Ngô C	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	2922/QĐ-UBND ngày 13/8/2024	2.494		2025	0	950	2025	
21	Trường THCS Tân Hòa (Xây dựng nhà tập luyện TDTT (Nhà đa năng))	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	1905/QĐ-UBND ngày 06/6/2024	2.380		2025	0	900	2025	
22	Sửa chữa trụ sở UBND xã Tân Thành	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	3742/QĐ-UBND ngày 19/9/2024	10.438	6.493	2025	0	4.052	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11
23	Đường ĐHI.01, ĐHI.06	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4635/QĐ-UBND ngày 19/11/2024	1.073	600	2025	0	600	2025	
24	Đường ĐT.04, ĐT.11, ĐT.12, ĐT.18, ĐT.25	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4836/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	3.071	1.450	2025	0	1.450	2025	
25	Đường ĐTH.03, ĐT.22 và ĐB.02	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	5005/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	1.710	850	2025	0	850	2025	
26	Đường lô dân cư ấp Con Trăn (tuyến số 04), Đường khu dân cư 167	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4683/QĐ-UBND ngày 21/11/2024	1.108	648	2025	0	648	2025	
27	Sửa chữa đường Tân Hòa 2	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4682/QĐ-UBND ngày 21/11/2024	900	280	2025	0	280	2025	
28	Sửa chữa đường nội đồng ấp Tân Thuận	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4637/QĐ-UBND ngày 19/11/2024	300	90	2025	0	90	2025	
29	Cải tạo và sửa chữa đường Nguyễn Văn Trỗi (đoạn từ Đường Phạm Hồng Thái đến đường Lê Trọng Tấn)	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4838/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	8.685	500	2025	0	500	2025	
30	Hệ thống cống thoát nước thị trấn - Giai đoạn 1	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 6	4231/QĐ-UBND ngày 18/10/2024	33.562	500	2025	0	500	2026	

Phụ lục 11

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

NGUỒN VỐN XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG VÀ THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN ĐIỀU CHUYỂN VỀ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

Đính kèm Nghị quyết số: 07/NQ-HĐND ngày 07/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG CỘNG				**66.050**	**115.703**		**31.406**	**52.120**		
A	**Nguồn vốn Ngân sách tập trung**				**66.050**	**47.041**		**7.192**	**14.120**		
I	**Dự án thanh toán khối lượng**				**66.050**	**22.077**		**5.252**	**4.084**		
1	Xây dựng mới kho Vũ khí, đạn + đường vào kho Vũ khí, đạn	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 7	2773/QĐ-UBND; 30/05/2024	3.597,925	585	2024	1.523	585,000	2024	
2	Nâng cấp mặt đường + cống thoát nước + vỉa hè đường Cần Đăng	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 7	7086/QĐ-UBND; 15/12/2023	14.790,705	185	2024	0	185,000	2024	
3	Cống thoát nước hẻm 5 đường 30/4	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 7	7070a/QĐ-UBND; 13/12/2023	5.132,349	638	2024	640	638,000	2024	
4	Nâng cấp cải tạo Trung tâm Văn hóa HT CĐ xã tân Lập	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 7	4312/QĐ-UBND; 11/09/2024	981,323	520	2024	440	80,000	2024	
5	Sửa chữa Hội trường, sân nền phòng Giáo dục & Đào tạo	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 7	6662/QĐ-UBND; 15/11/2023	2.176,794	990	2024	981	9,000	2024	
6	Nâng cấp, sửa chữa các trường học xã Thạnh Bắc	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 7	4587/QĐ-UBND; 02/10/2024	936,723	157	2024	0	157,000	2024	
7	Nâng cấp, sửa chữa các trường học xã Mô Công	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 7	4514/QĐ-UBND; 27/9/2024	338,000	57	2024	0	57,000	2024	
8	Nhà lưu giữ hài cốt cho đồng bào dân tộc Khmer	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD khu vực 7	262/QĐ-UBND; 22/01/2024	1.687,361	135	2024	58	77,000	2024	
9	Nhà làm việc Công an xã Tân Lập	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD khu vực 7	6374/QĐ-UBND; 30/12/2022	3.320,619	1.230	2024	705	525,000	2024	
10	Sân nền, mương thoát nước nhà ở chiến sỹ công an huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD khu vực 7	997/QĐ-UBND; 22/03/2024	679,437	679	2024	0	42,000	2024	

11	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ xã Mó Công	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD khu vực 7	6678/QĐ-UBND; 16/11/2023	1.666,531	1.667	2024	0	231,000	2024	
12	Hàng rào, sân nền trụ sở công an xã Mó Công	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD khu vực 7	1507/QĐ-UBND; 04/04/2024	506,360	506	2024	0	14,000	2024	
13	Cống thoát nước Khu dân cư ấp Một + Gò Đá	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD khu vực 7	1635/QĐ-UBND; 19/04/2024	2.138,284	350	2024	0	10,000	2024	
14	Đường MC-31 ấp Gò Đá xã Mó Công	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD khu vực 7	3912/QĐ-UBND; 07/07/2023	3.357,148	535	2024	0	10,000	2024	
15	Đường MC48 ấp Một xã Mó Công	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD khu vực 8	6477/QĐ-UBND; 07/11/2023	2.958,721	460	2024	0	6,000	2024	
16	Nâng cấp, sửa chữa các trường học xã Thạnh Tây	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD khu vực 7	4511/QĐ-UBND; 27/09/2024	633,464	106	2024		106,000	2024	
17	Nhà làm việc Công an xã Thạnh Bắc	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD khu vực 7	6420/QĐ-UBND; 30/12/2022	3.552,983	1.280	2024	790	490,000	2024	
18	Sửa chữa phòng họp Ban Thường vụ và phòng làm việc Bí thư, Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD khu vực 7	985/QĐ-UBND; 20/03/2024	1.133,264	906	2024		42,000	2024	
19	Trang thiết bị nhà làm việc các Ban Huyện ủy	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD khu vực 7	901/QĐ-UBND; 08/03/2024	1.789,543	1.348	2024		135,000	2024	
20	Sửa chữa Hội trường A và trụ sở UBND xã Tân Phong	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD khu vực 7	6711/QĐ-UBND; 22/11/2023	1.034,70	934	2024		34,000	2024	
21	Sân nền + hàng rào nhà văn hóa dân tộc ấp Xóm Tháp	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD khu vực 7	983/QĐ-UBND; 19/03/2024	457,58	427	2024		22,000	2024	
22	Cống thoát nước đường Nguyễn Hữu Thọ (đoạn từ Lý Tự Trọng đến đường Dương Bạch Mai)	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD khu vực 7	7245/QĐ-UBND; 29/12/2023	3.666,46	240	2024	115	125,000	2024	
23	Nâng cấp mặt đường + cống thoát nước + vỉa hè đường Huỳnh Tấn Phát (từ đường Nguyễn Chí Thanh đến đường Lý Tự Trọng)	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD khu vực 7	6517/QĐ-UBND; 31/12/2024	8.966,22	7.655	2024		459,000	2024	
24	Cống hộp đặt qua kênh N11 xã Trà Vong	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD khu vực 7	3574/QĐ-UBND; 26/07/2024	547,35	486	2024		45,000	2024	
II	**Dự án chuyển tiếp**					**7.094**		**1.940**	**5.453,000**		

1	Trường mầm non Hoa Mai - Hạng mục: 04 phòng học, 02 phòng chức năng	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 7	2872/QĐ-UBND; 06/06/2024	8.638,220	1.181	2024	0	1.181,000	2025	
2	Nâng cấp, sửa chữa các trường học xã Trà Vong	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 7	4513/QĐ-UBND; 27/09/2024	1.345,000	253	2024	0	253,000	2025	
3	Nâng cấp, sửa chữa các trường học xã Tân Bình	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 7	4586/QĐ-UBND; 02/10/2024	1.566,112	222	2024	0	222,000	2025	
4	Nâng cấp, sửa chữa các trường học xã Thạnh Bình	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 7	4512/QĐ-UBND; 27/09/2024	4.099,243	1.053	2024	860	193,000	2025	
5	Nâng cấp, sửa chữa các Trường học trên địa bàn thị trấn Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 7	4580/QĐ-UBND; 01/10/2024	7.120,086	263	2024	0	263,000	2025	
6	Đường HĐ A-10 nối đường HA -9 xã Hòa Hiệp (điểm giao đầu đường Chàng rục - Sóc thiết, điểm cuối giao kênh N8)	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 7	4604/QĐ-UBND; 04/10/2024	1.815	115	2.025,000	0	114,000	2025	
7	Xây mới hàng rào Nhà thiếu nhi	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD khu vực 7	4588/QĐ-UBND; 02/10/2024	2.407,863	1.927	2024		1.427,000	2025	
8	Nâng cấp, sửa chữa các trường học xã Hòa Hiệp	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD khu vực 7	4579./QĐ-UBND; 01/10/2024	2.458,403	363	2024		363,000	2025	
9	Nâng cấp, sửa chữa các trường học xã Tân Lập	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD khu vực 7	4585/QĐ-UBND; 02/10/2024	5.184,552	1.717	2024	1.080	637,000	2025	
10	Sở Chỉ huy thống nhất	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Bộ chỉ huy QS tỉnh	05/QĐ-QK ngày 10/01/2023	6.600,000	6.600	2.024,000	5.500	800,000	2025	
III	**Khởi công mới**					**17.870**		**0**	**4.583,000**		
1	Trường THCS Tân Phong - Hạng mục: nhà luyện tập TDTT	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 7	6509/QĐ-UBND; 31/12/2024	3.351,725		2025		280,000	2026	
2	Cống thoát nước + vỉa hè đường Nguyễn Thị Định (Nguyễn Chí Thanh đến Nguyễn Hữu Thọ)	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 7	7090/QĐ-UBND; 18/12/2023	7.195,132	2.850	2025	0	2.170,000	2026	
3	Mương thoát nước đường thạnh tây - hòa hiệp (đoạn từ tổ 12 thạnh tây - hòa hiệp đến dốc ô cà đây)	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 7	5055/QĐ-UBND; 24/10/2024	8.689	7.059	2.025,000	0	698,000	2025	
4	DA: Trường THCS Tân Lập - Hạng mục: nhà luyện tập TDTT	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 7	6506/QĐ-UBND; 31/12/2024	4.154	2.135	2.025,000	0	415,000	2025	

5	DA: Trường TH Tân Khai - Hạng mục: 02 phòng học, phòng tin học, phòng ngoại ngữ	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 7	6505/QĐ-UBND; 31/12/2024	3.822	2.180	2.025,000	0	360,000	2025	
6	Trường TH Nguyễn Đình Chiểu - Hạng mục: 03 phòng học, phòng tin học	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD khu vực 7	6508/QĐ-UBND; 31/12/2024	7.552,172	1.615	2025		240,000	2025	
7	Trường THCS Thạnh Bình - Hạng mục: nhà luyện tập TDTT	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD khu vực 7	6512/QĐ-UBND; 31/12/2024	4.144,038	2.031	2025		420,000	2025	
C	**Nguồn vốn sử dụng đất**	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên				**68.663**		**24.214**	**38.000,000**		
I	**Dự án thanh toán khối lượng**					**40.224**		**23.664**	**17,515,080**		
1	Xây dựng mới kho Vũ khí, đạn + đường vào kho Vũ khí, đạn	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 7	2773/QĐ-UBND; 30/05/2024	3.597,925	14	2024	1.057	14,442	2024	
2	Nâng cấp mặt đường + cống thoát nước + vỉa hè đường Cần Đăng	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 7	7086/QĐ-UBND; 15/12/2023	14.790,705	4	2024	0	4,348	2024	
3	Cống thoát nước hẻm 5 đường 30/4	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 7	7070a/QĐ-UBND; 13/12/2023	5.132,349	**2**	2024	3.190	1,771	2024	
4	Trường Tiểu học Thạnh Bắc A	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 7	2288/QĐ-UBND; 25/04/2023	12.297,408	**2.742**	2023	2.702	39,685	2024	
5	Bờ kè chống sạt lở suối Cần Đăng chảy qua trung tâm thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 7	2561/QĐ-UBND; 30/12/2024	234.834,624	16.385	2023	0	16.385,000	2024	
6	Trường Tiểu học Thạnh Bắc B	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 7	4295/QĐ-UBND; 10/03/2023	9.433,017	1.254	2023	1.217	36,910	2023	
7	Trường THCS Thạnh Bắc	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 7	6422/QĐ-UBND; 30/12/2022	10.420,905	1.131	2023	1.093	38,702	2023	
8	Nâng cấp mặt đường + Cống thoát nước + vỉa hè đường Nguyễn Minh Châu (từ đường Phạm Hùng đến đường Phan Văn Đáng)	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 7	5462/QĐ-UBND; 19/12/2022	12.092,131	139	2023	35	104,776	2023	
9	Nhà làm việc Công an xã Tân Phong	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 7	6377/QĐ-UBND; 30/12/2022	3.563,198	1.469	2023	1.452	16,745	2023	
10	Xây mới NLV các Ban Huyện ủy	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 7	535/QĐ-UBND; 17/02/2023	14.827,859	207	2023	0	207,000	2023	

11	Cổng trước, hàng rào Công an huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 7	6342/QĐ-UBND; 29/12/2022	3.040,366	12	2023	0	11,896	2023	
12	Nâng cấp cải tạo Trung tâm Văn hóa HT CĐ xã tân Lập	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 7	4312/QĐ-UBND; 11/09/2024	981,323	450	2024	450		2024	
13	Sửa chữa Hội trường, sân nền phòng Giáo dục & Đào tạo	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 7	6662/QĐ-UBND; 15/11/2023	2.176,794	673	2024	670	3,144	2024	
14	Nâng cấp mặt đường + Cống thoát nước + vỉa hè đường Phan Chu Trinh (đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh đến đường Nguyễn An Ninh)	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD khu vực 7	5069/QĐ-UBND; 21/11/2022	6.315	1.134	2023	1.134	25,585	2024	
15	Cứng hóa đường tổ 11 ấp Hòa Bình, xã Hòa Hiệp (nối dài đường Sóc Thiết - Chàng Rục)	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD khu vực 7	5467/QĐ-UBND; 20/12/2022	4.336	244	2023	243	0,602	2024	
16	Đường dẫn vào cầu Suối Mây xã Thạnh Tây	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD khu vực 7	1932/QĐ-UBND; 06/04/2023	2.455	2.455	2022	2.196	6,116	2023	
17	Trường Mầm non Hoa Lan (điểm chính)	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD khu vực 7	2269/QĐ-UBND; 25/04/2023	12569,646	1.614	2023	1.570	44,515	2024	
18	Thảm bê tông nhựa + Vỉa hè đường 30/4 (từ trường Trần Phú đến ngã 3 chợ cũ)	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD khu vực 7	3501/QĐ-BQLDA; 23/11/2021	39389,347	805	2023		355	2024	
19	Nâng cấp mặt đường + cống thoát nước + vỉa hè đường Huỳnh Tấn Phát (từ đường Nguyễn Chí Thanh đến đường Lý Tự Trọng)	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD khu vực 7	6517/QĐ-UBND; 31/12/2024	8966,22	7.655	2024	5.005	215	2024	
20	Cống hộp đặt qua kênh N11 xã Trà Vong	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD khu vực 7	3574/QĐ-UBND; 26/07/2024	547,347	486	2024	440	1,291	2024	
21	Trang thiết bị nhà làm việc các Ban Huyện ủy	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD khu vực 7	901/QĐ-UBND; 08/03/2024	1789,543	1.348	2024	1.210	2,552	2024	
II	**Dự án chuyển tiếp**					**2.360**		**550**	**1.810**		
1	Mua sắm bàn ghế học sinh	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 7	4589/QĐ-UBND; 02/10/2024	3.543,863	2.360	2024	550	1.810	2025	
III	**Khởi công mới**				**27.708**	**26.079**		**0**	**18.675**		
1	Cống thoát nước + vỉa hè đường dương bạch mai (Nguyễn Chí Thanh đến nguyễn hữu thọ)	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 7	7110a/QĐ-UBND; 20/12/2023	7.223,639	7.224,639	2025	0	6.405,92	2025	

2	Nâng cấp, cải tạo Nhà thiếu nhi	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 7	2415/QĐ-UBND; 13/05/2025	1.441,381	1.441,381	2025	0	1.125	2025	
3	Nâng cấp mặt đường + cống thoát nước+ vỉa hè đường Lý Tự Trọng (đoạn từ đường Huỳnh Tấn Phát đến đường Dương Bạch Mai)	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 7	6517/QĐ-UBND; 31/12/2024	8.966,220	8.966,220	2025	0	4.800	2025	
4	Sữa chữa hàng rào UBND xã thạnh bình	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD khu vực 7	4857/QĐ-UBND; 09/10/2024	337,518	338	2025	0	300	2025	
5	Trang bị hệ thống camera giám sát an ninh trật tự tập trung huyện Tân Biên	Văn phòng HĐND và UBND	Ban QLDA ĐTXD khu vực 7	2876/QĐ-UBND, 29/5/2025	1.050	1.050	2025		1.030	2025	
6	Mương thoát nước đường thạnh tây - hòa hiệp (đoạn từ tổ 12 thạnh tây - hòa hiệp đến đốc ô cá đây)	Ban QLDA ĐTXD huyện Tân Biên	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 7	5055/QĐ-UBND; 24/10/2024	8.689	7.059	2.025,000	0	5.014	2025	

Phụ lục 12

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

NGUỒN VỐN: XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG VÀ THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN ĐIỀU CHUYỂN VỀ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

Đính kèm Nghị quyết số: 07/NQ-HĐND ngày 07/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2			3	4	5	6	7	8	9	10
A	**TỔNG CỘNG**				**508.675,997**	**503.635,726**		**284.496,069**	**65.120**		
A.1	**Nguồn thu tiền sử dụng đất**				**471.328**	**466.288**		**265.796**	**58.000**		
	Công trình mới				**144.697**	**144.697**		**8.637**	**34.889,939**		
1	Xây dựng nhà văn hóa ấp An Lộc xã An Cơ, MDA: 8096377	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	186/Q Đ-UBND ngày 08/5/2024	750	750	2025	-	413,000	2025	
2	Xây dựng nhà văn hóa ấp Sa Nghe xã An Cơ, MDA: 8096378	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	223/QĐ-UBND ngày 17/6/2024	500	500	2025	-	157,027	2025	
3	Xây mới nhà văn hóa ấp An Thọ xã An Cơ, MDA: 8096643	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	224/QĐ-UBND ngày 17/06/2024	500	500	2025	-	182,832	2025	
4	Xây dựng nhà văn hóa ấp Vịnh An Cơ, MDA: 8087302	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	175/QĐ-UBND ngày 02/05/2024	747	747	2025	-	410,000	2025	
5	Trường Tiểu học An Cơ, MDA: 8110563	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	391/QĐ-UBND ngày 01/10/2024	14.677	14.677	2025	-	373,633	2025-2026	
6	Chợ An Cơ, MDA: 8126881	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	23/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	1.151	1.151	2025	-	54,617	2025	
7	Cải tạo sân nền Trường THCS Hòa Hội và Trường TH Hòa Hội (Điểm chính); MDA: 8116567	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	415/QĐ-UBND ngày 14/10/2024	750	750	2025	-	106,000	2025	
8	Sân nền, hàng rào, mái che và máy tập thể dục cho các nhà văn hoá ấp và TTVH xã Ninh Điền; MDA: 8108958	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	385/QĐ-UBND ngày 27/9/2024	471	471	2025	-	31,373	2025	Đã PDQT
9	Sân nền, hàng rào, mái che và máy tập thể dục cho các nhà văn hóa ấp và TTVH xã Biên Giới; MDA: 8117822	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	416/QĐ-UBND ngày 14/10/2024	945	945	2025	-	57,095	2025	
10	Xây mới nhà văn hoá ấp Bến Cầu (bao gồm sân nền, hàng rào, mái che, máy tập thể dục); MDA: 8110562	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	412/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	899	899	2025	-	171,177	2025	
11	Sân nền, hàng rào, mái che và máy tập thể dục cho các nhà văn hoá ấp và TTVH xã Hoà Thạnh; MDA: 8110559	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	386/QĐ-UBND ngày 27/9/2024	1.064	1.064	2025	-	138,128	2025	
12	Sân nền, hàng rào, mái che và máy tập thể dục cho các nhà văn hoá ấp và TTVH xã Phước Vinh; MDA: 8116562	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	388/QĐ-UBND ngày 01/10/2024	1.198	1.198	2025	-	426,973	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2			3	4	5	6	7	8	9	10
13	Xây mới nhà văn hoá ấp Phước Lập (bao gồm sân nền, hàng rào, mái che, máy tập thể dục); MDA: 8116561	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	397/QĐ-UBND ngày 08/10/2024	899	899	2025	-	154,138	2025	
14	Sân nền, hàng rào, mái che và máy tập thể dục cho các nhà văn hoá ấp và TTVH xã Thành Long; MDA: 8110561	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	327/QĐ-UBND ngày 01/10/2024	1.299	1.299	2025	-	422,704	2025	
15	Xây mới nhà văn hoá ấp Bắc Bến Sỏi xã Thành Long; MDA: 8110560	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	384/QĐ-UBND ngày 27/9/2024	899	899	2025	-	360,567	2025	
16	Trang bị bàn ghế Trường TH Hào Đước A; MDA: 8110565	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	439/QĐ-UBND ngày 23/10/2024	199	199	2025	-	199,094	2025	Đã PDQT
17	Sân nền Trường THCS Trí Bình; MDA: 8096376	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	465/QĐ-UBND ngày 12/11/2024	524	524	2025	-	473,280	2025	
18	Xây mới 02 phòng học, 01 phòng tin học công nghệ, 01 phòng kho, Trường Mầm non Thanh Điền (điểm Thanh Phước); MDA: 8058128	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	275/QĐ-UBND ngày 18/7/2025	3.307	3.307	2025	-	2.910,000	2025-2026	
19	Cải tạo Trường TH Thị trấn Châu Thành A; MDA: 8116564	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	482/QĐ-UBND ngày 04/12/2024	901	901	2025	-	828,000	2025	
20	Cải tạo Trường TH Đỗ Tấn Nhiên (02 điểm trường); MDA: 8110564	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	345/QĐ-UBND ngày 24/6/2025	1.035	1.035	2025	-	953,704	2025	
21	Trường THCS Thị trấn (giai đoạn 2); MDA: 8116560	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	481/QĐ-UBND ngày 04/12/2024	4.000	4.000	2025	-	3.500,000	2025	
22	Sân nền, mương thoát nước phía sau Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện; MDA: 8110558	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	486/QĐ-UBND ngày 09/12/2024	698	698	2025	-	42,320	2025	
23	Xây mới nhà làm việc BCHQS xã An Cơ, MDA: 8126883	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	499/QĐ-UBND ngày 18/12/2024	3.493	3.493	2025	-	154,463	2025	Đã PDQT
24	Đường tổ 5 ấp Vịnh xã An Cơ; MDA: 8114061	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	570/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	3.263	3.263	2025	-	853,452	2025	
25	Đường thánh thất ấp Sa Nghe xã An Cơ; MDA: 8076803	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	554/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	6.158	6.158	2025	-	800,000	2025	
26	Đường tổ 14-15 An Lộc xã An Cơ; MDA: 8097541	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	531/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	2.527	2.527	2025	-	710,000	2025	
27	Đường tổ 1, 2 Sa Nghe - kênh xã An Cơ; MDA: 8076799	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	574/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	3.750	3.750	2025	-	807,000	2025	
28	Đường tổ 9 An Lộc - Đường Lò sấy thuốc lá xã An Cơ; MDA: 8074258	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	528/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	2.530	2.530	2025	-	712,000	2025	
29	Đường số 3-5-6 ấp Vịnh xã An Cơ; MDA: 8068169	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	495/QĐ-UBND ngày 19/12/2023	1.162	1.162	2025	-	74,592	8/4/2025	Đã NTĐVSD
30	Đường số 8-9-10-12-13-14 ấp Vịnh xã An Cơ; MDA: 8068168	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	498/QĐ-UBND ngày 19/12/2023	3.648	3.648	2025	-	840,000	10/9/2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2			3	4	5	6	7	8	9	10
31	Đường số 15-16-18-19 ấp Vịnh xã An Cơ, MDA: 8068170	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	497/QĐ-UBND ngày 19/12/2023	1.857	1.857	2025	-	649,838	10/9/2025	
32	Đường số 21-22-23 ấp Vịnh xã An Cơ; MDA: 8068173	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	496/QĐ-UBND ngày 19/12/2023	2.729	2.729	2025	-	273,472	9/19/2025	
33	Đường số 30-31-32 ấp Vịnh xã An Cơ; MDA: 8114056	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	571/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	1.549	1.549	2025	-	378,000	2025	
34	Đường số 33-34-35 ấp Vịnh xã An Cơ; MDA: 8114057	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	572/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	1.651	1.651	2025	-	468,000	2025	
35	Đường 38-39-40-41-42-43 ấp An Lộc xã An Cơ, MDA: 8074256	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	530/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	3.722	3.722	2025	-	700,000	2025	
36	Đường 52-53-54 ấp An Lộc xã An Cơ; MDA: 8097540	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	532/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	1.618	1.618	2025	-	739,000	2025	
37	Đường tổ 14 ấp Sa Nghe AHLLVT xã An Cơ; MDA: 8076802	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	575/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	1.426	1.426	2025	-	58,000	2025	
38	Đường tổ 9 - đường Lộ Kiểm ấp Sa Nghe xã An Cơ, MDA: 8076800	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	576/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	1.580	1.580	2025	-	94,000	2025	
39	Dặm vá, sửa chữa nối đường Gò Rắn Hổ ra Bến Trường ấp Hoà Bình xã Hoà Hội; MDA: 8116597	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	406/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	781	781	2025	-	107,000	2025	
40	Sửa chữa, ban gạt các tuyến đường trên địa bàn xã Hoà Hội; MDA: 8116588	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	403/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	499	499	2025	-	61,000	2025	
41	Đường từ ĐT.796 đến Bến phà và vào trường THCS Ninh Điền ấp Gò Nổi, xã Ninh Điền; MDA: 8116573	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	381/QĐ-UBND ngày 26/09/2024	1.319	1.319	2025	-	53,000	2025	
42	Đường khu đồng bào dân tộc ấp Bến Cừ, xã Ninh Điền; MDA: 8116574	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	380/QĐ-UBND ngày 26/09/2024	2.296	2.296	2025	-	306,000	2025	
43	Đường từ ĐH18 ra ĐT796 ấp Gò Nổi, xã Ninh Điền; MDA: 8117824	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	362/QĐ-UBND ngày 30/06/2025	444	444	2025	-	50,000	Đã PD Quyết toán	
44	Đường Bàu cây Gáo ấp Bến Cừ xã Ninh Điền; MDA: 8116595	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	382/QĐ-UBND ngày 26/09/2024	4.488	4.488	2025	-	324,000	2025	
45	Đường Xóm Rẫy ấp Gò Nổi xã Ninh Điền; MDA: 8116593	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	377/QĐ-UBND ngày 26/09/2024	2.147	2.147	2025	-	76,000	2025	
46	Đường từ HL12 đi Gò Vân Hương, xã Biên Giới, MDA: 8114060	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	407/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	2.268	2.268	2025	-	522,000	2025	
47	Đường từ HL8 ra bến phà Bực Lỡ, xã Biên Giới; MDA: 8114058	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	408/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	4.690	4.690	2025	-	103,000	2025	
48	Đường DA52 ấp Hiệp Phước, xã Hoà Thạnh; MDA: 8116571	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	417/QĐ-UBND ngày 14/10/2024	564	564	2025	-	82,000	2025	
49	Đường tổ 7 ấp Hiệp Thành, xã Hoà Thạnh; MDA: 8116568	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	419/QĐ-UBND ngày 14/10/2024	3.095	3.095	2025	-	730,000	2025	
50	Đường DA53 ấp Hiệp Phước, xã Hoà Thạnh; MDA: 8116596	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	420/QĐ-UBND ngày 14/10/2024	750	750	2025	-	200,000	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2			3	4	5	6	7	8	9	10
51	Đường ND62 ấp Hòa Hợp, xã Hòa Thạnh; MDA: 8114064	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	394/QĐ-UBND ngày 02/10/2024	1.299	1.299	2025	-	331,000	2025	
52	Đường ND65 ấp Hoà Hợp, xã Hoà Thạnh; MDA: 8114065	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	393/QĐ-UBND ngày 02/10/2024	1.549	1.549	2025	-	196,000	2025	
53	Đường ND66 ấp Hoà Hợp, xã Hoà Thạnh; MDA: 8114052	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	392/QĐ-UBND ngày 02/10/2024	991	991	2025	-	200,000	2025	
54	Dặm vá, sửa chữa đường cánh đồng Tà Êt, đường rạch Lún, đường Rạch Chích, đường Kênh N3 ấp Cây Ổi, đường ND68 ấp Hoà Hợp xã Hoà Thạnh; MDA: 8114049	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	421/QĐ-UBND 14/10/2024	800	800	2025	-	150,000	2025	
55	Sửa chữa, ban gạt các tuyến đường trên địa bàn xã Hoà Thạnh; MDA: 8114051	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	326/QĐ-UBND ngày 20/6/2025	717	717	2025	-	150,000	2025	
56	Đường 34 ấp Phước Thạnh, xã Phước Vinh; MDA: 8117821	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	423/QĐ-UBND 14/10/2024	1.252	1.252	2025	-	95,000	2025	
57	Đường số 3 ấp Phước Lợi, xã Phước Vinh; MDA: 8116569	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	425/QĐ-UBND 14/10/2024	1.436	1.436	2025	-	217,000	2025	
58	Đường số 5 ấp Phước Lợi, xã Phước Vinh; MDA: 8117823	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	427/QĐ-UBND ngày 14/10/2024	1.525	1.525	2025	-	149,000	2025	
59	Đường số 11, 11a ấp Phước Lợi, xã Phước Vinh; MDA: 8116592	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	429/QĐ-UBND ngày 14/10/2024	1.310	1.310	2025	-	347,000	2025	
60	Sửa chữa, ban gạt các tuyến đường trên địa bàn xã Phước Vinh; MDA: 8114050	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	430/QĐ-UBND ngày 14/10/2024	766	766	2025	-	150,000	2025	
61	Đường hẻm số 8 ấp Bắc Bến Sỏi, xã Thành Long; MDA: 8114457	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	299/QĐ-UBND ngày 25/07/2024	512	512	2025	-	68,969	8/10/2025	Đã NTĐVSD
62	Đường hẻm số 10 ấp Bắc Bến Sỏi, xã Thành Long; MDA: 8115323	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	301/QĐ-UBND ngày 25/07/2024	1.187	1.187	2025	-	156,351	8/10/2025	Đã NTĐVSD
63	Đường hẻm số 12, ấp Bắc Bến Sỏi, xã Thành Long; MDA: 8115324	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	300/QĐ-UBND ngày 25/07/2024	739	739	2025	-	222,772	8/10/2025	Đã NTĐVSD
64	Đường hẻm số 16 ấp Bắc Bến Sỏi, xã Thành Long; MDA: 8115326	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	303/QĐ-UBND ngày 25/07/2024	1.296	1.296	2025	-	370,000	9/13/2025	
65	Đường hẻm số 42 ấp Thành Trung, xã Thành Long; MDA: 8115328	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	304/QĐ-UBND ngày 25/07/2024	323	323	2025	-	47,781	6/11/2025	Đã NTĐVSD
66	Đường Bàu Tà On, ấp Thành Nam, xã Thành Long; MDA: 8109640	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	374/QĐ-UBND ngày 24/09/2024	979	979	2025	-	374,228	8/10/2025	
67	Sửa chữa, ban gạt các tuyến đường trên địa bàn xã Thành Long; MDA: 8114048	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	355/QĐ-UBND ngày 30/8/2024	576	576	2025	-	379,443	5/12/2025	Đã NTĐVSD
68	Nối đường từ Trung tâm văn hoá xã đến đường tổ 9 ấp Bàu Sen, xã Hảo Đước; MDA: 8114053	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	405/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	1.789	1.789	2025	-	551,000	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2			3	4	5	6	7	8	9	10
69	Sửa chữa Đường huyện 11B; MDA: 8127900	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	309/QĐ-UBND ngày 30/07/2024	8.671	8.671	2025	-	5.111,076	2025	
70	Đường liên xã Hảo Đước-Đồng Khởi (đường vào cầu Hạnh Phúc); MDA: 8126880	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	04/QĐ-UBND ngày 14/01/2025	1.965	1.965	2025	-	1.524,000	2025	
71	Xây dựng kho để vật chất của Đại đội bộ binh 40 Ban chỉ huy quân sự huyện	BCHQS huyện	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	229/QĐ-UBND, 13/05/2025	959	959	2024	921	37,906	-	
72	Cải tạo sửa chữa cổng, hàng rào xung quanh doanh trại Đại đội bộ binh 40	BCHQS huyện	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	209/QĐ-UBND, 26/04/2025	1.187	1.187	2024	1.157	29,586		
73	Sửa chữa đường từ ĐH7 đi ĐH12 xã Biên Giới.	Phòng KT&HT	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	179/QĐ-UBND, 14/04/2025	1.033	1.033	2024	910	122,923	-	
74	Sửa chữa bảo trì Đường huyện 13	Phòng KT&HT	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	196/QĐ-UBND, 17/04/2025	1.192	1.192	2024	1.170	22,388	-	
75	Lắp đèn chiếu sáng trên các tuyến đường huyện qua xã Hòa Hội, Hòa Thạnh, Biên Giới và Phước Vinh	Phòng KT&HT	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	841/QĐ-UBND, 18/04/2025	1.139	1.139	2024	979	159,873	-	
76	Lắp đèn chiếu sáng trên các tuyến đường qua xã Ninh Điền, Thành Long	Phòng KT&HT	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	843/QĐ-UBND, 18/04/2025	936	936	2024	810	126,101	-	
77	Lắp đèn chiếu sáng trên các tuyến đường huyện qua xã Hảo Đước, Trí Bình	Phòng KT&HT	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	842/QĐ-UBND, 18/04/2025	880	880	2024	850	29,665	-	
78	Lắp đèn chiếu sáng trên các tuyến đường qua xã Thái Bình, Đồng Khởi và An Cơ	Phòng KT&HT	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	646/QĐ-UBND, 02/04/2025	1.053	1.053	2024	940	113,430		
79	Lắp đèn chiếu sáng trên các tuyến đường qua xã An Bình, Thanh Điền và Long Vĩnh	Phòng KT&HT	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	807/QĐ-UBND, 10/04/2026	930	930	2024	900	30,168	-	
80	Nâng cấp, sửa chữa 02 dãy nhà làm việc nhà ở cán bộ Ban CHQS huyện	Ban CHQS huyện	Bộ Chỉ huy QS tỉnh	105/QĐ-UBND, 20/02/2025	1.100	1.100	2025	-	67		
81	Nâng cấp, sửa chữa nhà ở dân quân, nhà vệ sinh Ban CHQS huyện.	Ban CHQS huyện	Bộ Chỉ huy QS tỉnh	105/QĐ-UBND, 620/02/2025	1.190	1.190	2025	-	69		
	Công trình chuyển tiếp, thanh toán nợ				**326.631**	**321.590**		**257.159**	**23.110,062**		
1	Xây dựng trụ sở làm việc công an xã An Bình huyện Châu Thành; MDA: 7980931	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	212/QĐ-UBND 18/5/2023	3.174	3.174	2024	2.400	684,790	2025	
2	Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Thanh Điền huyện Châu Thành; MDA: 7980927	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	348/QĐ-UBND ngày 24/6/2025	3.170	3.170	2024	1.600	1.681,420	2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2			3	4	5	6	7	8	9	10
3	Nhà thi đấu đa năng Trường THCS An Bình; MDA:8055705	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	11/QĐ-UBND 19/01/2024	2.301	2.301	2024	2.000	123,881	2024	
4	Xây mới trụ sở Công an Thị Trấn; MDA: 8080625	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	163/QĐ-UBND ngày 22/04/2024	4.500	4.500,000	2024	3.400	836,833	2.025	
5	Hệ thống PCCC Trường MG Biên Giới; MDA:8061244	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	239/QĐ-UBND 27/6/2024	1.482	1.482	2024	1.000	283,756	2025	
6	Hệ thống PCCC Trường mẫu giáo An Bình; MDA: 8061243	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	258/QĐ-UBND 04/7/2024	1.505	1.505	2024	1.200	183,692	2025	
7	Cải tạo phòng một cửa UBND huyện Châu Thành; MDA: 8028254	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	296/QĐ-UBND ngày 19/7/2024	95	95	2024	86	9,800	2024-2025	
8	Hệ thống PCCC Trường mầm non Trưng Vương; MDA: 8061256	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	318/QĐ-UBND ngày 01/08/2024	1.664	1.664,038	2024	700	690,810	2.025	
9	Hệ thống PCCC Trường Mẫu giáo Thành Long Cơ sở 1,2; MDA: 8071597	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	282/QĐ-UBND ngày 02/6/2025	1.357	1.357	2024	800	557,878	2025	
10	Cải tạo, sửa chữa Nhà làm việc, kho lưu trữ, nhà bếp UBND huyện; MDA: 8098308	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	328/QĐ-UBND ngày 07/8/2024	3.202	3.202	2024	1.950	959,785	2024-2025	Đã PDQT
11	Cải tạo nhà làm việc Huyện uỷ, khối phòng họp Ban Chấp hành Đảng bộ huyện và khối phòng làm việc Ban Tổ chức Huyện uỷ, Uỷ ban Kiểm tra Huyện ủy, MDA: 8114062	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	437/QĐ-UBND 22/10/2024	1.141	1.141	2024	513	512,340	2025	
12	Xây mới cầu Hoà Bình; MDA: 8017212	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	422/QĐ-UBND 02/11/2023	37.875	37.875	2024	20.479	407,000	03/9/2025	
13	Đường từ Long Vĩnh đi Long Chữ; MDA: 8080062	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	578/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	13.584	11.629	2024	9.172	2.457,000	2025	Đã PDQT
14	Sửa chữa cống qua đường trên suối cùng, ấp 1, xã Phước Vĩnh; MDA: 8098309	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	409/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	214	214	2024	150	52,229	2025	Đã PDQT
15	Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Long Vĩnh huyện Châu Thành; MDA: 7984291	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	517/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	3.169	3.169	2024	2.400	617,626	2024	Đã PDQT
16	Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Thành Long huyện Châu Thành; MDA: 7984293	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	232/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	3.480	3.480	2024	3.000	142,347	2024-2025	Đã PDQT
17	Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Thái Bình huyện Châu Thành; MDA: 7980926	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	523/QĐ-UBND ngày 01/12/2022	3.170	3.170	2024	2.635	331,348	2025	
18	Xây dựng trụ sở làm việc công an xã An Cơ huyện Châu Thành; MDA: 7980928	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	140/QĐ-UBND ngày 28/32023	3.170	1.500,000	2024	2.927	197,586	2024-2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2			3	4	5	6	7	8	9	10
19	Xây dựng Trung tâm văn hoá thể thao và học tập cộng đồng xã Long Vĩnh; MDA: 8033923	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	236/QĐ-UBND ngày 13/5/2025	4.739	4.739	2024	4.538	201,845	2024-2025	
20	Xây dựng nhà văn hoá ấp Long Chẩn xã Long Vĩnh; MDA: 8017208	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	47/QĐ-UBND ngày 16/02/2023	688	688	2024	661	3,768	2024	Đã PDQT
21	Nâng cấp, cải tạo trạm y tế xã Long Vĩnh; MDA: 8017484	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	102/QĐ-UBND ngày 08/3/2023	857	857	2024	772	4,398	2024	Đã PDQT
22	Sửa chữa chợ xã Long Vĩnh; MDA: 8036509	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	262/QĐ-UBND ngày 02/5/2023 ; 209/QĐ-UBND ngày 04/6/2025	563	563	2024	528	14,490	2024	Đã PDQT
23	Trường trung học cơ sở Thị Trấn; MDA: 8036998	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	552/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	2.820	2.820	2024	2.500	158,377	2025	
24	Trường tiểu học thị trấn Châu Thành A; MDA: 8036997	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	553/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	2.176	2.176	2024	2.030	19,906	2024	
25	Trường THCS Võ Văn Truyện; MDA:8045914	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	539/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	2.602	2.602	2024	2.273	83,654	2024	Đã PDQT
26	Trường TH Bình Phong; MDA: 8052823	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	529/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	2.582	2.582	2024	2.300	109,127	2025	
27	Nhà thi đấu đa năng Trường TH Hòa Hội; MDA: 8055704	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	16/QĐ-UBND ngày 24/01/2024	2.362	2.362	2024	2.130	115,417	2024	
28	Nhà thi đấu đa năng Trường THCS Thái Bình; MDA: 8055719	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	10/QĐ-UBND ngày 19/01/2024	2.345	2.345	2024	1.903	266,870	2025	
29	Nhà thi đấu đa năng Trường TH Thanh Trung; MDA: 8052825	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	15/QĐ-UBND ngày 24/01/2024	2.251	2.251	2024	1.800	195,372	2024	Đã PDQT
30	Trường Mẫu giáo Long Vĩnh; MDA: 8071599	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	266/QĐ-UBND ngày 29/5/2025	7.095	7.095	2024	6.557	538,321	202-2025	Đã PDQT
31	Trường Tiểu học Long Vĩnh; MDA: 8078552	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	434/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	14.987	14.987	2024	10.442	1.725,486	2024-2025	Đã PDQT
32	Xây dựng chợ KP3 thị trấn Châu Thành; MDA: 8049062	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	286/QĐ-UBND ngày 02/06/2025	2.297	2.297	2024	1.467	417,363	2024-2025	Đã PDQT
33	Sửa chữa, cải tạo chợ Ninh Điền; MDA: 8046556	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	22/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	1.464	1.464	2024	900	352,188	2024	Đã PDQT
34	Xây dựng mới chợ Biên Giới; MDA: 7921844	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	284/QĐ-UBND ngày 02/06/2025	2.948	2.948	2024	2.430	402,736	2024-2025	Đã PDQT
35	Sửa chữa, cải tạo Chợ Phước Vinh; MDA: 8059200	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	21/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	2.413	2.413	2024	2.280	76,330	2024	Đã PDQT
36	Sửa chữa, nâng cấp công viên xã Thanh Điền; MDA: 8061255	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	271/QĐ-UBND ngày 16/05/2022	1.913	1.913	2024	1.875	2,238	2024	
37	Sửa chữa chợ khu phố 4 thị trấn Châu Thành; MDA: 8061237	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	123/QĐ-UBND ngày 21/03/2024	912	912	2024	835	0,279	2024	
38	Nâng cấp trụ sở UBND xã Long Vĩnh; MDA: 8017211	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	207/QĐ-UBND ngày 26/4/2025	1.616	1.616	2024	1.600	16,767	2024	Đã PDQT

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2			3	4	5	6	7	8	9	10
39	Sửa chữa trạm y tế các xã (giai đoạn 2); MDA: 8061258	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	285/QĐ-UBND ngày 02/06/2025	4.415	4.415,450	2024	2.635	862,083	2024-2025	Đã PDQT
40	Hệ thống PCCC Trường mẫu giáo Đồng Khởi; MDA: 8053308	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	281/QĐ-UBND ngày 02/6/2025	1.417	1417	2024	1.000	417,261	2024-2025	Đã PDQT
41	Hệ thống PCCC Trường Mẫu giáo Thanh Điền – Cơ sở 1; MDA: 8038219	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	240/QĐ-UBND ngày 27/6/2024	1.537	1.537	2024	1.200	223,033	2025	
42	Hệ thống PCCC Trường THCS Võ Văn Truyện; MDA: 8078553	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	260/QĐ-UBND ngày 04/7/2024	2.045	2.045	2024	1.368	361,363	2024	Đã PDQT
43	Xây mới nhà khách BCHQS huyện Châu Thành; MDA: 8080066	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	235/QĐ-UBND ngày 25/6/2024	998	998	2024	960	19,837	2025	
44	Di tích Căn cứ bộ đội hải ngoại SIVOTHA xã Hòa Hội; MDA: 8061246	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	286/QĐ-UBND ngày 18/07/2024	300	299,947	2024	266	9,809	2024	
45	Nâng cấp, cải tạo văn phòng ấp Long Đại; MDA: 8087307	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	212/QĐ-UBND ngày 26/4/2025	228	229	2024	220	8,343	2024	Đã PDQT
46	Trang bị bàn ghế Trường THCS Ninh Điền, MDA: 8114063	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	228/QĐ-UBND ngày 13/05/2025	379	379	2024	355	15,981	2025	Đã PDQT
47	Trường Tiểu học Giồng Nần; MDA: 8030892	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	ngày 13/05/2025	6.781	6.781	2024	6.747	34,209	2023-2025	Đã PDQT
48	Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Ninh Điền huyện Châu Thành; MDA: 7984292	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	234/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	3.037	3.037	2024	3.016	21,342	2023-2025	Đã PDQT
49	Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Hòa Thạnh huyện Châu Thành; MDA: 7984290	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	583/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	3.157	3.157	2024	3.116	17,138	2024	
50	Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Trí Bình huyện Châu Thành; MDA: 7984069	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	537/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	3.137	3.137	2024	3.058	74,467	2024	
51	Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Biên Giới huyện Châu Thành; MDA: 7984289	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	584/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	3.171	3.171	2024	3.060	99,125	2024	
52	Trường Tiểu học Hảo Đước B; MDA: 8015999	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	88/QĐ-UBND ngày 01/3/2023	7.468	7.468	2024	7.432	35,848	2023-2025	Đã PDQT
53	Trung tâm VHTT-HTCĐ xã Hảo Đước; MDA: 8017207	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	95/QĐ-UBND ngày 03/3/2023	5.000	5.000	2024	4.843	27,606	2024	
54	Trường mẫu giáo Hảo Đước (giai đoạn 2); MDA: 8017209	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	96/QĐ-UBND ngày 03/3/2023	7.260	7.260	2024	6.700	146,183	2024	
55	Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Hòa Hội huyện Châu Thành; MDA: 7984288	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	103/QĐ-UBND ngày 09/03/2023	3.156	3.156	2024	3.041	17,333	2024	
56	Xây dựng Ban chỉ huy quân sự xã Phước Vinh; MDA: 8053310	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	411/QĐ-UBND ngày 20/10/2023	3.225	3.225	2024	3.031	17,277	2023-2025	Đã PDQT

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2			3	4	5	6	7	8	9	10
57	Xây dựng Ban chỉ huy quân sự xã Biên Giới; MDA: 8036993	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	275/QĐ-UBND ngày 11/7/2023	3.183	3.183	2024	2,907	16,571	2024	Đã PDQT
58	Nâng cấp cải tạo Hội trường Huyện uỷ Châu Thành; MDA: 8036001	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	318/QĐ-UBND ngày 22/9/2023	12.508	12.508	2024	10.970	42,027	2023-2025	Đã PDQT
59	Đường tổ 19,20 ấp Long Châu, xã Long Vĩnh; MDA: 8012031	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	591/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	6.804	6.804	2024	5.539	353,883	2025	
60	Đường tổ 5,8,9 ấp Long Đại, xã Long Vĩnh; MDA:8012035	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	587/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	4.476	4.476	2024	3.700	597,049	2025	Đã PDQT
61	Đường tổ 13,4,9 ấp Long Đại, xã Long Vĩnh; MDA:8012033	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	586/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	3.182	3.182	2024	2.650	77,993	2025	Đã PDQT
62	Đường tổ 1,2,3 ấp Long Phú, xã Long Vĩnh; MDA: 8012048	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	597/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	3.126	3.126	2024	2.700	100,215	2024	Đã PDQT
63	Đường tổ 12,13,14 ấp Long Chẩn và tổ 17,18 ấp Long Châu, xã Long Vĩnh; MDA: 8012053	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	596/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	6.174	6.174	2024	4.700	553,520	2025	Đã PDQT
64	Đường tổ 5,4,9 ấp Long Châu và tổ 1,2,3 ấp Long Chẩn, xã Long Vĩnh; MDA: 8012039	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	589/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	4.684	4.684	2024	3.800	313,050	2025	
65	Đường tổ 5,7,8 ấp Long Chẩn, xã Long Vĩnh; MDA: 8012037	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	592/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	2.202	2.202	2024	1.900	65,627	2025	
66	Đường tổ 4,5 ấp Long Đại, xã Long Vĩnh; MDA: 8012038	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	588/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	941	941	2024	765	76,473	2024	Đã PDQT
67	Đường tổ 1,6,7,8 ấp Long Châu, xã Long Vĩnh; MDA: 8012047	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	599/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	5.370	5.370	2024	3.622	577,017	2025	
68	Đường tổ 7,13 ấp Long Đại, xã Long Vĩnh; MDA: 8012034	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	582/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	924	924	2024	755	50,259	2024	Đã PDQT
69	Đường tổ 13,15 ấp Long Châu, xã Long Vĩnh; MDA: 8012032	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	600/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	2.455	2.455	2024	1.765	241,073	2025	
70	Đường tổ 1,2 ấp Long Đại, xã Long Vĩnh; MDA: 8012049	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	585/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	1.351	1.351	2024	1.131	6,448	2024	Đã PDQT
71	Làm mới Đường Liên KP1, KP2; MDA:8061257	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	27/QĐ-UBND ngày 07/02/2024	6.789	6.789	2024	6.350	257,057	2025	Đã PDQT
72	Sửa chữa nâng cấp đường Võ Thị Sáu (Đoạn KP2); MDA: 8061241	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	573/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	1.907	1.907	2024	1.580	28,486	2024	Đã PDQT
73	Đường liên xã Thị Trấn - Tri Bình; MDA: 8061242	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	29/QĐ-UBND ngày 27/02/2024	4.553	4.553	2024	3.683	66,715	2024	Đã PDQT
74	Chỉnh trang Đường Bùi Xuân Nguyên (đoạn từ Đường Hoàng Lê Kha đến ĐT781); MDA:8080742	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	569/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	4.058	4.058	2024	2.420	484,519	2025	Đã PDQT
75	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT.786 đến đường tổ 4-5-6 ấp Thanh Thuận, xã Thanh Điền; MDA: 8076792	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	555/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	1.347	1.347	2024	1.160	33,066	2024	Đã PDQT

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2			3	4	5	6	7	8	9	10
76	Nâng cấp đường từ tổ 3 bến phà ấp Rạch Tre xã Biên Giới; MDA: 8084334	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	160/QĐ-UBND ngày 16/4/2024	1.618	1.618	2024	1.212	42,000	2024	
77	Nâng cấp đường tổ 5 đến tổ 12 ấp Suối Dộp xã Thái Bình; MDA: 8013681	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	39/QĐ-UBND ngày 10/02/2023	10.598	10.598	2024	6.754	850,913	2025	Đã PDQT
78	BTXM Hẻm số 3 - QL22B ấp Thanh Phước xã Thanh Điền; MDA: 8077744	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	124/QĐ-UBND ngày 21/3/2024	1.049	1.049	2024	900	21,661	2024	Đã PDQT
79	Làm đèn đường Ngã 3 sọ đến Trường TTGD thường xuyên huyện; MDA: 8106313	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	357/QĐ-UBND ngày 11/9/2024	599	599	2024	550	28,225	2025	Đã PDQT
80	Đường liên ấp Long Phú - Long Đại, xã Long Vĩnh, MDA: 8012051	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	604/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	11.198	11.198	2024	10.094	145,902	2024	Đã PDQT
81	Đường tổ 4,5 ấp Long Phú, xã Long Vĩnh; MDA: 8012041	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	601/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	3.083	3.083	2024	2.600	125,062	2024	Đã PDQT
82	Đường tổ 3 ấp Long Phú, xã Long Vĩnh; MDA: 8012040	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	606/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	1.101	1.101	2024	938	5,347	2024	Đã PDQT
83	Đường tổ 2 ấp Long Phú và tổ 1,3 ấp Long Đại, xã Long Vĩnh; MDA: 8012042	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	605/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	1.142	1.142	2024	957	5,453	2024	Đã PDQT
84	Đường tổ 5,6,7 ấp Long Phú và tổ 7,9,13 ấp Long Đại, xã Long Vĩnh; MDA: 8012036	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	602/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	2.467	2.467	2024	1.900	49,058	2024	Đã PDQT
85	Đường liên tổ 11 ấp Long Phú - Long Đại và đường số 1,2 tổ 11 ấp Long Đại, xã Long Vĩnh; MDA: 8012050	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	603/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	1.300	1.300	2024	870	8,759	2024	Đã PDQT
86	Đường từ cổng văn hóa Thành Tân (giao ĐH7) đến đường tuần tra Biên Giới, MDA: 7922190	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	45/QĐ-UBND ngày 14/01/2022	11.846	11.846	2023	10.003	43,343	2025	Đã PDQT
A.2	**Nguồn cân đối NS**				**37.348**	**37.348**	**0**	**18.700**	**7.120,000**		
	Công trình mới				**37.348**	**37.348**	**0**	**-**	**763,225**		
1	Trường Tiểu học An Cơ; MDA: 8110563	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	391/QĐ-UBND ngày 01/10/2024	14.677	14.677	2025		232,395	2025-2026	
2	Trường THCS An Cơ; MDA: 8091148	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	195/QĐ-UBND ngày 17/5/2024	14.000	14.000	2025		520,830	2025-2026	
3	Sửa chữa Đường huyện 11B; MDA: 8127900	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	309/QĐ-UBND ngày 30/07/2024	8.671	8.671	2025		10,000	2025	
	Công trình chuyển tiếp, thanh toán nợ							**18.700**	**6.356,775**		
1	Xây mới cầu Hoà Bình; MDA: 8017212	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	422/QĐ-UBND 02/11/2023	37.875	37.875	2024		6.187,605	03/9/2025	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2			3	4	5	6	7	8	9	10
2	Nâng cấp đường Huyện 21 -Lộ Nam Dương; MDA: 7917536	Ban QLDA ĐTXD huyện Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 8	470/QĐ-UBND 31/10/2022	20.058	20.058	2024	18.700	169,170	31/7/2025	
B	**BAN QLDA ĐTXD KHU VỰC 9**				**452.622**	**237.968**		**204.253**	**53.858,841**		
	Nguồn vốn ngân sách tập trung				**28.512**	**14.397**		**15.764**	**6.060,000**		
I	**Dự án chuyển tiếp**				**28.512**	**14.397**		**15.764**	**6.060,000**		
1	Trường Tiểu học Long Thuận C (4 phòng học, 2 phòng chức năng)	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 229/QĐ-UBND 30/01/2024	5.517	3.607	2024	2.215	1.608,000	2025	Đã hoàn thành
2	Trường Tiểu học An Thạnh (điểm Ấp Bến, 4 phòng học, 02 phòng chức năng)	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 212/QĐ-UBND 25/01/2024	5.812	3.312	2024	2.761	2.295,000	2024	Đã hoàn thành
3	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông nông thôn ấp Chánh 08	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 09/01/2024	4.440	1.945	2024	2.729	3,000	2025	Đã hoàn thành
4	Bê tông đường tổ 2 từ nhà ông 3 Em đến đường LP 1	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 6395/QĐ-UBND 30/12/2021; 371/QĐ-UBND, 27/02/2024	647	197	2024	562	3,000	2024	Đã hoàn thành
5	Nhựa hóa tuyến đường vào chốt bảo vệ rừng và sửa chữa tuyến đường từ chốt bảo vệ rừng đến giáp đường Bàu Dài	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 6392/QĐ-UBND 30/12/2021; 386/QĐ-UBND, 01/3/2024	7.013	3.463	2024	4.096	1.960,000	2025	Đã hoàn thành
6	Xây dựng kênh nhánh trên tuyến kênh N2 (giáp đất ông Tuấn)	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 3369/QĐ-UBND 26/11/2021; 367/QĐ-UBND, 28/02/2024	312	102	2024	271	2,000	2024	Đã hoàn thành
7	Nâng cấp, mở rộng bê tông nhựa đường Lợi Thuận 4 (đường Cầu Phao đến bến Bàu Gõ)	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 30/7/204	4.771	1.771	2024	3.130	189,000	2025	Đã hoàn thành
B	**Nguồn vốn sử dụng đất**				**424.110**	**223.571**		**188.489**	**47.799**		
I	**Dự án chuyển tiếp**				**300.723**	**142.728**		**188.489**	**38.241**		
1	Trường Mầm non 15/3	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 372/QĐ-UBND 27/02/2024	14.298	1.836	2024	8.940	1.812,000	2025	Đang thi công

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2			3	4	5	6	7	8	9	10
2	Mở rộng cơ quan Quân sự huyện (Đền bù đất + hàng rào)	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 296/QĐ-UBND 07/12/2023	8.576	5.460	2024	5.460	2.904,000	2025	Đang thi công
3	Bê tông nhựa đường từ ranh Lợi Thuận đi Xóm khuất	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 2078/QĐ-UBND 13/07/2022	52.820	40.830	2023	40.947	4.776,000	dự kiến 2025	Đang thi công
4	Trường Tiểu học Long Thuận C (4 phòng học, 2 phòng chức năng)	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 229/QĐ-UBND 30/01/2024	5.517	3.607	2024	2.215	423,000	2025	Đã hoàn thành
5	Trường THCS Nguyễn Văn Ân (nhà đa năng)	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số Số 1492/QĐ-UBND ngày 27/6/2024 của UBND huyện	2.218	1.228	2024	990	832,000	2025	Đã hoàn thành
6	Trường THCS Long Khánh (nhà đa năng)	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số Số 1494/QĐ-UBND ngày 27/6/2024 của UBND huyện	2.163	1.213	2024	1.250	434,000	2025	Đã hoàn thành
7	Duy tu sửa chữa và nâng cấp TTVH TT-HTCĐ xã Long Phước	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số2783/QĐ-UBND 16/9/2022	993	203	2024	922	13,854	2024	Đã hoàn thành
8	Nâng cấp, sửa chữa chợ An Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 1859/QĐ-UBND ngày 07/8/204	360	80	2024	250	28,226	2024	Đã hoàn thành
9	Trạm y tế xã An Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 2010/QĐ-UBND ngày 26/8/2024	390	110	2024	210	72,790	2024	Đã hoàn thành
10	Xây dựng mới Nhà văn hóa ấp Thuận Tây	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 2007/QĐ-UBND ngày 26/8/2024	1.760	660	2024	1.140	566,966	2025	Đã hoàn thành
11	Nhà mái che, sân nền, mua sắm trang thiết bị Nhà văn hóa 04 ấp và thiết bị trạm y tế, Trung tâm VHTTHTCĐ	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 2568/QĐ-UBND ngày 06/9/2024	1.750	750	2024	1.031	271,901	2025	Đã hoàn thành

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2			3	4	5	6	7	8	9	10
12	Xây mới nhà Văn hoá, sân nền, hàng rào, nhà xe ấp Bàu Trám Nhỏ	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 1811/QĐ-UBND ngày 02/8/204	1.760	760	2024	1.036	549,399	2025	Đã hoàn thành
13	Xây mới nhà Văn hoá, sân nền, hàng rào, nhà xe ấp Tân Lập	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 1721/QĐ-UBND ngày 29/7/204	1.760	760	2024	1.031	575,910	2025	Đã hoàn thành
14	Xây mới nhà văn hoá, sân nền, hàng rào, nhà xe Ấp A	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 2008/QĐ-UBND ngày 26/8/2024	1.760	760	2024	1.038	598,867	2025	Đã hoàn thành
15	Xây mới nhà Văn hoá, sân nền, hàng rào, nhà xe Ấp Bàu Trám Lớn	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 2009/QĐ-UBND ngày 26/8/2024	1.760	760	2024	1.028	178,819	2025	Đã hoàn thành
16	Trường Tiểu học An Thạnh (điểm Ấp Bến, 4 phòng học, 02 phòng chức năng)	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 212/QĐ-UBND 25/01/2024	5.812	3.312	2024	2.761	100,000	2024	Đã hoàn thành
17	Trường Tiểu học Long Thuận B (3 phòng học, 01 phòng chức năng)	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 216/QĐ-UBND 25/01/2024	3.845	2.245	2024	1.915	1.604	2025	Đã hoàn thành
18	Trường Tiểu học - THCS Long Phước (điểm Phước Tây, 3 phòng học)	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 214/QĐ-UBND 25/01/2024	3.000	1.800	2024	1.353	1.077	2025	Đã hoàn thành
19	Trường TH-THCS Long Phước (nhà đa năng)	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 1491/QĐ-UBND ngày 27/6/2024	2.162	1.212	2024	950	823	2025	Đã hoàn thành
20	Trường THCS Long Chữ (nhà đa năng)	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 1493/QĐ-UBND ngày 27/6/2024	2.494	1.494	2024	1.000	924	2025	Đã hoàn thành
21	Trụ sở làm việc Công an xã An Thạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 746/QĐ-UBND 04/04/2023; 2922/QĐ-UBND, 07/12/2023	4.171	2.085	2024	2.350	1.397,546	2024	Đã hoàn thành
22	Trụ sở làm việc Công an xã Long Khánh	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 215/QĐ-UBND 25/01/2024	5.937	3.267	2024	4.670	997,290	2025	Đã hoàn thành

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2			3	4	5	6	7	8	9	10
23	Trụ sở làm việc Công an xã Long Thuận	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 230/QĐ-UBND 30/01/2024	8.754	5.585	2024	4.529	3.450,721	2025	Đã hoàn thành
24	Trụ sở làm việc Công an xã Lợi Thuận	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 3536/QĐ-UBND 15/12/2022	4.171	2.085	2024	4.005	150,000	2024	Đã hoàn thành
25	Đầu tư mới toàn bộ hệ thống PCCC của Trường Mầm non Long Khánh	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 416/QĐ-UBND 07/3/2024	2.035	2.035	2024	1.400	9,515	2024	Đã hoàn thành
26	Đầu tư lại hệ thống báo tự động của Trường mầm non Long Thuận	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 370/QĐ-UBND 27/02/2024	200	200	2024	180	1	2024	Đã hoàn thành
27	Sửa chữa trụ sở làm việc Huyện ủy và khối vận huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 1724/QĐ-UBND 30/7/2024	1.905	1.905	2024	1.000	712,117	2025	Đã hoàn thành
28	Nâng cấp, mở rộng đường Địa đạo - Bến Xóm Khuất (đoạn từ Bến Xóm Khuất đến giáp đường ĐT 786B)	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 3512/QĐ-UBND 14/12/2022	26.836	11.836	2023	24.000	1.144,000	2024	Đã hoàn thành
29	Nâng cấp, mở rộng đường Long Chữ	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 1899/QĐ-UBND ngày 12/8/204	27.438	6.438	2024	11.709	1.777	2025	Đã hoàn thành
30	Láng nhựa Đường LP2 từ Long Giang đến Long Phước đến Bàu Cầu	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 4505/QĐ-UBND 11/11/2021; 343/QĐ-UBND, 23/02/2024	1.730	530	2024	1.200	383	2025	Đã hoàn thành
31	Láng nhựa đường LP17 từ nhà ông Dũng đến công ty Vĩnh Trà	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 2969/QĐ-UBND 12/9/2021; 319/QĐ-UBND, 19/2/2024	3.003	1.003	2024	2.089	669	2025	Đã hoàn thành
32	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông nông thôn ấp Chánh 08	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 09/01/2024	4.440	1.945	2024	2.729	1.181	2025	Đã hoàn thành

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2			3	4	5	6	7	8	9	10
33	Cứng hóa đường ấp Bến 09 (ngã ba mã đến nhà ông Chấn)	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 1972/QĐ-UBND ngày 20/8/2024	372	92	2024	299	45,000	2025	Đã hoàn thành
34	Nâng cấp tuyến Đường Lợi Thuận 15 (đoạn nhà ông Thù đến nhà bà Tâm), Tổ 5 ấp Thuận Hòa	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 1858/QĐ-UBND ngày 07/8/2024	1.109	409	2024	735	238	2025	Đã hoàn thành
35	Đường Tiên Thuận 24 (Từ nhà ông Hùng đến nhà ông Bận, đường TT22)	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 1608/QĐ-UBND ngày 18/7/2024	3.351	1.660	2024	1.770	922	2025	Đã hoàn thành
36	Láng nhựa đường Long Phước 5 ĐH Long Giang-Long Phước đến Tổ 8/2	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 2971/QĐ-UBND 12/9/2021; 388/QĐ-UBND, 01/3/2024	1.806	606	2024	1.200	401	2025	Đã hoàn thành
37	Láng nhựa đường LP 12 từ đường tuần tra biên giới đến kênh KT3	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 2970/QĐ-UBND 12/9/2021; 320/QĐ-UBND, 19/02/2024	5.468	1.968	2024	3.720	1.017,46	2025	Đã hoàn thành
38	Láng nhựa đường Chốt Bàu Năng từ đường tuần tra Biên Giới đến kênh T3	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 2968/QĐ-UBND 12/9/2021; 385/QĐ-UBND, 01/3/2024	1.718	518	2024	1.200	310,081	2025	Đã hoàn thành
39	Nhựa hóa tuyến đường vào chốt bảo vệ rừng và sửa chữa tuyến đường từ chốt bảo vệ rừng đến giáp đường Bàu Dài	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 6392/QĐ-UBND 30/12/2021; 386/QĐ-UBND, 01/3/2024	7.013	3.463	2024	4.096	337	2025	Đã hoàn thành
40	Nối dài tuyến kênh N1 thêm 200m	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 3368/QĐ-UBND 26/11/2021; 369/QĐ-UBND, 28/02/2024	318	108	2024	277	2,062	2024	Đã hoàn thành

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2			3	4	5	6	7	8	9	10
41	Nạo vét kênh T1	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 259/QĐ-UBND 15/02/2022; 368/QĐ-UBND, 28/02/2024	255	65	2024	211	1,250	2024	Đã hoàn thành
42	Cứng hóa đường ấp Chánh 11 (từ nhà máy NĐ ông Bách đến nhà bà Đào)	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 18/7/204	1.958	658	2024	1.360	456,658	2025	Đã hoàn thành
43	Nâng cấp bê tông xi măng, làm mương thoát nước ở giữa tuyến đường ấp Voi 06 (ấp Voi 04 cũ)	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 2652/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	2.611	911	2024	1.763	448,160	2025	Đã hoàn thành
44	Nâng cấp bê tông xi măng đường ấp Voi 16 (điểm đầu nhà ông Trắng điểm cuối nhà ông Mức)	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 1860/QĐ-UBND ngày 07/8/204	478	198	2024	330	230,978	2025	Đã hoàn thành
45	Nâng cấp, thay mới biển báo giao thông các tuyến đường	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 1973/QĐ-UBND ngày 20/8/2024	200	60	2024	85	23,595	2025	Đã hoàn thành
46	Nâng cấp Đường Lợi Thuận 11 (nối dài), Tổ 5, Tổ 6 ấp Thuận Chánh	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 1722/QĐ-UBND ngày 29/7/204	586	286	2024	320	216,129	2025	Đã hoàn thành
47	Nâng cấp, mở rộng bê tông nhựa đường Lợi Thuận 4 (đường Cầu Phao đến bến Bàu Gõ)	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 30/7/204	4.771	1.771	2024	3.130	870,000	2025	Đã hoàn thành
48	Nâng cấp tuyến đường từ nhà ông 5 Trưng đến nhà ông 7 Còn, Tổ 4 ấp Thuận Đông	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 1605/QĐ-UBND ngày 18/7/204	505	255	2024	267	167,965	2025	Đã hoàn thành
49	Nâng cấp tuyến đường từ nhà ông 6 Ăng đến nhà ông út Trớt, Tổ 8 ấp Thuận Hòa	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 07/8/204	469	219	2024	267	133,738	2025	Đã hoàn thành
50	Nâng cấp tuyến đường từ nhà bà Ten đến Bia tưởng niệm, Tổ 1 ấp Thuận Tâm	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 1862/QĐ-UBND ngày 07/8/204	228	78	2024	161	53,785	2025	Đã hoàn thành

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2			3	4	5	6	7	8	9	10
51	Nâng cấp tuyến đường từ nhà ông Mạnh đến nhà ông út Rưng, Tổ 6 ấp Thuận Tâm	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 1861/QĐ-UBND ngày 07/8/204	219	69	2024	162	44,521	2025	Đã hoàn thành
52	Nâng cấp đá 0x4 đường tổ 9 (ấp Bàu Tép, đoạn từ nhà ông Phi đến nhà ông Cảnh) và nâng cấp thay mới biển báo giao thông các tuyến đường	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 18/7/204	1.431	831	2024	636	543,404	2025	Đã hoàn thành
53	Đường Tiên Thuận 30 (Từ nhà ông Minh đến nhà ông Trẽ)	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 1607/QĐ-UBND ngày 18/7/204	1.247	547	2024	732	283,688	2025	Đã hoàn thành
54	Hẻm từ nhà ông Vương Văn Phương (cafê Khánh Phương đến kênh Địa xủ khu phố 1	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 2925/QĐ-UBND 07/12/2023	5.202	1.202	2024	4.000	120,000	2025	Đã hoàn thành
55	Tuyến đường trên bờ kênh tiêu Cống Ông Ngãi (bờ bên trái, đoạn từ giáp đường Đặng Văn Sơn đi kênh tiêu Địa Xủ), Khu phố 1	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 2923/QĐ-UBND 07/12/2023	7.369	2.369	2024	5.000	12,231	2024	Đã hoàn thành
56	Tuyến đường từ nhà ông Phạm Ơi đến thánh thất Lợi Thuận khu phố 2	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 2924/QĐ-UBND 07/12/2023	4.177	930	2024	2.999	24,000	2025	Đã hoàn thành
57	Hẻm 177 từ nhà bà Nguyễn Thị Lễ đến nhà ông Ngô Văn Tôi khu phố 3	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 2927/QĐ-UBND 07/12/2023	3.574	1.574	2024	2.301	237,000	2025	Đã hoàn thành
58	Hẻm 166 từ vườn cao su đến nhà Dương Văn Sân khu phố 3	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 2928/QĐ-UBND 07/12/2023	6.583	5.000	2024	5.000	413,000	2025	Đã hoàn thành
59	Mương thoát nước từ Đình Long Thuận đến nhà ông Võ và từ đình Long Thuận đến Nhà ông Lòn	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 4667/QĐ-UBND 30/11/2022; 387/QĐ-UBND, 01/3/2024	1.375	1.375	2024	1.140	174,030	2024	Đã hoàn thành
60	Nâng cấp, mở rộng đường Quỳnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 1720/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	29.339	6.339	2024	10.000		2025	Đã hoàn thành

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	2			3	4	5	6	7	8	9	10
61	Sửa chữa, bổ sung biển báo giao thông, cây xanh, đèn chiếu sáng các tuyến đường trên địa bàn xã Long Khánh	Phòng Kinh tế hạ tầng và Đô thị	xã Long Thuận	286/QĐ-UBND ngày 12/02/2025	1173,457	1173,457	2024		76,052		Đã QT
II	**Khởi công mới**				**77.362**	**48.737**		-	**8.259,000**		
1	Hệ thống điện chiếu sáng đường ranh Long Vĩnh (LC2) xã long Chữ	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 191/QĐ-UBND 23/01/2025	2.099	2.099	2025	-	1.083,000	2025	Đang thi công
2	Nhà chuông nghĩa trang liệt sĩ huyện Bến Cầu	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 1409/QĐ-UBND 24/4/2025	1.954	1.954	2025	-	1.836,000	2025	Đang thi công
3	Nâng cấp bê tông nhựa tuyến đường từ ngã 3 nhà Bia tưởng niệm đến ngã 3 Địa Đạo	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 2326/QĐ-UBND 25/6/2025	32.822	4.197	2025	-	2.099,000	dự kiến 2027	Đang trình SXD Thẩm định bước 2
4	Bê tông nhựa đường bao Thị trấn (đoạn từ ĐT 786 đến đường Tiên Thuận 9)	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 2327/QĐ-UBND 25/6/2025	40.209	40.209	2025	-	3.000,000	dự kiến 2027	Đang trình SXD Thẩm định bước 2
5	Cải tạo nền bê tông trung tâm văn hóa huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số Số 1408/QĐ-UBND ngày 24/4/2025	278	278	2025	-	241,000	2025	Đã hoàn thành
III	**Dự án chuẩn bị đầu tư**				**39.319**	**25.400**			**999,579**		
1	Trồng cây xanh các tuyến đường huyện nông thôn mới	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 404/QĐ-UBND ngày 25/02/2025	18.000	10.375	2025		425,716		
2	Nhà chuông nghĩa trang liệt sĩ huyện Bến Cầu	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 1409/QĐ-UBND 24/4/2025	1.954	1.954	2025		44,000	2025	
3	Mương thoát nước từ ông Lê Tiến Dũng đến Trường Tiểu học Long Thuận B	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 2784/QĐ-UBND ngày 16/9/2022	5.994	5.994	2025		94,373		
4	Đặt cống thoát nước hai bên đường từ Trường tiểu học Long Khánh A đến cống nhà Ông 7 Kha	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 16/9/2022	9.702	4.338	2025		281,329		

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
5	Cứng hóa đường xe đường Long (từ HBC 05 đến giáp ranh Long Phước)	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 02/3/2023	2.507	2.507	2025		120,715		
6	Hệ thống mương thoát nước đường nội bộ cụm dân cư ấp Phước Tây	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 1849/QĐ-UBND ngày 07/7/2023	1.162	232	2025		33,446		
IV	**Dự án dừng thực hiện**				**6.706**	**6.706**		-	**299,554**		
1	Sửa chữa, cải tạo trụ sở UBND huyện và Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 182/QĐ-UBND 23/01/2025	4.793	4.793			197,492		
2	Cải tạo, sửa chữa Thanh tra huyện, hàng rào sân nền Phòng TCKH và TTVH huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Bến cầu	Ban QLDA ĐTXD Khu vực 9	Quyết định số 190/QĐ-UBND 23/01/2025	1.913	1.913			102,062		

Phụ lục 13

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

NGUỒN VỐN XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG VÀ THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN ĐIỀU CHUYỂN VỀ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH PHÂN BỔ CHO CẤP XÃ NHƯ CẤP HUYỆN ĐÃ PHÂN BỔ

Đính kèm Nghị quyết số: 07/NQ-HĐND ngày 04/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư cũ	Chủ đầu tư điều chỉnh	Quyết định đầu tư			Năm bắt đầu phân bổ vốn	Lũy kế phân bổ đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS cấp huyện					
1	*2*			*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	10
1	**Nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung**				**4.928**	**4.928**		**0**	**4.273**		
	Xã Tuyên Thạnh				**2.636**	**2.636**			**2.136,090**		
1	Sửa chữa, mua sắm trang thiết phục vụ Trung tâm Hành chính công xã Tuyên Thạnh mới	UBND xã Thạnh Hưng	UBND xã Tuyên Thạnh	2070/QĐ-UBND; 16/6/2025	1.169,053	1.169,053	2025		1.169,053		
2	Sửa chữa Trụ sở UBND xã Thạnh Hưng	UBND xã Thạnh Hưng	UBND xã Tuyên Thạnh	2071/QĐ-UBND; 16/6/2025	596,037	596,03700	2025		596,037		
3	Sửa chữa Trụ sở UBND xã Tuyên Thạnh	UBND xã Tuyên Thạnh	UBND xã Tuyên Thạnh	2072/QĐ-UBND; 16/6/2025	871	871,00	2025		371,000		
	Xã Bình Hiệp				**1.992**	**1.992**		**-**	**1.837,673**		
1	Sửa chữa, mua sắm trang thiết phục vụ Trung tâm Hành chính công xã Bình Hiệp mới	UBND xã Bình Hiệp	UBND xã Bình Hiệp	2078/QĐ-UBND; 16/6/2025	965,673	965,673	2025		965,673		
2	Sửa chữa, cải tạo trụ sở Đảng ủy xã Bình Hiệp và trụ sở UBND xã Bình Hiệp	UBND xã Bình Hiệp	UBND xã Bình Hiệp	2079/QĐ-UBND; 16/6/2025	1.027	1.026,56	2025		872		
	Xã Vĩnh Châu				**150**	**150**		**0**	**150**		
1	Lắp đặt dụng cụ thể dục - thể thao ngoài trời xã Vĩnh Đại	UBND xã Vĩnh Đại	UBND xã Vĩnh Châu	3349/QĐ-UBND; 31/10/2024	150	150,00	2025		150	2.025	
	Xã Hưng Điền				**150**	**150**		**0**	**149**		
1	Lắp đặt thiết bị tập thể dục - thể thao công viên xã Hưng Hà	UBND xã Hưng Hà	UBND xã Hưng Điền	3350/QĐ-UBND; 31/10/2024	150	150,00	2025		149	2.024	
	Xã Vĩnh Thạnh										
1	Lắp đặt thiết bị tập thể dục - thể thao các ấp xã Hưng Thạnh	UBND xã Hưng Thạnh	UBND xã Vĩnh Thạnh	3351/QĐ-UBND; 31/10/2024	200	200,00	2025		200	2.025	
2	**Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất**				**42.237**	**34.467**		**0**	**9.874**		
	Xã Thạnh Hòa				**3.500**	**3.500**		**0**	**700**		
1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở xã Thạnh Hoà	UBND thị trấn	Xã Thạnh Hoà	3067/QĐ-UBND ngày 20/6/2025	3.500	3.500,00	2.025		700	2025	
	Xã Vĩnh Thạnh				**2.547**	**2.547**		**0**	**200**		
1	Chợ trung tâm xã Hưng Thạnh	xã Hưng Thạnh	UBND xã Vĩnh Thạnh	1628/QĐ-UBND; 25/10/2013	1.196,9	1.196,9			65,714	2025	
2	Sửa chữa Trụ sở UBND xã Hưng Thạnh	xã Hưng Thạnh	UBND xã Vĩnh Thạnh	314/QĐ-UBND; 21/02/2023	950,0	950,0	2024		92,392	2025	

				Quyết định đầu tư			Năm bắt	Lũy kế			
3	Sửa chữa cổng, hàng rào, nhà xe trụ sở UBND xã Thạnh Hưng	xã Thạnh Hưng	UBND xã Vĩnh Thạnh	314/QĐ-UBND; 13/01/2023	400,0	400,0	2024		42,097	2025	
	Xã Cần Đước				**800**	**800**		**0**	**37**		
1	Nhà văn hóa ấp 7 xã Tân Ân	UBND xã Tân Ân	xã Cần Đước	13336/QĐ-UBND, 01/10/2024	800	800,00	2025		37	2025	
	Xã Tân Lân				**800**	**800**		**0**	**52**		
2	Nhà văn hóa ấp Xóm Mới xã Tân Lân	UBND xã Tân Lân	xã Tân Lân	13102/QĐ-UBND, 24/9/2024	800	800			52	2025	
	Xã Hậu Nghĩa				**25.293**	**19.610**		**0**	**5.455**		
1	Đường cổng văn hóa ấp Rừng Dầu - Bến Long	xã Tân Mỹ	Xã Hậu Nghĩa	182/QĐ - UBND, 16/4/2025	9.060	7.550,00	2025		5.455	2026	
	Xã An Ninh				**2.209**	**230**		**0**	**14**		
1	Nâng cấp bê tông đường Lộc Hòa 1 nối dài	UBND xã Lộc Giang	xã An Ninh	132/QĐ-UBND; 15/12/2024	2.209	230	2025		14	2026	
	Xã Đức Hòa				**5.908**	**5.800**		**0**	**3.215**		
	Hệ thống thoát nước đường Nguyễn Thị Thọ - Liên xã Đức Hòa Thượng	thị trấn Đức Hòa	xã Đức Hòa	270/QĐ - UBND, 02/4/2025	5.908	5.800,00	2025		3.215	2026	